nghệ thuật

Bài thứ bảy trong loạt bài viết về mười tác giả Việt Nam

lý hoàng phong: kiêm minh, nhà văn của bông hồng và ngõ hẻm

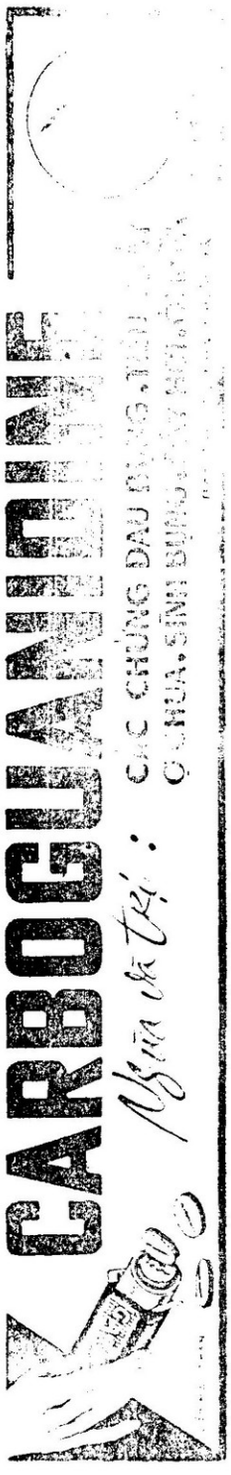

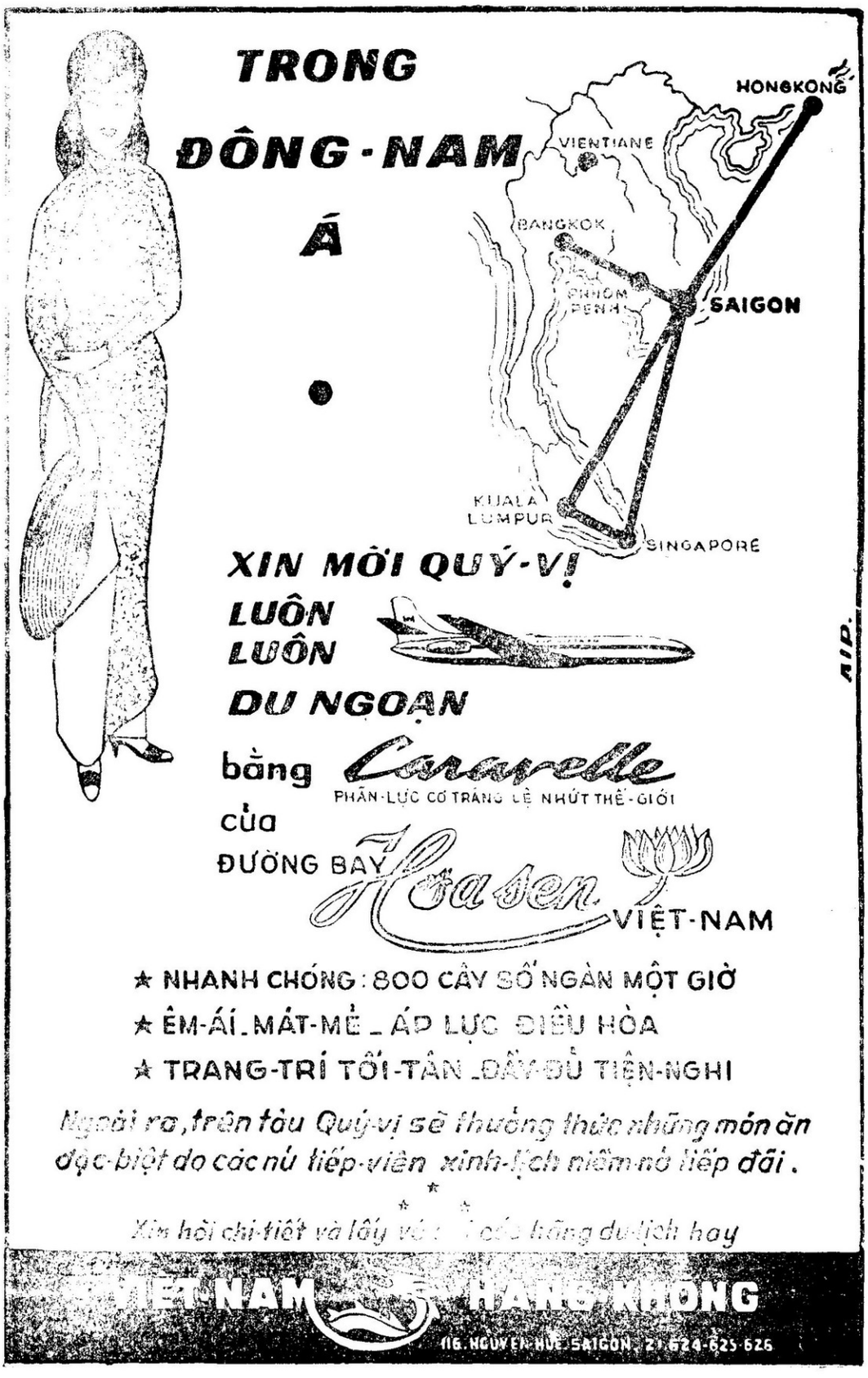

SẮP PHÁT HÀNH

tình khúc tháng 11

Thơ DU TỬ LÊ

Bìa và phụ bản

Duy Thanh — Huy Tưởng — Động Đình Ho

nghệ thuật

LÝ HOÀNG PHONG	☐	KIÊM MINH, NHÀ VĂN CỦA BÔNG HỒNG VÀ NGÕ HẺM
NGHỆ THUẬT	☐	PHỎNG VẤN ĐỘC GIẢ VỀ TIỂU THUYẾT VÀ NHÀ VĂN BÂY GIỜ
PHẠM VĂN SƠN	☐	NÓI THÊM VỀ CAO BÁ QUÁT
NGUYỄN TRUNG	☐	NHỮNG KHUYNH HƯỚNG CỦA HỘI HỌA HIỆN ĐẠI
NGUYỄN NHẬT DUẬT	☐	VIỄN QUAN BIỆN CHỨNG VỚI KINH NGHIỆM VỀ VỰC THẲM

MẶC THU ☐ CUNG TRẦM TƯỞNG ☐
☐ SƠN NAM ☐ SĨ TRUNG ☐ VIỄN KÍNH
VÀ VỤ CẤM SÁCH THANH NAM

Y UYÊN	☐	MÙA XUÂN MẶC ÁO VÀNG
KIỆT TẤN	☐	CỦ KHOAI — ĐIỆP KHÚC TRÁI PHÁ
CAO THOẠI CHÂU	☐	NHỮNG NGÓN CHÂN CỦA ĐÊM

MALRAUX — TÔ THÙY YÊN	☐	PHẬN NGƯỜI
SƠN NAM	☐	VẠCH MỘT CHÂN TRỜI
VIÊN LINH	☐	TỪ ĐÓ,

MAI THẢO	☐	VĂN NGHỆ VÀ CUỘC SỐNG
HOÀNG VYỄN NGU DUÂNG LINH	☐	CUỘC ĐỜI HỒ HỮU TƯỜNG
PHẠM MỸ KHÁNH	☐	NHỮNG NGƯỜI VIẾT MỚI

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT : MAI THẢO — THƯ KÝ TÒA SOẠN : VIÊN LINH

TUẦN BÁO VĂN NGHỆ_NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

VỤ THANH NAM

Kỳ trước, Nghệ Thuật đã có một bài viết nhỏ về vụ cấm sách của nhà văn Thanh Nam. Bài viết bị đục mất hai đoạn. Dù thế, một cuộc phỏng vấn đã được mở ra, và kỳ này, bạn sẽ đọc một số những ý kiến ngắn dưới đây của Cung Trầm Tưởng, Sơn Nam, Mặc Thu, Sĩ Trung Viễn kính, về hành động trên. Những phát biểu này thay cho mục thời sự nghệ thuật thường tuần của tờ báo :

CUNG TRẦM TƯỞNG

E PUR SI MUOVE

Nếu lần này là lần thứ 1 ngàn lẻ một thì vẫn cứ nhắc lại văn chương đâu phải là một nhà thương thí để quý ông bác sĩ đến làm những công tác vệ sinh. Biện pháp xịt thuốc, chích ngừa của quý ông có thể diệt trừ bệnh sốt rét ngã nước, nhưng chắc chắn không gây mảy may phản ứng sốt rét ngã lòng nào nơi những ý thức văn nghệ độc lập.

Lịch sử, như 1 vận động biện chứng, đã quá một lần xác nhận như vậy. Trước pháp đình của những tu sĩ tự phong cho sứ mệnh « truy tà », một Galilée bị trói tay và quỳ xuống đã dam cưỡng lại những lời dạy trong Thánh Thư, và thốt ra . « E pur si muove » hay « Muốn sao thì muốn, trái đất nó vẫn chuyển động ». Đây là một chúc thư tuy ngắn ngủi nhưng chứa chất cả một chân lý tuyệt đối. Nó nói lên ý nghĩa đối kháng của lương tri

MẶC THU

NHÀ VĂN CÓ BỔN PHẬN PHẢN ÁNH THỰC TẠI ĐỜI SỐNG

Tôi nghĩ những nhà văn chỉ có bổn phận phản ảnh những thực tại của đời sống. Họ viết những gì họ nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy. Họ nhìn nghe thay những người khác những gì mà người khác không thấy. Thế thôi ! Phần còn lại là bổn phận của những người khác. Nhà văn không phải là những nhà đạo đức, luân lý, cũng không phải là những chánh khách hay những nhà chuyên môn cải tạo xã hội. Họ viết cho những người mà họ tin là đã trưởng thành, đã đủ sức hiểu họ.

Về « trường hợp Thanh Nam » tôi thấy sự cấm đoán mấy tác phẩm của nhà văn nầy là một sự xâm phạm vào đời sống văn học nghệ thuật miền Nam nầy...

Tuy nhiên, một mâu thuẫn khó mà bào chữa được là quý ông đã hành xử bộp chộp khi, đương lúc muốn chống văn chương « cao bồi », lại nhè bắt các thí sinh còn non dại mô tả hình thù và điệu bộ một tên « cao bồi ». Lỗi tiểu thuyết Thanh Nam ra để thí nghiệm chính sách tẩy uế của quý ông, quý ông đã chọn lầm con bệnh rồi ! Những kẻ cần phải cô lập, rút thẻ hành nghề và bắt vào lục xì trước tiên chắc chắn không phải là những nhà văn dám táo tợn nói ra sự thật,

Một chiến dịch « lành mạnh hóa xã hội » như con dao hai lưỡi. Hoặc nó dẫn đến cấu thành một bông hoa đức lý thơm phức.

SƠN NAM

CHƯA MỘT NHÀ PHÊ BÌNH NÀO GÁN CHO ÔNG HAI TIẾNG ĐỒI TRỤY

Tôi thấy Thanh Nam hiền lành và bấy lâu nay chẳng bao giờ được nhà phê bình nào gán cho hai chữ khiêu dâm cả. Tiểu thuyết của Thanh Nam đã đăng báo — báo có kiểm duyệt — và được kiểm duyệt lâu nhì, trước khi in thành sách. Tôi ngạc nhiên lắm. Vì nếu muốn đánh vào văn chương đồi trụy thì nên đánh. . vào chỗ khác.

SĨ TRUNG

TÔI KHÔNG THỂ NÀO HIỂU NỔI

Tôi đọc sách Thanh Nam rất nhiều trước khi tôi bước vào lãnh vực tiểu thuyết. Tôi mến tên anh và tác phẩm của anh, ngoài bút pháp và kỹ thuật dựng truyện, còn ở nội dung xây dựng mà anh muốn gửi đến cho người đọc bằng hình thức nầy hoặc bằng phương tiện nọ.

Do đó, tôi lấy làm ngạc nhiên và buồn phiền khi hay tin anh là « nạn nhân » đầu tiên

Có phải Thanh Nam bị « tố cáo » viết sách khiêu dâm đồi trụy không ? Nếu đúng như vậy thì tôi không thể nào hiểu nổi những tiếng « khiêu dâm », đồi trụy gán cho anh và sách của anh !

VIỄN KÍNH

PHẢI ĐƯỢC BÀO CHỮA TRƯỚC KHI BỊ LÊN ÁN

Nhiều nhật báo đã lên tiếng bênh vực Thanh Nam, cho rằng tác phẩm của Thanh Nam hầu hết lành mạnh, xây dựng và dù cho ThanhNam có viết cuốn nào không phù hợp với đạo đức mô phạm của các nhà giáo, thì một thông cáo kết tội chưa đủ. Giới văn nghệ trong nước đòi phải có những lời buộc tội của nhà cầm quyền để tác giả biết rằng mình sai lầm ở chỗ nào, sai lầm cả nội dung cốt truyện hay chỉ sai lầm từng đoạn văn, đồng thời cũng đòi phải có quyền biện minh bào chữa của tác giả, trước khi tác phẩm của nhà văn bị lên án.

(trích Kịch Ảnh)

Cáo lỗi

Vì nhà văn Thanh Tâm Tuyền bị ngọa bệnh nên truyện dài Dấu Mặt phải gác lại kỳ này. Bạn đọc sẽ đọc tiếp trong kỳ tới.

N.T

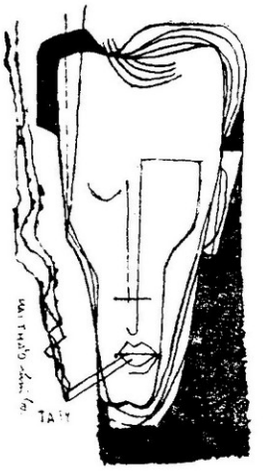

VĂN NGHỆ VÀ CUỘC SỐNG

■ ghi nhận của MAI THAO

Thứ hai 11-7

Tôi không bao giờ muốn là một siêu nhân. Siêu nhân sống trên và ngoài thiên hạ. Tôi chỉ muốn là một người thường. Để được sống trong và cùng thiên hạ. Hà thượng Nhân muốn như thế. Và nói với tôi như thế. Anh chở tôi về. Đêm đã khuya. Thành phố mát, như một ly nước lọc, trong và đầy, tôi uống từng ngụm nhỏ. Trận mưa buổi chiều vừa ngớt. Nước thả giọt trong lá. Xe lăn chậm, chạy vòng một ngã Bảy mênh mông Đường 20. Con đường nay, hồi mới di cư vào, tôi mất cả một buổi chiều tìm không ra địa chỉ một người bạn. Saigon 1954 là một mới lạ hoàn toàn. Một mới lạ thú nghịch. Nó đẩy mình ra. Không tiếp nhận. Bây giờ khác. Liên hệ giữa tôi và Saigon đã có. Như một siết tay lâu và thân. Có được trở về Hà Nội nếu còn được trở về, cũng thăm viếng sơ qua thôi, rồi sẽ lại từ ga Hang Cỏ lên, xuống ga Saigon, sống. Chúng tôi thường bảo nhau như thế, trong khẳng định với nhau rằng Saigon qua là một thành phố dụng người. Hà nội, nghĩ lại, bây giờ thấy nó nhỏ chật. Phiền toái. Làm rườm rà và rối rắm đời sống một cách vô ích lắm. Chúng ta đã có một đổi thay căn bản về một ý niệm quê hương rồi đó. Chuyển đổi một vùng trời là một thông thường. Quan hệ là thích ứng, hòa nhập được, biểu tỏ được cái khả năng sinh động uyển chuyển của một lối sống không cứng chết trong những điều kiện tiên thiên. Sống tự do là khoan thai và đơn giản sống.

Thứ ba 12-7

Những ghi nhận này của tôi, nhiều khi, tôi đã muốn là những ghi nhận chung. Nghĩa là ghi thay và nhận thay cho rất nhiều người. Đâu có được. Muốn như vậy là ngu xuẩn lắm. Đời sống muôn hình nghìn vẻ là ở cái muôn hình nghìn vẻ của từng người ngắm nhìn nó từ những khía cạnh riêng tư. Thời đại bây giờ là của cá nhân. Cá nhân lớn nhất. Cái có một là cái lớn nhất. Vậy, anh với tôi là mỗi thế giới. Hẳn chứ. Tôi đi, tôi hát một mình. Tôi yêu những con đường nhỏ. Những phút lặng thầm. Mình với mình hay. Riêng mình mình biết. Sống mãi mãi là một bí mật,

Thứ tư 13-7

Về vụ « đề nghị cấm lưu hành ba cuốn tiểu thuyết của Thanh Nam». Gặp T N, tôi bảo anh : cần nhất và trước hết, tác giả phải đích thân lên tiếng. Không phải để biện minh. Không có gì phải biện minh hết. Không phải để bào chữa. Không có gì để bào chữa hết. Nghệ thuật hạ đẳng nhất, không phải ở chỗ nó biểu hiện sự thật. Mà trái lại, nó hạ đẳng khi đồng lõa với những mưu toan dấu che và chôn vùi sự thật. Một xã hội khốn nạn là một xã hội ở đó sự thật bị giết chết. Nghệ thuật vàng son hoa mỹ chỉ là một đánh lừa người. Ở nghệ thuật, là tất cả những sự thật, toàn vẹn những sự thật – không từ một sự thật nào, tôi nhấn mạnh, không từ một sự thật nào, phải được nói ra. Xã hội chúng ta ung nhọt đầy mình. Và bởi vậy mà chúng ta phải can đảm nhìn vào thực tế nó. Trước hết là gọi đích danh tên tuổi những niềm đau. Và sau, là đổi thay nó. Ai cũng phải biết như thế.

MỘT TÁC GIẢ

IGNAZIO SILONE : MỖI CON NGƯỜI MỘT CON ĐƯỜNG

IGNAZIO Silone nói ngay với tôi ông đã gọi điện thoại về La Mã, hôm qua. Và ở La Mã lúc này, đang rực rỡ nắng. Ông có vẻ hài lòng, gần như khoan khoái. Tôi tự hỏi, tại sao cái miệng kia đang khoan thai, nói đến cái đẹp của La Mã mùa hè, có thể, bốn mươi năm trước đây, ở trụ sở đảng Cộng sản Mạc Tư Khoa, phủ nhận Staline cái quyền khai trừ Trosky.

Chả là có rất nhiều con người trong một Silone. Một chiến sỹ phấn đấu cho giai cấp. Một kẻ nổi loạn, ly khai với Mạc Tư Khoa từ 1931. Một nhà thông thái. Một trong những tiểu thuyết gia lớn nhất thời này.

Giữa bấy nhiêu con người khác biệt, khôn ngoan bảo ta đừng nên nghiêng về một lựa chọn nào. Mà phải nhận Silone trong cái khối toàn thể của Silone. Như kiểu một khối đất sét. Silone như thế. Như một khối đất sét, Chậm về mềm. Nặng chĩu và mạnh mẽ.

Cuốn sách mới nhất của ông, *Sortie de Secours*, được trình bày như một tự thuật. Nó làm ngạc nhiên ta. Nó bắt đầu bằng kể lại, một cách vui thú những kỷ niệm tuổi nhỏ. Rồi truyện thuật lại mất đi, nhường chỗ cho một loạt tìm hiểu lý thuyết về chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa nhân bản, những tiến bộ của xã hội và của con người. Trước sự ngạc nhiên, nếu có, nơi anh, về hình thức sáng tác khác thường này, Silone trả lời :

— Tôi không thích tiểu thuyết loại tự thuật. Nói : «Tôi ra đời ở nơi nào, chốn nào...» nản lắm. Một chân dung tốt là mấy nét bút chì với khoảng trống chung quanh. Của kẻ có một lối ngắm nhìn toàn diện. Như vậy, chân dung kia không riêng tây quá. Bởi vậy, trong truyện tôi, tôi liên tiếp chiếu sáng, một hình thái này hay một hình thái khác của đời, với một đứa nhỏ, làm nó rung động là một con phố, một kẻ cắp mà những người cảnh sát điệu đi, một tu sỹ, một thầy giáo. Ở một thiếu niên đã khác đi. Nó đi vào thế giới của ý tưởng. Phải, ý tưởng đến sau.

GIỐNG TÀI TỬ GIÀ RAIMU

Hình thức, Ignazio Silone thật giống với tài tử của màn ảnh Pháp Raimu. Nhưng một Raimu không trắng trợn, khả ái hơn một Raimu, có qua cái bề ngoài thô bạo, một cái gì thật dịu dàng. Ông nghĩ chín rồi mới trả lời. Chọn lựa từng chữ dùng. Và phải được chắc chắn với ông là người nghe hiểu rõ không lầm điều ông vừa nói.

— Cái gì tồn tại thường xuyên và mãi mãi qua những hoạt động nhiều mặt của tôi ? Tôi không nói với bạn về một chương trình hoạt động chính trị như của một người làm chính trị. Tôi nghĩ rằng qua toàn bộ tác phẩm tôi là một thiện cảm xâu xa đối với những người nghèo. Và một ác cảm mạnh mẽ về mọi hình thức Nhà Nước chuyên chính. Điều sai lầm là người ta hay thích xếp chung loại người, loại nhà văn. Tôi rất muốn người ta làm gần tôi với một người như Camus, không phải Camus của *l'Etranger*, có lẽ là Camus của *La Peste* hay của *L'homme Révolté*. Trước chiến tranh, tôi thường người ta xếp tôi chung với André Malraux. Được đi. Nhưng bây giờ thì hiển nhiên giữa tôi và Malraux không có một mảy may liên hệ. Dù là đọc những tác phẩm trước chiến tranh của Malraux như *Les Conquérants*, *La Condition humaine* bây giờ người ta thấy Malraux rất khác tôi.

Trở lại với vấn đề chuyên chính Nhà Nước, Cộng sản và độc tài kiểu Staline, Silone nói :

— Tôi thừa biết một cuộc cách mạng không thể thành công mà không có tàn bạo và khủng bố. Nhưng, trong trường hợp của Nga Sô, điều tôi tố cáo là sự khủng khiếp của tàn bạo, và nhất là sự vô ích của tàn bạo ấy. Khi hàng nghìn hàng vạn người bị lưu đày hay thủ tiêu, không nghiên cứu, không xét xử, tôi nói đó không còn là cách mạng nữa. Đó là thủ tiêu để mà thủ tiêu. Đại hội đảng lần thứ 20 của Nga Sô, đã tìm cách đoạn tuyệt với đường lối thanh trừng đẫm máu ấy. Cấp lãnh đạo làm thế để tự chứng minh. Rằng họ cũng là nạn

nhân của thanh trừng và khủng bố dưới Staline. Nhưng thật khó khăn cho một chế độ độc tài trở thành tự do thực sự.

Tôi nghĩ đến một câu của Sartre. Sartre nói, gần như thế này :

– Khi nào tất cả mọi người đều được sống khá hơn, lúc đó chủ thuyết Mác-xít không còn tồn tại nữa, bởi vì không còn đấu tranh giai cấp.

Với tôi, hình như cả khi không còn đấu tranh giai cấp, vẫn có một tranh chấp phải thanh toán. Đó là tranh chấp giữa Nhà Nước và xã hội. Càng ngày Nhà Nước càng chiếm đoạt một số chức vụ thực ra là thuộc quyền xã hội. Nhà Nước nắm trong tay những phương tiện ghê gớm, nhưng tôi nghĩ rằng để thuận hợp với tiến triển của lịch sử, xã hội phải luôn luôn vùng lên và phản chống lại uy quyền Nhà Nước. Tóm lại, lối nhìn này gần như vô chính phủ, bởi vì tôi coi vấn đề Nhà Nước là một vấn đề chủ yếu và tôi lựa chọn xã hội thay vì Nhà Nước.

Trên đây là phác họa lối nhìn ngắm chính trị ở Ignazio Silone. Bây giờ, chúng ta làm bật lên con người nhà văn. Về phương diện này, Silone phát biểu :

– Tiểu thuyết tôi, trên căn bản, mang chung một ưu tư với hành động chính trị của tôi. Tiểu thuyết tôi cũng miêu tả con người trong xã hội tân tiến. Trong giả tưởng cũng như trong không tưởng, tôi vẫn đứng ở phía đó, phía con người. Nhưng con người trong tập đoàn mình. Bởi vậy, mà tôi không quan tâm lắm đến tâm lý, đến mộng tưởng. Tôi chú trọng nhiều hơn đến những liên hệ nối kết giữa người và người. Kỹ thuật theo tôi không quan trọng. Tôi không tin người ta làm mới được tiểu thuyết bằng kỹ thuật. Có những người nghiên cứu kỹ thuật. Để trở thành những Picasso nhỏ, những Flaubert lùn. Lố bịch lắm. Cố nhiên ở một nước trí thức như nước Pháp, có thể người ta chán ngay cái lối kể chuyện lúc nào cũng bằng một cách giống nhau. Và bởi vậy mà có những kiếm tìm mới về hình thức biểu hiện. Nhưng ở Ý thì khác. Một biến đổi quan trọng đã xảy ra hồi 1945. Đó là trường phái tân tả thực Ý. Chúng tôi không có những nhà văn lớn so sánh được với những nhà văn Nga, với Flaubert, với Zola, với các nhà văn Anh. Người ta bảo người Ý bất lực trong kể lại một câu chuyện bằng văn chương. Nghĩa là, người Ý không biết kể chuyện. Từ thời kỳ Phục Hưng, nhà văn Ý chỉ như một thứ trang hoàng, một đồ xa xỉ phẩm, phục vụ cho những giai cấp phong lưu và nói với anh về những điều hư ngụy.

Nói đến điện ảnh Ý đại Lợi, phải nói đến Fellini, De Sica. Như những khuôn mặt lớn. Nói đến tiểu thuyết Ý phải nói đến Moravia và Silone. Nhất là Silone. Bài phỏng vấn lược thuật lại dưới đây đăng trong tuần báo Le Figaro Létteraire, *vẽ lên chân dung nhà văn lẫy lừng mang tên Ignazio Silone qua những phát biểu của Silone về văn chương, tác phẩm, con người và thời đại mình. Qua liên hệ hằng cửu giữa một cá nhân với cái toàn thể trở thành đối tượng cho ý thức và hành động của cá nhân đó. Ignazio Silone là một nhà văn có thái độ. Có khuynh hướng mác xít, nhưng ly khai với Mạc tư Khoa từ 1931, Silone ở giữa những người nghèo, nhưng chối từ và lên án mọi hình thức khống chế tư tưởng và đàn áp tự do ta đã thấy hồi Staline thuở xưa, và hiện nay, ở Trung Hoa lục địa, dưới Mao trạch Đông.*

Sau 1945, tất cả đã được thay đổi. Những nhà văn Ý bắt đầu đề cập tới hết mọi vấn đề, trước hết là những vấn đề trước kia bị cấm đoán hay bỏ qua. Suốt mười năm, có một tràn ngập ghê gớm của văn chương hiện thực. Trước chiến tranh, đồ vật thiết yếu có mặt trong văn chương Ý là cái ống nói màu trắng. Thế rồi, bất thình lình cái ống nói màu trắng ấy biến mất. Trong truyện, chỉ là những người Ý hò hét với nhau từ cửa sổ này đến cửa sổ khác.

KHÔNG CÒN BIẾT ĐÂU LÀ TỐT KHÔNG CÒN BIẾT ĐÂU LÀ XẤU

Nhưng sự trạng này không kéo dài. Hãy nhìn vào điện ảnh Ý. Sau Rosellini, chúng ta có Antonioni. Trong những phim mang dấu hiệu Antonioni, không còn gì xảy đến nữa, không phân biệt được đâu là xấu đâu là tốt, người ta đi vào một nghệ thuật hư vô — hư vô hiểu theo nghĩa của Nietzsche — và lại là sự xuất hiện của những ống điện thoại trắng.

Một phát biểu sau cùng của Ignazio Silone về hoạt động hiện nay của ông :

Tôi điều khiển một tạp chí ở La Mã. Tờ Tempo Presente. Nó không hẳn là một tạp chí văn nghệ. Chúng tôi muốn triển bay trên diễn đàn này một nhận định thường xuyên về thời đại chúng ta. Đó là một việc làm rất khó nhọc. Điều gay cấn nhất là làm sao cắt nghĩa cho độc giả hiểu được rằng bài vở họ gửi đến thường là dở lắm. Nhiều khi, tôi phải mất cả một buổi sáng để thuyết phục một vài người. Một tạp chí, có gần giống như một gia đình. Người chủ nhiệm có thể xem như một vị cố đạo cai quản một nhà thờ, có nhiệm vụ chỉ đường cho từng người, điều hòa mọi ý kiến. Trên khía cạnh này, tôi phải thú thật điều này là cái gia đình tôi điều khiển lộn xộn lắm. Bởi không bao giờ chúng tôi đồng quan điểm với nhau. Nhưng tốt hay xấu, nó cũng là một gia đình.

Câu nói cuối cùng này của Silone chỉ là một câu nói đùa. Nhưng nó phản chiếu cho một trong những ưu tư hàng đầu của Silone. Đó là sự tôn trọng, gần như thiêng liêng, gửi cho từng cá nhân. Cá nhân ngoài đời. Hay cá nhân trong tiểu thuyết của Silone

(Theo Gilles Laponge)

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẮP

— HỌC LỆ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác.** Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

TỪ ĐÓ,

TRUYỆN DÀI **viên linh** □ 4

VI

TIẾNG giầy đập trên nền đá cứng dội vào ngực Xích. Đôi mắt nhắm tạo nên một bóng đêm và trong bóng đêm đen, Xích nghe vang vọng những đe dọa vô cùng. Tiếng bước chân dồn dập quanh ngôi nhà ta trú ngụ, tiếng đập cửa thình thích đâu đó. Một ánh đèn pin soi thốc lên mái nhà Một người nặng nề đi qua. tới gần, đứng lại. Hắn lướt đi và tiếng chân sau đó nhỏ dần ở đầu ngõ Một tiếng đập rầm rầm trong hành lang. Building đã về khuya, tiếng đập tàn bạo đe dọa. Hành lang trống, lạnh lẽo dưới ánh đèn mờ tối. Những căn phòng trơ mặt cửa kín bưng. Xích tỉnh dậy, mặc vội quần áo. Tiếng đập cửa tiến dần về phía căn phòng của chàng, tiếng đập cửa liên tiếp thúc hối. Mở cửa. Mở cửa. Có lần Xích đã nhắm mắt, ngó xuống hai còng tay. Như lần này, Xích nhắm mắt, nghe tiếng chân lạo xạo trên mặt đường cứng. Xe tắt máy, nín thinh. Những cái cựa mình, tiếng thở.

— Cái gì vậy ?

Soi vào nhau những con mắt đồng hành tra vấn. Xích một mình nhìn rõ mình trong màng mi khép. Một kẻ bị kiếm tìm suốt những thời gian vẫn tin mình vô tội có khi. Trước những con mắt đồng hành, Xích bị đẩy lui, bị kéo ra giữa khoảng sáng chói nhất.

Người tài xế dụi điếu thuốc vào đế giày, mở thoát cửa xe, đứng trên mặt đường chờ đợi. Hai người lính bước tới nơi, một người vòng ra phía sau xe. Người kia cầm chiếc thẻ kiểm tra nhìn rõ hình người, soi mắt vào những khuôn mặt lặng thinh, Anh ta ngắm Xích, ngó xuống chiếc thẻ cầm lơ đễnh trên bàn tay trái, hỏi :

— Anh nào tên Xích,

— Thưa ông tôi.

— Xuống đi.

— Thưa ông.

— Xuống đi khỏi hỏi.

Gã nói lạnh lùng. Người tài xế cúi xuống ra vẻ gắt gỏng :

— Ra dùm tôi đi cha nội.

Xích thở hết buồng phổi kín hơi. Một cánh tay phía ngoài đã mở cửa cho chàng. Người lính nói với gã lơ xe :

— Có hành lý không mang xuống luôn.

Xích nghe, tự tay kéo theo chiếc va ly. Cánh cửa đóng lại. Người lính đứng nơi đầu xe đưa xấp thẻ cho tài xế, hươi báng súng về phía đồn. Cần ngáng góc đầu lên. Gã nói :

— Thôi còn cho đi :

— Dạ cảm ơn xếp.

Gã lơ xe lăng xăng bên anh ta:

— Xếp ơi, tội gì đó ?

— Đ. m. mầy muốn bị luôn hả?

Anh ta xáng gót giày xầm một tiếng vào thùng xe. Chiếc xe rề rề một vài thước và lủi vào một rạng đông chưa tan hết sương.

— Vào đồn theo tôi.

Xích đi giữa hai người lính. Ba người băng qua mặt đường. Xích chỉ còn nghe thấy tiếng nổ nhỏ bần bật của chiếc xe mà chàng đáng lẽ đang ở trên đó. Nó sắp quẹo ở một chân núi, sắp băng qua một đồn điền cà phê xanh rì. Tụt mũ. Xích dán mặt vải vào mặt mình, nghe hơi thịt da thân thuộc của mình ngọt ngào và hắt hủi. Khi đội lại chiếc mũ lên đầu, chàng đã tới điểm canh. Nhiều con mắt trên những khuôn mặt mờ nhạt.

Người đàn ông mặc sơ mi trắng bỏ ngoài quần ngồi sau bàn hỏi Xích :

— Ông là giáo sư trường Văn Chương ?

— Vâng.

Xích tự động ngồi xuống chiếc ghế băng sát vách ván ngay lối ra vào. Mặt ghế cứng, khô. Chàng nhìn ngó những thước vuông tạm bợ của một lòng điếm nhẵn bóng; một bàn mộc, một giá súng, một bình nước, một chiếc điếu cầy chân sắt. Người đàn ông đứng dậy ra trước trạm canh. Ông ta đi giầy ba ta màu nâu đất. Ông bỗng quay lại chìa bao mélia vàng trước mặt Xích :

— Thầy hút điếu thuốc.

Xích rút một điếu, cười. Lúc châm lửa, ông nói :

— Tôi có đứa con gái học thầy. Thầy sao bị ông Trưởng ty ghét vậy?

Xích cười nữa. lắc đầu Tôi không hiểu. Tôi không hiểu vì sao ông bắt tôi.

— Ông có bắt thầy đâu ?

Viên công an ngắt lời,và nói thêm :

— Ông không bắt thầy. Ông chỉ cầm thầy rời khỏi đây.

Búng tàn thuốc, dò hỏi:

— Dường như đang điều tra vụ gì đó về thầy. Điều tra xong thầy có thể thong thả đi đâu thì đi, hoặc là lúc ấy mới bắt thầy thực sự.

Xích đứng vội lên :

— Thế này là bị bắt chứ gì nữa ?

— Thầy vẫn tự do mà, miễn đừng đi khỏi đây.

— Thế tôi quay về thị trấn được chứ.

— Dạ được.

Xách chiếc va ly, Xích xin lại tấm thẻ kiểm tra. Người đàn ông ngó chàng kỹ hơn. Ông hỏi :

— Vụ gì đó thầy ?

Xích lắc đầu. Chàng bắt tay ông, bước ra khỏi trạm kiểm soát. Vài bước Xích thấy không yên ổn, quay lại :

— Thật ra lâu rồi, chuyện lâu rồi. Không xảy ra ở đây.

Nói xong, Xích lững thững bước trở lại. Viên trưởng trạm nói với :

— Thầy nhớ đừng trốn, uổng công. Ngõ nào cũng có niêm tên tuổi thầy hết rồi.

Xích ném mạnh mẩu thuốc đang hút dở xuống lề đường cỏ còn ướt sương, lúc lách qua cái cần ngáng, ngược trở về con đường ban nãy. Lúc bấy giờ trời đã sáng. Rừng thức giấc, chim thánh thót kêu đâu đó trên đầu. Rạng

dong, một ngày của chuyến đi không tới một chỗ nào.

VII

Tới ngã ba nơi một con đường đất đỏ dẫn vào rừng, Xích dừng lại. Ở trong đó là Thạnh. Ở trước mặt là khu thị trấn của những người mà Xích mới từ biệt. Đặt va li, Xích ngồi xuống một tảng đá bên đường, cạnh một cột giây điện thoại. Ngửng nhìn, những bát thủy tinh xanh. Lắng nghe, tiếng vo vo đi và đến. Trời hừng đông, ánh sáng dàn trên những đỉnh cây thưa. Bỗng Xích nghe tiếng cót két của một vành xe rỉ chuyển động. Một chiếc xe đạp ngược vào thị trấn. Xe tới gần, một cô học trò.

— Thầy.

Xe vòng lại. Xích ngồi lên. Thầy làm gì ở đây ? Thầy đi hả. Tôi đi. Chị đi học sớm thế Em ra chợ có chút việc. Thầy đi đâu đó. Chắc thầy về Saigon. Chắc vậy. Cười rúc rích. Thầy đi đâu thầy biết chứ, sao lại còn chắc mới không chắc. À, chưa chắc thật mà. Thầy đi làm gì ? Sao thầy không dậy tụi em nữa. À, đi có chút việc. Tôi dậy các chị hết chữ rồi. Thầy xạo hoài. Sao thầy đi bất chợt thế. Có nhắn gì tụi em không ? Nhắn gì bây giờ. Thôi, gửi lời chào nhé. Dạ. Chắc thầy về lấy vợ. Em chúc thầy hạnh phúc nhe thầy.

Xích hoa tay một cái, nhưng kịp thời làm mặt nghiêm. Tiếng xe đạp lại cót két chuyển động. Chàng nhìn theo cô học trò nhắc thầm hạnh phúc, hạnh phúc. Rất nhanh, Xích cúi xuống xách bổng chiếc xa ly, băng qua đường, rẽ vào con đường đất đỏ. Chàng không thể đi, không thể về. Nơi muốn tới không thể tới, nơi muốn bỏ không thể bỏ Xích chọn một vùng ngoại vi, đến với Thạnh. Tổ mẹ, nó lại bắt mình sống dưới mắt nó, thằng chó đẻ.

■ còn nữa

NHỮNG THI SĨ TRÊN 10 NĂM TRƯỚC

HOÀNG PHỤNG TỴ

Trong kỳ trước, dưới mục này, chúng tôi đã trích đăng một bài thơ của Nguyễn hoàng Quân. Lần này là Hoàng phụng Tỵ. Hoàng phụng Tỵ xuất hiện lần đầu dường như ở Hà nội, trong những năm năm mươi với thi phẩm *Nhựa Mới* (in chung với ba thi sĩ khác) và sau này với *Hương Thơ Mùa Loạn*, được kể như tác phẩm đầu tay của ông. Như cái nhan của thi tập, thơ Hoàng phụng Tỵ là thơ binh lửa, thơ cảm khái thời đại, như một anh-hùng-ca-lãng-mạn chung chung của thời ông, điển hình bằng bóng dáng phiêu bạt của một lãng tử thành phố trong hồi chiến — cũng như cái điển hình dằn vặt chiêu mộ thương yêu xót xa đất nước của một số những người làm thơ bây giờ. Dưới đây là một bài điển hình của ông.

tương biệt dạ

Say một đêm nay cạn rượu nồng
Ngày mai lên ngựa ruổi mông lung
Cuộc đời quên nỗi niềm cay đắng
Nuối chí trai vung lưỡi kiếm đồng

Quen với trăm phương lạc hướng tình
Xóm làng vẫn những lũy tre xanh
Những nàng quẩy nước qua thôn vắng
Khuất bóng vào sau những mái tranh

Say kiếp giang hồ. say gió trăng
Quê hương khắp nẻo nhớ muôn nàng
Rượu hồng ai chuốc đêm nao chỉ ?
Ai chuốc men nồng anh nhớ chăng ?

Say một đêm nay chăn gối ấm
Ngày mai người của núi sông rồi
Chiều nơi quan ải bay trong quán
Anh có buồn chi thương nhớ tôi ?

HOÀNG PHỤNG TỴ

KIÊT TẤN
điệp khúc trái phá

1

TRONG CƠN BINH LỬA

đêm hôm đó
khi trúng đạn người lính giận dữ
chửi thề
rồi phun ra một búng máu
sáng hôm sau
người nông dân mang cày ra đồng nhìn thấy vũng máu
chửi thề
rồi xẻ đường cho máu đi vào đất
mạ gieo xuống
mạ không buồn đếm xỉa máu của bên này bên kia
mạ mọc lên
bình thản
tốt tươi
khoẻ mạnh

2

BÚP BÊ CHO ĐỨA GÁI NHỎ

nó chỉ muốn có một con búp bê rất tầm thường
con búp bê không biết nhắm mắt khi nằm
không biết bước đi khi nắm tay
không biết khóc toe toe khi ngã
không biết kêu mummy khi ngồi
nó chỉ muốn có một con búp bê to bằng cườm tay
bằng chất nhựa hồng
có đôi môi son
một con búp bê chỉ đáng giá 3đ
để nó ru nó ngủ
vào những đêm nào mà chiến tranh để lại đằng sau lưng
đứa em 4 tháng của nó
bị ám sát
cùng với người cha của nó
tại sân đất trước nhà

3

BÀI CÁCH TRÍ CỦA CHIẾN ĐỊA

thân thể người ta chia ra làm 2 phần :
đầu và mình

4

BẮT ĐẦU LẠI

mặt trời đập vỡ gương trên đồi
thung lũng chạm đêm ve vuốt
tháp canh vươn vai nỗi lặng câm
quả lựu đạn trở mình bên đốt xương sống
mưa trái sáng chiều dụ lũ thiêu thân

và con dế đói lại đi quá giờ giới nghiêm
và chiến tranh lại điểm tâm no nê trong lòng đại bác

CAO THOẠI CHÂU
những ngón chân của đêm

ngày đã bàn giao lại cho đêm
nỗi thống khổ và những lời tình tự
những tình nhân cho những tình nhân
mấy ngón tay tìm nhau rất nhẹ
em có mặt trong lễ bàn giao đó

và em mặc áo trắng như đàn ngỗng
lỡ quên đôi cánh trên đường về
ăn trái rừng ngủ bên bờ suối
thật dịu dàng công chúa lòng ta

bờ mi em mịn như cánh đồng
đã không nói gì khi đêm trở lại
không nói gì khi ngày bỏ đi
em im lặng hoài khi anh tìm tới
bằng đôi bia ngàn dặm của đêm

em có gặp gã chăn bò lỡ độ
mặc áo hồng cầm chiếc roi dài
hắn thổi tu huýt nghe rất khủng khiếp
tìm căn lều ngủ qua đêm
nghẹn ngào phẫn uất

em có thấy hắn vùng vẫy trong đêm
nụ cười méo mó thật bi thảm
bởi đàn bò đã rời hắn sang sông
đó là sự tan vỡ sau cùng
hắn hoài hoài không nơi nương tựa

ngày đã bàn giao lại cho đêm
những tinh cầu nhợt nhạt
ngày không nói gì về cái chết
ngày cúi đầu lặng lẽ đi qua

Thế nào đất nước cũng hòa bình

Tôi thường nhủ thế
Những lần nhục nhã
Để đừng mím môi
Và đừng sừng sô...

Thế nào đất nước cũng hòa bình
Tôi hãy chịu khó
Hãy chịu khó để sống nghe con
Sống để hưởng hòa bình
Nhìn dân tộc hưởng hòa bình

Ôi hòa bình vui lắm
Hòa bình sung sướng lắm
Tôi thường tưởng tượng
Ba con tôi thường tưởng tượng
Những điều ước mơ ..

Của chúng ta, nhất định của chúng ta
Giòng sông ruộng lúa thành phố
Nhất định của chúng ta
Ôi của chúng ta
Quê hương này tha thiết lắm
Dân tộc này ấm no.

Hãy gắng lên con
Một mai hòa bình
Không còn ai sai khiến
Không còn ai khỉnh khinh

Hãy chịu khó và gắng lên
Mấy chục năm rồi ngươi nghe hoài tiếng khóc
Ngươi nhìn hoài khăn tang
Hãy cố gắng lên
Để nhìn hòa bình, nghe hòa bình
Ca ngợi hòa bình
Hãnh diện với hòa bình
Chúng ta không còn mang thân phận tiểu quốc

Ôi một mai đất nước hùng cường
Không cần ngửa tay xin viện trợ
Không cần cúi mặt lặng im
Nhìn chúng tàn phá
Chúng đang tàn phá quê hương

Không lẽ chiến tranh hoài
Chết chóc, hiếp đáp hoài
Dân tộc tôi cũng có ngày sung sướng.
Phải không thưa người
Thưa ngươi thủ đoạn
Thưa người không biết hổ ngươi

Chúng tôi sẽ hòa bình
Sẽ được các người kính trọng
Phải không thưa người đang khỉnh khinh

Tôi ơi tôi hãy tưởng tượng,
Hãy tưởng tượng hòa bình
Để nuốt chén cơm...
Để ngửa tay xin !

THÁI LUÂN
tương lai

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ VĂN NHÀ THƠ VIỆT NAM

HỒ HỮU TƯỜNG

☐ *bài của HOÀNG VYỄN NGỌ*

NHÀ «dùng văn» Hồ Hữu Tường sanh ngày 8-5-1910 tại làng Thường Thạnh, quận Cái Răng, tỉnh Cần Thơ (NamViệt).

Ông xuất thân từ một gia đình tá điền nghèo, ông sở dĩ có một cái vốn tri thức đặc biệt mà độc giả nào trung thành với ông đều nhận thấy, ngoài cái thông minh trời phú, ông còn nhờ nhiều dịp may được cấp học bổng và được bà con bè bạn trợ cấp tiền bạc để đi học phương xa.

Được cấp học bổng ở trường tỉnh và tòng học tại trường Trung học Cần thơ, bạn cùng lớp với một «công dân miền quan tải» sẽ đi xa trong làng văn làng báo, *Trúc Hà* Trần Thiêm Thới, người Hà Tiên. Nhưng năm 1926, cậu học sinh «Tường bụng» — vì bụng ông bự từ lúc ấy, chớ chẳng đợi sau 9 năm ăn gạo mốc khô meo của anh em Nhu Diệm, và vì bụng ông chứa đầy mưu mô và đầy chữ nghĩa — bị đuổi vì tích cực tham gia phong trào bãi khóa, nhân một vụ án lịch sử, vụ án Nguyễn An Ninh.

Về sau, nhờ lòng hào hiệp của một người bà con mà ông thực hiện được mộng xuất dương : được sang Pháp học lúc mới 16 tuổi đầu. Năm 18 tuổi, đậu tú tài triết lý và toán pháp, nhưng phải hồi hương vì ân nhân làm ăn sa sút, không thể tiếp tục trợ cấp nữa. Nhưng lại nhờ học bổng trường Bổn quốc (tức Chasseloup Laubat, bây giờ là trường Jean-Jacques Rousseau, lại được qua Pháp học lần thứ hai.

Kết bạn với Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm. Vào đệ tứ quốc tế, Dự cuộc biểu tình trước điện Élyseé, phản đối việc xử tử Nguyễn Thái Học và 12 liệt sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Chính phủ Pháp trục xuất 19 sinh viên, trong đó có Tạ Thu Thâu. Riêng ông với Phan văn Hùm trốn sang Bỉ để *«hai đứa chia nhau một bánh mì»*.

Năm 1930, ông bỏ kỳ thi Thạc sĩ Toán học để về nước hoạt động chính trị.

Sau khi hồi hương, từ 1931 đến 1939, làm lý thuyết gia cho phái Đệ tứ ở Việt Nam, dạy tư, viết báo và hoạt động chính trị.

1932, cùng với đoàn thể (Tả phái đối lập) bị Pháp bắt.

1934, ở trong nhóm *La Lutte* (Đệ tam và Đệ tứ bắt tay nhau).

1936, điều khiển một tổ chức bí mật Đệ tứ, bị bắt.

Tham gia phong trào «Đông Dương Đại Hội», làm tổng thư ký ủy ban lâm thời triệu tập đại hội. Ra tạp chí *Le Militant* (1936-37)

1938, rời khỏi nhóm *La Lutte*, thành lập nhóm Đệ tứ công khai, ra tạp chí *Tháng Mười* (1938) và nhật báo *Tia Sáng* (1939). Viết những sách mỏng về vấn đề phòng thủ Đông Dương, vụ án Moscou...

■ *xem tiếp trang 31*

mùa xuân mặc áo vàng

PHI cơ đáp xuống chạy vào sát nhà đợi mới ngừng. Chuyến bay còn tiếp tục ra một tỉnh miền ngoài, số hành khách xuống đây không có bao nhiêu. Hồi Bình đi, sân bay mới có một phi đạo chạy thẳng ra bờ biển, ở trên cao nom như một vết nhựa đường thiệt thẳng nổi rõ trên vùng đất khô cháy. Bây giờ sân bay đã mở rộng và chỗ đậu cho phi cơ dân sự thu lại trong cái góc nầy. Bình xách «sắc» bước trên những phiến sắt đan nhau bước vào nhà đợi. Chiếc xe hơi ọp ẹp của hãng hàng không chạy lùi tới đuôi máy bay. Một người lính Đại Hàn mũ cười trai trật ra sau ót nhảy lên mui xe gỡ hàng với một người từ hãng. Mấy người hành khách ra tỉnh ngoài cũng xuống phi cơ ngồi đứng vơ vẩn dưới bóng của đôi cánh. Vài người ăn mặc sang trọng nom lạc lõng có những chiếc xe Jeep chờ sẵn từ về tỉnh trước. Bình và mấy người còn lại ở trong nhà đợi chiếc xe của hãng. Nhà đợi vẫn trống trải như trước. Căn phòng khuất gió bên trong bị lủng mái ở một góc, ngói vụn cả đống. Rải rác khắp vùng bãi cát là những chiếc trực thăng, những mái lều úp trên mặt đất,những thùng tròn bằng sắt, bằng cao su và những hàng kẽm gai vòng tròn. Bình đặt «sắc», chít lại khăn và mang kiếng để đỡ chói mắt. Đứng trong căn nhà trống gió, nhìn bãi cát bốc nắng, những rặng núi bóng tím thẫm phía xa, Bình biết dù muốn dù không, mình cũng đang trở về miền đất mình đã cố gắng đi khỏi. Những liên hệ huyết mạch xa gần như chỉ nó nếp đất cằn cỗi ở đây, bóng làng bóng núi ở kia mới khơi gợi nổi. Nhưng kèm theo cũng là những lớp người kế tiếp nhau trưởng thành, sẵn lòng bỏ đi với tưởng tượng để lớp trẻ sau này khỏi lớn lên với tấm lòng bứt rứt một chuyến khởi hành. Những màu áo, những sắc cờ và tiếng hát lên đường vẫn như những từ bỏ lẫn nhau. Phút kiêu hùng đó chẳng còn như lớp lớp gió núi gió biển đêm ngày bào trên mặt cát. Nét sử sáng ngời đó còn như ánh bạch lạp le lói và những tiếng hét ậm oẹ của một gánh hát bộ ở một thôn xóm hẻo lánh lúc về đêm.

Chiếc phi cơ đã quạt gió bốc về phía biển. Biển mờ như lớp bụi xanh cùng màu với lớp mây thiệt sáng mỏng sát da trời. Bình chờ mấy người đàn bà có chửa lên hết, trèo lên xe ngồi trên tấm băng gỗ nhẵn bóng. Chiếc xe cuốn bụi trên những đường cát đào sâu chốc chốc lại ngừng vì một gã Đại Hàn vẫy tay, nhờ lấy giùm những tấm bình rửa trong tỉnh hoặc nhờ mua đồ. Xe chạy ra ngoài đường lớn, Bình chợt để ý đến cây Đại Thọ mọc giữa bãi cát. Bóng mát của cây đỏ chếch, thẫm màu. Bình nhớ lại một ngày mình còn nhỏ. Anh chị có biết giờ nầy Bình đang về kiếm anh chị không? Bình chỉ còn có mỗi anh chị. Ngoài anh chị, thì một lớp học khuya, một ngã tư đèn vàng nhấp nháy, nhiều khi Bình cũng nghĩ tới như một điều thân thiết. Chiếc xe bỗng ngừng lại. Trên mặt quốc lộ một đàn bò nhô xương dềnh dàng băng qua. Người tài xế châm thuốc lầu bầu chửi tục. Những người đàn bà ngó ra tò mò. Có người lẩm nhẩm đếm. Chiếc xe tiếp tục chạy. Những lời bàn tán về đàn bò xen lẫn những tiếng chửi thề, tiếng ngáp. « Ăn cướp của dân.. nạp thuế lên cho nhiều rồi mang bán tỉnh khác ». « Nó ăn giống gì mà nó khôn vậy? ». « Nghe nói ông Thủ Tướng hồi ra đây nói cho phép ông Tỉnh bắn bỏ mấy cái quân hại dân đó?» « Vợ nó mỗi lần ra quận buộc quanh bụng cả một cái dây lưng bằng vàng mà về ».

Bình vào tới thị xã, thấy trời vẫn còn vẻ mát của mùa lạnh. Bình ghé một tiệm ăn rồi kêu xe về nhà vợ chồng anh Nghĩa. Chỉ có chị Nghĩa ở nhà. Thấy Bình, chị có vẻ lạ, kêu lớn :

Chị Nghĩa « a » một tiếng nhỏ.

— Anh chị có tin gì về anh hai em không?

Bình hỏi. Chị Nghĩa gật đầu :

— Nhiều tin lắm nhưng em đã ăn gì chưa?

— Em ăn ở ngoài tiệm rồi. Giờ anh hai em ở đâu?

Chị Nghĩa ra dấu cho Bình đứng dậy ra nhà sau theo chị.

— Gần đây thôi. Hãy ra thay đồ mát rồi chị nói chuyện cho nghe.

Thấy Bình ngần ngại, chị Nghĩa như chợt hiểu. Chị cười :

— Anh hai có ở gần đây em cũng phải ở đây với anh chị. Anh chị mời mà sao được phép từ chối.

Bình đành gượng gạo thay quần áo rồi cùng chị Nghĩa ra ngồi ở tấm bàn đá sau nhà uống nước. Chị Nghĩa rót cho Bình một tách trà thoảng hương hoa nhài. Bình hỏi :

— Anh hai em nom có khổ lắm không chị?

Chị Nghĩa thoáng một vẻ ngơ ngác. Giọng chị lửng lơ :

— Từ bữa chạy được lên trên nầy, ảnh bán đồ cho Mỹ được nhiều tiền.

— Ảnh ở đâu?

— Chuyện đó phải hỏi ông Ba xe Lam mới biết. Mà giờ nầy ổng mắc đi bán, tới tối mới chắc gặp. Anh hai không nhứt định ở một chỗ nào.

— Tết qua rồi sao mới về em?

Bình cười nhìn chị. Chị nom mập và trắng hơn trước.

— Nghe nói hồi nầy chị giàu lớn rồi thiệt không chị?

Chị Nghĩa đặt tay lên cổ tay Bình, gật đầu giỡn. Hai bàn tay chị thiệt mát. vào nhà, chị hỏi lại sao tết Bình không về. Bình ngồi xuống bên chị nói :

— Em về kiếm anh hai em.

□

Chiều xuống mau và lạnh đột ngột. Bức tường đá thấp trước mặt Bình khô mốc. Mấy chậu cây trên đó động như reo. Bên kia bức tường là dòng sông và bãi cát với cây Đại Thọ um tùm. Có lúc thấy Bình tò mò chăm chăm nhìn sang bên đó, chị Nghĩa bỏ ngang câu chuyện, bảo Bình:

— Những người lớn dẫn bọn mình lại chơi với nhau ở góc tường đá này chẳng còn lấy một người.

Bình toan bảo chị « nhưng cũng may « bọn mình » còn nguyên. Này anh Nghĩa, này chị, này em, này anh hai» nhưng vẫn im lặng để nghe chị kể tiếp câu chuyện.

Dòng sông bên dưới lớp cây dại mọc trong lớp kẽm gai bao bên ngoài tường đá nước cạn nhờ nhờ. Từ bên bãi cát một người đàn ông so vai, ốm o, đầu chụp cái mũ nan cũ, ống quần vấn cao, tay xách dép bước xuống dòng nước bì bõm lội sang. Bên này, một mụ đàn bà quần áo xúng xính ngồi vắt chân trên một khúc tường đá lầu bầu nguyền rủa. « Anh hai đâu có phải là người tệ. Hồi nhỏ anh binh vực từ anh Nghĩa trở xuống. Một buổi chiều bốn lần lội qua sông sang kêu bọn mình về cho mấy ông già la, ảnh có buồn lúc nào đâu... Sao họ không mang nhau qua nước khác mà đánh, đánh hoài ở xứ mình, mệt quá ».

Bình bảo chị Nghĩa :

— Người đàn ông so vai coi bộ sợ vợ dữ.

— Anh ta là phế binh.

Từ một xóm chài xanh um chênh vênh trên mé bờ biển, những chiếc trực thăng động cơ nặng nề lên xuống dập dìu... « Anh đâu có muốn gặp lại vợ chồng tôi, Mấy lần anh Nghĩa gặp ảnh đi lấy hàng, ảnh đều làm ngơ. Anh Nghĩa cũng làm ngơ luôn. Không ai giận chi ảnh nhưng sợ ảnh nổi giận. Kỳ dị vậy đó. Mấy lần tôi định kiếm ảnh nói cho ảnh nghe lời lẽ phải trái, thiệt hơn, nhưng anh Nghĩa cấm. Ảnh nói chờ ít lâu cho anh hai có thì giờ nghĩ lại đã ».

— Anh chị không được tin tức gì của chị hai sao? Bình hỏi.

— Không có tin gì hết. Chỉ gặp vợ chồng tôi có một lần, lúc vợ chồng chỉ mới lên. Hôm đó anh Nghĩa đi dậy buổi đầu năm, mùng sáu tháng giêng. Mới hơn một tháng chớ mấy. Bữa đó hai người trông như con ma. « Có hai con ma tới mừng năm mới anh chị đây » chính anh hai đã nói vậy lúc vô trong nhà. Không ngờ chỉ sau đó ít ngày là khởi sự xa lìa. Nhiều người ở dưới làng lên thì nói chỉ đã về làng. Ngày chui vô bụi, tối ra kiếm ba họt lúa, bới làng bẻ mía mà ăn. Có người lại nói chỉ quanh quẩn ở mấy trại lính Mỹ, Đại Hàn nhưng nếu thiệt vậy anh hai với ông Ba xe Lam đã gặp. Con nhiều tin khác nhưng vợ chồng tôi không tin. Anh Nghĩa thì vẫn nói hai người không bỏ nhau lâu đâu. Chị hai sớm muộn cũng về gặp lại chồng...

« Hai người không bỏ nhau lâu đâu », chị Nghĩa nãy giờ đã lập lại nhiều lần. Những điều Bình cần biết coi như đã tạm đủ. Nhưng chị Nghĩa vẫn nói, nói hoài, loay hoay không thoát ra khỏi được tâm trạng lúc thuật chuyện. Giọng chị hên hồi như sớt bớt nỗi buồn của người nghe và dùng luôn phần chia sớt đó thành giọng vỗ về Bình. Từ hồi bốn đứa trẻ nhỏ đùa giỡn ở góc tường nầy tới giờ làm vợ anh Nghĩa, lời nói trôi chảy trong suốt và những xúc động nơi chị vẫn dễ dãi nguyên lành. Bình đặt tay lên đùi chị, vuốt ve vạt chiếc áo mát mềm mại, vàng óng «.., Anh hai không đa nghi đâu. Nhưng chị hai cũng đâu có khờ dại gì để phải bị như vậy. Chị biết chuyện những người trước về làng lấy lúa lên mà. Có người bị cả chục đứa hãm. Chúng nó lấy lá dừa tươi dựng luôn một cái chòi ở bên lộ ngay chỗ rẽ xuống làng. Chúng ở đó đông vô số kể, rải rác trong những ngôi nhà đổ nát ở hai bên lộ. Ở đó vẫn có người ta ở nghe không. Mấy người đó không dám lên đây cũng không dám về làng, ở lì cái ranh giới nguy hiểm đó.

Chúng hãm người ngay trước mắt đam người ở lại. Đám người nầy như không còn biết yêu biết ghét miễn sao chúng đừng đánh giết, bắt con gà, con heo còn sót lại của mình. Có người về nói chuyện lại, buổi sáng cái chòi mới dựng dở dang, chúng đã kéo người ta vào. Lần lượt từng đứa một. Có đứa xong, vừa hát vừa ra cột tiếp mấy tàu lá lam vách, có đứa chạy ra lộ, nhảy trên những đống gạch ngói, vừa la gỡ vừa dượt giùm một đứa nhỏ một con heo con. Lại một lần khác, .

Một tiếng hét đột ngột ở sau nhà bên cạnh nổi lên. Bình và chị Nghĩa giật mình nhìn sang. Mụ đàn bà quần áo xúng xính đứng hẳn trên mặt bức tường đá lớn tiếng chửi chồng. Anh chồng tay vẫn cầm dép, vẫn đứng ở dưới bờ sông nhìn lên con đường mòn nhẫn vết chân từ dưới đó qua những cụm cây dẫn tới một lỗ lớn ở hàng rào kẽm gai.

— Anh ta hãi vợ nổi tiếng ở xóm này

— Anh không dám lên.

Bình đứng dậy đặt hai bàn tay lên xoa hai vai chị Nghĩa, nhìn sang cây Đại Thọ. Cây Đại Thọ có cả mấy chục cành đưa ra xung quanh đeo những cái rễ lớn cắm ngập dưới cát bao trùm lấy gốc. Nắng màu nhạt. Mấy đứa trẻ thả bò cầm những nhánh xương rồng khô đầu bốc khói cuốn cuộn tụ họp nô giỡn ở bên ngoài vùng cây. Thời gian chuyển tới buổi tối với bầu trời xám xám, ánh sáng mờ mờ, lần lữa. Bình cúi xuống vai chị Nghĩa bảo chị :

— Hai chị em đi nấu cơm để ăn xong còn đến nhà ông Ba xe Lam.

Chị Nghĩa cười đứng dậy.

— Anh Nghĩa về, thấy em chắc ảnh lạ lắm.

□

Ông Ba xe Lam bảo Bình :

— Cháu gắng mà thuyết phục nó.

Bình gật đầu bước lên xe. Chiếc xe chất đầy những «két» la de, nước ngọt, những hộp khăn lông, kiếng đeo mắt. Ông Ba đi quanh xe buông rèm vải phủ xuống hai bên thành.

— Cho bớt bụi.

Ông nói rồi bỏ vào trong nhà. Bình nom ông đã có tuổi, rang móm, cằm nhẵn nhụi nước da còn khỏe, còn dẫn. Theo lời ông, mấy bữa nay anh hai vẫn ở một nhà chứa bạn ở ngoài tỉnh. Ông dặn Bình phải cẩn thận, nơi đó «sống chết như một giấc mộng» Bình ngần ngại, muốn nhắn anh vào tỉnh, ông Ba gạt đi. «Cháu có vào nó mới chịu ra».

Buổi chiều những cơn gió mát hồ trưa bắt đầu thành lạnh. Ông Ba trở ra tay ôm cái áo da cũ, mặt đỏ gay, mắt mang kiếng đen lớn. Ông ngó vào lòng xe, đẩy lại mấy «két» la de ngay ngắn rồi lên phía trước vắt áo sau ghế tựa, cho xe nổ máy.

Chiếc xe chạy ra khỏi tỉnh. Bình thu người ngồi một góc, mặt hướng về phía sau. Có tiếng ông Ba bạt theo gió hỏi chuyện Saigon. Bình vẫn nhìn ra sau, trả lời thiệt lớn. Xe bỏ đường nhựa, xuống một con đường đất đỏ. Những tiệm buôn hai bên đường buông

truyện ngắn

y uyên

những bức mành bằng vải bố che bụi với những chữ Tầu, chữ Việt, chữ Mỹ rậm mắt. Bình lấy kiếng đeo, một tay giữ thành xe, một tay giữ tấm khăn bịt đầu. Những cây trứng cá, cây bàng lá vàng lá xanh lẫn lộn phủ đầy bụi. Một đoàn xe có «rờ moọc» kéo đại bác rầm rập chạy qua. Ông Ba cho xe tránh vào một bên đường, mặt quay xuôi theo chiều gió.

— Cháu có tin gì về vợ thằng hai không ?

● *xem tiếp trang 26*

KINH NGHIỆM VỀ VỰC THẲM :

VIỄN QUAN BIỆN CHỨNG VÀ KINH NGHIỆM VỀ VỰC THẲM TRONG THI CA

IV

VIỄN QUAN BIỆN CHỨNG

HÉRACLITE thời Thượng Cổ Hi Lạp đã bảo rằng tất cả đều phải thay đổi, phải biến diễn như dòng nước luân lưu. Và với Hegel, trực giác nền tảng của Héraclite được khai triển triệt để, biến thành một chủ thuyết bao quát muốn thu tóm tất cả thực tại vào một suy niệm. Suy niệm của Hegel lấy Ý Thể thuần túy làm đối tượng. Ý Thể là một thứ ý tưởng căn bản, một thực thể ở ngoài tinh thần chúng ta, nghĩa là hoàn toàn độc lập. Nó là sự bất định sơ khởi, và chỉ được hiểu, được nhận biết, dưới hình thức xác định khi nó đã biến hóa. Nó mang nơi bản thể của nó một qui luật phát triển, gọi là *« biện chứng »*. Một hạn từ không thể hiện hữu (*chính đề*) mà lại không đối lập với một hạn từ khác (*phản đề*) trong đó hạn từ thứ nhất tự phơi bày ra bản thể của mình, tức là trong đó hạn từ thứ nhất bị « vong thân » (nghĩa là trở thành một cái gì khác mình, mất sự tự chủ), thế rồi sự đối lập dần dần đưa đến chỗ hạn từ thứ nhất tự chinh phục lại được bản thể của nó, tự thấy lại mình, nhưng phong phú hơn, dồi dào hơn trước, trong một hạn từ thứ ba bao hàm được cả hai hạn từ trước, làm « trung gian » (*hợp đề*) cho cả hai. Hợp đề này lại giữ vai trò mới là một chính đề trong ba đề kế tiếp, và cứ thế cho đến khi Ý Thể tuyệt đối xuất hiện như giới hạn cuối cùng.

Cuộc vận hành biện chứng vừa rồi được thể diễn trên bình diện ý niệm như sau : Ý Thể, trước mọi quy định xuất hiện như chính đề căn bản, hay cũng gọi là quyết thể tối sơ ; thế giới hoặc thiên nhiên là phản đề hay hủy thể của Ý Thể ; sự đối lập đưa tới Ý Thể tuyệt đối là hợp đề tối hậu hay hủy thể của hủy thể. Tinh thần mở ra trước hết dưới hình thức tinh thần chủ quan, tức là đối tượng của tâm lý học, rồi dưới hình thức tinh thần khách quan, được nghiên cứu trong luật học, đạo đức học và chính trị học, và sau cùng là dưới hình thức tinh thần tuyệt đối, được thể hiện theo ba cấp độ : nghệ thuật, tôn giáo và triết học. Như thế, tinh thần chủ quan chính là ý thức cá nhân và tinh thần khách quan là ý thức tập thể ; còn tinh thần tuyệt đối là tinh hoa của văn hóa. Hegel cho rằng trước tiên tinh thần đặt ra ý tưởng tổng quát nhất ; ý tưởng về hữu thể ; ý tưởng này là ý tưởng tổng quát hơn hết vì tất cả ý niệm của chúng ta chỉ để diễn tả những cách thế của hữu thể. Ý tưởng về *hữu thể*, đấy là chính đề sơ khởi ; nhưng hữu thể cụ thể trong thế giới chỉ là hữu thể đặc thù : nó trắng, nó đen, nó tốt, nó xấu, vân vân, đây chỉ là một vật gì đó cụ thể không phải hữu thể thực thụ và tổng quát ; hữu thể tổng quát không có sự qui định tính chất nào, tức là chẳng phải vật gì, tức là không hiện hữu. Vậy thì hữu thể thuần túy và đơn sơ tương đương với *phi hữu thể* hay *vô thể* : đó là phản đề của ý tưởng về hữu thể. Vậy làm sao giải quyết được mối mâu thuẫn này ? giải quyết bằng ý tưởng về *sự biến thành* ! bởi vì sự biến thành vừa là một trạng thái vừa chưa là một trạng thái khác có tính cách qui định. đó là hợp đề.

Từ những suy niệm trên, Hegel rút ra ý tưởng là ý thể (chính đề) và thiên nhiên (phản đề) hòa hợp với nhau trong tinh thần (hợp đề). Vậy, ông kết luận, *« tất cả những gì là thực hữu đều thuần lý và tất cả những gì thuần lý đều thực hữu »* Do đó, có thể nói rằng tính chất biện chứng không phải chỉ là đặc tính của tư tưởng mà còn là đặc tính của sự vật. Tự đấy, đưa vào lịch sử, Hegel cho rằng ở một lúc nào đó trong biến trình lịch sử, không thể thấy trước được một cách chắc chắn những gì sắp xảy ra. Nhưng khi mọi biến cố đã hoàn tất cho một giai đoạn, nhà sử học có thể khám phá, trong một hoàn cảnh đã qua, một giải pháp rõ ràng cho một hoàn cảnh tương lai. Vậy là có một yếu tố tất định trong lịch sử, nhưng tất định tính đó được khai triển bằng một cuộc phóng vượt không thể tiên liệu nổi : đây là tất định thuyết của Hegel về lịch sử, được ông gọi là một *tất định thuyết có tính cách biện chứng.*

Trong cuộc biến chuyển lịch sử, những khốn đốn và đau khổ của con người sẽ được vượt qua, đồng thời những hạnh phúc cá nhân cũng bị những sức mạnh trong nhân giới và vật giới làm trở ngại, gây ra mâu thuẫn, xung đột. Những đau khổ và sung sướng của con người trong thời gian sinh tồn đều biến đổi, tích lũy dấu vết thành kinh nghiệm sống và con người chỉ được giải thoát ở sự hợp nhất lý tưởng giữa rung cảm đã qua và tinh thần tuyệt đối trong ý thức toàn diện về thực tại sống.

Marx lấy lại phương pháp suy luận biện chứng của Hegel và đem áp dụng vào lịch sử của con người. Ông nhắm con người cụ thể trong thời gian và bằng hành động chứ không lưu ý tới con người trừu tượng (« con vật có lý trí » chẳng hạn). Đời sống con người được xác định bởi những kích thước như tôn giáo, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, vân vân. Những « cơ cấu » này, hoặc cũng gọi là những giai tầng kiến trúc của đời sống con người, không có chung một tầm quan trọng.

Marx gọi khía cạnh căn bản là « *hạ tầng kiến trúc* », và chính những tương quan kinh tế đã xây dựng nó ; tương quan kinh tế tức là mối tương quan giữa con người và vật chất, bằng *lao động* ; bởi con người thiết yếu là kẻ sản xuất và tiêu thụ, bằng cách *chuyển hóa vật chất* thành những gì ích dụng cho đời sống của mình. Tất cả những cơ cấu khác kinh tế đều tùy thuộc ở hạ tầng kiến trúc và được gọi là « *thượng tầng kiến trúc* » : gia đình, nhà nước, những chủ nghĩa triết học, tôn giáo, vân vân. Nhưng khi những thượng tầng kiến trúc, được thiết lập trên những tương quan sản xuất của con người, lại muốn biến thành hạ tầng kiến trúc, tức là muốn biến thành nền tảng của đời sống, thì chừng đó là lúc con người bị « *vong thân* » : đáng lẽ con người gắn liền với kinh tế tức là với sức làm việc của mình, lại bị tùy

thuộc ở một thượng tầng kiến trúc được coi như giá trị tuyệt đối, căn bản và không dính dáng gì đến khả năng hành động của con người, tách rời khỏi đời sống cụ thể.

Vậy thì làm cách nào để kéo con người ra khỏi tình trạng xa cách thực tế đó ? Phải đặt con người trở về lịch sử cụ thể và thúc đẩy con người, bằng hành động, tự giải cứu lấy mình. Marx bảo rằng xưa nay đời sống xã hội vẫn làm nảy sinh ra tình trạng người bóc lột người. Đó cũng là một nỗi khổ của con người mà chúng ta cần hiểu rõ để tìm cách lôi mình ra khỏi những tình trạng nô lệ, tủi nhục, nghèo đói, uất ức, vân vân. Marx cho rằng mỗi tiến bộ kỹ thuật làm nảy sinh một loại người lao động, và do phản đề lịch sử, nó cũng làm phát hiện một loại người bóc lột. Người nô lệ thời thượng cổ bị các ông chủ áp bức, thuộc dân bị các lãnh chúa thống trị, thần dân bị vua quan khống chế, thợ thuyền bị nhà tư bản bóc lột. Cần phải có đấu tranh giai cấp để giải phóng người nghèo đói. Đối với Marx, cái khổ đau buồn bã của kẻ giàu và kẻ thống trị chỉ là hình thức sa đọa, đồi mạt, giả tạo, nhưng khổ đau đó không thực, không thống thiết như khổ đau của dân nghèo. Vực thẳm, nếu có thì chỉ có đó như viễn tượng đen tối của một cái chết tủi cực vì đói rách, vì rét mướt, vì kiệt lực. Vì không được quyền sống nó đủ. Phải giải phóng nó tức là phải *giải quyết kinh nghiệm vực thẳm cụ thể và cách thực trong đời sống vật chất của giới bị trị*. Và *giải quyết bằng hành động ; hành động đẩy mạnh và tiến hóa của lịch sử* để tiến đến mục đích cụ thể là sự no ấm của mọi người. Đối với Marx, nạn khổ đau thê thiết của người dân lao động là ở chỗ sức làm việc của họ, tức giá trị đích thực của họ, bị khai thác triệt để và bị bóc lột đến cùng độ. Bởi giá trị của một vật tùy thuộc ở sức làm việc mà dân lao động phải dốc ra tự bản thân, thế mà giá bán vật đó lại luôn luôn vượt giá trị do lao động kia mà có ; mức sai biệt giữa giá bán và giá trị thực của đồ vật, Marx gọi nó là *«thặng dư giá trị»*. Đáng lẽ đó là phần mà người lao động được hưởng để bù vào công khó nhọc làm việc, nhà tư bản lại cướp lấy phần giá trị thặng dư này. Đấy là một sự bóc lột rõ rệt : sự ăn cắp trắng trợn nhất. Người lao động chỉ được trả số lương vừa đang hoặc còn dưới mức sức làm việc của mình, được trả bằng tiền, cái có, người lao động đã phải dốc sức mình tức là hiện hữu của mình ; vì tất cả giá trị của con người lao động là ở nơi sức mà người đó phải vận dụng : tức là người lao động đổi đời mình lấy một số tiền lương, *giá trị của người lao động bị giản lược* vào một món tiền ít ỏi. Đó là sự vong thân của người lao động. Chủ nghĩa tư bản lấy số tiền lãi làm vốn, lại đặt cho nó một hình thức đạo đức : gọi đó là *tư hữu*. Sự bóc lột này miên diễn trong lịch sử và do đó tiến trình lịch sử cũng thật là đầy những đớn đau, đầy định mệnh. Marx bảo rằng việc chấm dứt những nỗi thống khổ của nhân loại tùy thuộc vào chính con người. Nhưng con người có tự do chăng ? Không thể hiểu tự do của con người theo nghĩa tự quyền quyết định hết ; Marx chủ trương như vậy, và ông bảo rằng tự do chỉ là sự giải thoát khỏi tình trạng vong thân. Bởi vì con người cần cởi bỏ ách thống trị và tác dụng của nó ra khỏi thân phận mình, tiến trình lịch sử đã được quy định đến cứu cánh là sự giải thoát mọi người lao động khỏi mọi nỗi khốn khó. Engels gọi tự do hiểu theo Marx là « ý thức về nhu yếu của lịch sử », nhu yếu đó là lôi kéo con người ra khỏi tình trạng bị tha hóa, bị vong thân dù dưới bất cứ hình thức nào. Nhưng giải pháp biện chứng này nhằm cứu nguy cho tập thể chứ không cho riêng cá nhân nào lâm vào tình trạng khốn khổ. Nếu có một cá nhân làm khác với nhu yếu của lịch sử thì tập thể phải hi sinh cá nhân đó. Như Staline đã nói : « Trọng tâm của chủ nghĩa cộng sản là quần chúng, và châm ngôn của chúng ta là : tất cả cho quần chúng ». Dĩ nhiên, chủ thuyết của Marx nhằm đưa ra một biện pháp cứu khổ cho cả đám đông bị thống trị và khao khát tự do ; ít nhất Marx cũng tìm cách giúp cho tiềm năng hành động nơi mỗi cá nhân được dùng tới, được khai thác triệt để ; nhưng giá trị cá nhân tự nó và chỉ được xét riêng rẽ thì không phải là thứ giá trị tuyệt đối, bởi Marx quan niệm rằng giá trị tuyệt đối nằm nơi khả năng tập thể trong vận động lịch sử toàn diện để tiến tới cứu cánh : xã hội đại đồng.

tiểu luận của

nguyễn nhật duật

Bởi thế, *viễn quan biện chứng nhằm giải quyết mọi đau khổ của con người bằng hành động tích cực và cách mệnh triệt để trong lịch sử*. Marx quan niệm nỗi thống khổ của con người một cách cụ thể và thực tiễn nên giải pháp của ông cũng rất sát với đời sống hàng ngày của mọi cá nhân, và giải pháp đó có tính cách xây dựng lớn lao chứ không nhắm vào một vài người hay vài trường hợp riêng lẻ. Với ông chỉ có hành động quyết liệt và tiến bộ trong niềm tin mạnh mẽ vào lịch sử mới đưa con người ra khỏi mọi nỗi khổ đau. Vực thẳm là vực thẳm trong lịch sử, đe dọa chung đại đa số : giới bị trị, những người nghèo đói bị bóc lột, do đó hạnh phúc tuyệt đối là hạnh phúc cộng đồng, trong sự giải phóng nhân loại khỏi mọi hình thức vong thân, mọi tình trạng nô lệ dù tinh thần hay vật chất. Hegel đưa chúng ta đến sự giải thoát tinh thần khỏi mọi ràng buộc trở ngại của những hình thái chấp ngã và vật hóa đã gây ra ý thức khốn khổ, trong khi Marx đòi dắt dẫn con người đến sự giải phóng toàn diện thân phận mình. Cả hai đều đòi hỏi phải đặt cá nhân trong tiến trình lịch sử, trừu tượng hay cụ thể, và chủ trương phải nỗ lực chuyển hóa bằng một vận động biện chứng tích cực qua nhiều giai đoạn.

■ còn nữa

Đặc biệt giới thiệu : sách mới

1) **HIỆN SINH, MỘT NHÂN BẢN THUYẾT** J. P. SARTRE

2) **CHỦ NGHĨA HIỆN SINH** P. FOULQUIÉ

Do Thụ-Nhân dịch. Những cuốn sách gối đầu giường của hàng triệu bạn trẻ trên khắp thế giới, đồ đệ của Hiện sinh chủ nghĩa.

3) **ĐỊA NGỤC MÔN** (RASHOMON), nguyên bản của AKUTAGAWA, một truyện ngắn duy nhất trên thế giới được diễn thành phim. Tài liệu quí cho các nhà văn tương lai và những bạn ưa sưu tầm khảo cứu.

Nhị-Nùng xuất bản

độc giả tham dự cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật

độc giả bây giờ đọc tiểu thuyết nào ?

Ý KIẾN BẠN MÀY HAI ĐẢO
sinh năm 1947 — học sinh trung học

(1) Khi nói đến truyện, tiểu thuyết Việt Nam tôi nghĩ ngay đến những tác giả hôm nay. Những người mang tên Thanh tâm Tuyền, Thao Trường, Mai Thảo, Dương nghiễm Mậu, Viên Linh, Nguyễn đình Toàn. Về Tiền chiến tôi chỉ còn nghĩ đến một Nguyễn Tuân với « Chùa đàn ».

(2) Tôi theo rõi các tác giả mà tôi mến phục qua tác phẩm mà thôi. Đời sống riêng tư họ tôi rất ít biết đến. Đôi khi nói chuyện về văn chương với một số bạn bè tôi cũng có tò mò về đời sống riêng tư của họ, song bạn bè tôi cũng chẳng biết gì. Nếu biết cũng «sơ sơ đại khái » mà thôi. Ví dụ như Thao Trường, Thanh tâm Tuyền, Viên Linh hiện là quân đội. Dương nghiễm Mậu trước kia mặc đồ xoàng xoàng, quần ka ki rộng. Có đọc gần hết những tác phẩm của tác giả tôi thích. Như Thanh tâm Tuyền, tôi đã đọc của ông từ « Bếp lửa » đến « Khuôn mặt », « Ung thư » đến « Dấu mặt ». Từ khi biết ông đến bây giờ, tôi chưa có nhận xét nào chính đáng về ông. Bởi vì cũng như thơ ông, truyện của ông có nhiều đoạn, nhiều truyện đưa tôi vào ngõ bí.

Về Mai Thảo : Khi đọc xong tập *Bầy thỏ ngày sinh nhật* tôi đã nói với một thằng bạn như vầy : Nếu mầy đã đọc *Bàn chúc thư trên ngọn đỉnh trời* thì đừng đọc Bầy thỏ ngày sinh nhật. Nhưng bây giờ « Viên đạn đồng chữ nổi » đã được bắn tung ra.

Về Dương nghiễm Mậu, Nguyễn đình Toàn : Không lùi nhưng chậm chân. Hai tác giả nầy đã bắt nhân vật mình độc thoại nhiều quá, chẳng chịu cho nó hành động làm người đọc nhiều khi nản.

Về Viên Linh : Một truyện ngắn gì đó đăng ở Bách Khoa 2, hoặc 3 năm về trước. Câu chuyện kể một cảnh đá bóng, một chàng thanh niên ngồi uống cà-fé trong một quán nhỏ gần đấy và... Thật hay. Bây giờ thì « Cảnh tượng đêm nay » đã vượt lên nữa, thật lạ và đặc biệt.

Về Thao Trường : Xuống dốc sau khi đi *Qua Cầu* và *Thử Lửa*.

(3) Văn chương không thể là một giải trí. Nó có trách nhiệm to tát của nó. Đối với chính tôi nó có giá trị nói lên được phần nào những gì chúng tôi muốn nói. Nó là một nguồn « Ý Thức ». Nó đào sâu tận ngõ ngách tâm hồn để phanh phui những dặt vặn, u uất phần nộ buồn đau. Nó lại là bộ mặt thực nhất của xã hội. Nó dám mạnh dạn lột trần những giả dối, những nhơ bẩn, những rống rổng của xã hội Nó đem lại tin tưởng, thương yêu, sự thật.

(4) Có. Nó đã nói lên phần nào thực trạng đau buồn của tuổi trẻ chúng tôi trước khúc quanh lịch sử đau buồn.

(Những truyện của T.T.T, T.Tr, D.N.M, N Đ.T. Thế Uyên, Thế Nguyên). Nó đã làm tăng thêm niềm can đảm để chúng tôi sống. (Những truyện của Mai Thảo, Doãn quốc Sỹ).

(5) Thanh tâm Tuyền, Thao Trường, Mai Thảo, Dương nghiễm Mậu, Viên Linh, Nguyễn đình Toàn, Doãn quốc Sỹ, Dương Kiều, Thế Uyên, Thế Nguyên.

Ý KIẾN BẠN TINH HUYỀN
Đà nẵng — sinh năm 1947

(1) Bàn đến sức sáng tạo liên tục, phong phú của những tác giả đã thành công trong những tác phẩm trường thiên tôi nghĩ đến Doãn Quốc Sỹ, Hồ Hữu Tường. Khi nói tới sự hiểu lộ một thái độ trí thức trong văn chương thì tôi nghĩ đến Nguyễn văn Trung. Khi nghĩ đến những chuyện có tính cách «tả chân thời đại» tôi nghĩ đến Thế Uyên. Nghĩ đến những truyện «không đầu» mà hay tôi nghĩ đến Võ Hồng. Nghĩ đến những truyện có tính cách phong tục tôi nghĩ đến Sơn Nam. Và khi bàn đến những ngòi bút cứng cáp, bạo dạn, lấu lỉnh trong nữ giới tôi nghĩ đến Túy Hồng.

Nhưng nếu đề cập đến tiểu thuyết một cách tổng quát không phân biệt ra từng lãnh vực theo những tiêu chuẩn trên, thì có lẽ khi nói đến truyện và tiểu thuyết tôi nghĩ đến Dương Nghiễm Mậu trước hết.

(2) Ngoài việc theo dõi một tác giả qua các tác phẩm được xuất bản và đăng tải trên báo chí, một khám phá về đời sống riêng tư của một tác giả, đối với tôi là một thích thú.

Nhưng có điều, tôi rút kinh nghiệm là : muốn đánh giá một tác phẩm nghệ thuật một cách đứng đắn thì không biết rõ về đời tư tác giả đó vẫn hay hơn.

(3) Vai trò của văn chương bao giờ cũng rộng lớn. Nó đóng một vai trò gì đối với cá nhân và xã hội là tùy ở hoàn cảnh, ở giai đoạn lịch sử hay tùy ở quốc gia. Nếu nhìn một cách tổng quát theo biên giới của con người, thì tôi nghĩ rằng văn chương ở các Nước Tự Do rõ ràng là vị nghệ thuật; còn ở những nước cộng sản thì văn chương được xem như là một phương liện hữu hiệu để phục vụ chính trị.

Nếu đã xem văn chương là một bộ môn để giải trí hữu hiệu, thì dĩ nhiên tiểu thuyết đóng một vai trò quan trọng trong mục tiêu nầy.

(5) Và đây là danh sách 10 tác giả tôi thích nhất (thứ tự sắp theo mẫu tự của tên sau cùng) :

Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hạnh, Võ Hồng, Túy Hồng, Dương Nghiễm Mậu, Sơn Nam, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền.

Ý KIẾN BẠN PHẠM MỸ KHÁNH
học sinh Tam kỳ

(1) Không nghĩ đến tác giả nào hết trọi, bởi lẽ tác phẩm bảo đảm giá trị cho tác giả. Giả thử, có tác phẩm « L'adoration » người ta mới nghĩ đến, biết đến Jacques Borel. Ở VN chắc cũng tương tự. Người ta biết Nguyễn Tuân nhờ « Vang bóng một thời ». Tại « Chí Phèo » người ta mới nghĩ đến Nam Cao, mới « khám phá » văn tài lỗi lạc của Nam Cao bị lãng quên, bị vùi lấp trong bóng tối. Tóm lại, khi nói đến tiểu thuyết VN, chúng tôi ít khi nghĩ đến tác giả nào. Nếu có nghĩ đến thì cũng nhờ tác phẩm, « đứa con » họ tạo ra thôi.

(2) Chúng tôi theo dõi tác giả qua tác phẩm của ông ta.

Bây giờ thì người đọc có thể theo dõi tác giả vừa qua tác phẩm vừa qua đời sống riêng nhờ chính những nhà văn tiết lộ.

Hồi trước, tôi tưởng nhà-văn-phải-ra-nhà-văn, (cao quý hơn người v.v,) bây giờ thì khác. Tôi thấy họ cũng rất « lộn xộn », họ cũng có nhiều cái « lăng nhăng » giống hệt khác, bởi lẽ họ cũng chỉ là người,

(3) Tôi nghĩ văn chương có một vai trò quan trọng.

Văn chương có thể cải tạo xã hội (nhóm Tự Lực Văn Đoàn) làm cách mạng (Nam Đồng thư xã).

... Văn chương có thể « biến cải thế giới » nhờ Karl Marx, hay « thay đổi cuộc đời » nhờ Rimbaud, như Thanh tâm Tuyền viết trong « Bếp Lửa ».

« Gia tài trí thức » (hình như danh từ của nhà lý luận văn nghệ Tam Ích) của tôi còn « yếu » nên tôi không diễn đạt nổi vai trò của văn chương. Vì vai trò của văn chương vốn bao quát.

(4) Ngoài giá trị lớn lao vừa nói, văn chương còn có tác dụng giải trí. Nói chung, tiểu thuyết đáp ứng cho sự thiếu thốn về mặt tinh thần của con người. «Nó» là món ăn cần thiết, bổ ích về tinh thần như cơm, áo, bánh mì bên thể xác vậy đó.

(5) Đại khái, có thể thích được những tên ghi sau : Hoàng đông Phương, Nhã Ca, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn đức Sơn, Vũ Hạnh, Mai Thảo, Dương nghiễm Mậu, Nguyễn đình Toàn, Thanh tâm Tuyền.

Ý KIẾN BẠN LÝ TÒNG TÔN
Trung học Phan thanh Giản — Cần Thơ

(1) Khi nói đến truyện, đến tiểu thuyết Việt Nam tôi nghĩ ngay đến Mai Thảo.

(2) Tôi theo dõi một tác giả về cả hai phương diện : tác phẩm và đời sống riêng tư. Vì đời sống riêng tư đó giúp tôi khám phá được những cái có thể là thích thú mà người khác, dù đọc kỹ, cũng không cảm thấy, hoặc chút ít riêng tư của tác giả đó sẽ giúp tôi hiểu sâu hơn và rộng hơn về tác phẩm của ông ta.

Dĩ nhiên là tôi phải đọc, đúng hơn là phải tìm đọc cho được tất cả những tác phẩm của tác giả tôi thích, (cả những bài tiểu luận hay truyện nhỏ đăng rải rác trên các tạp chí).

(3) Tôi không quan niệm gì hết về vai trò của văn chương, nhưng nhất định văn chương không thể dùng để giải trí.

(4) Như trên, tôi không có quan niệm gì hết. Tuy nhiên không thể vì nhu cầu đòi đáp ứng của chúng ta mà gán cho văn chương những tiếng thành công hay thất bại,

(5) Mai Thảo, Võ Phiến, Doãn quốc Sỹ, Thanh tâm Tuyền, Dương nghiễm Mậu, Nguyễn đình Toàn, Duy Lam, Viên Linh, Minh Đức hoài Trinh, Nhã Ca.

Ý KIẾN BẠN TRẦN QUỐC THỐNG
Trung sĩ Thủy Quân Lục Chiến

(1) Khi nói đến truyện, đến tiểu thuyết Việt Nam kể cả những người viết truyện ngắn, tôi nghĩ ngay đến nhà văn Lý Hoàng Phong.

(2) Tôi theo dõi một tác giả bằng cách theo dõi các tác phẩm của tác giả trên các tạp chí, tác phẩm đã in. Tôi cũng muốn biết đời sống riêng của tác giả, nhưng thường thì không hiểu được điều chi ngoài hình in trên báo, khi lại không. Từ năm 1961 đến nay tôi được đọc rất nhiều truyện ngắn của nhà văn Lý Hoàng Phong và truyện dài «Sau cơn mưa», nhưng không chắc đã đọc được hết nên tôi không dám làm việc so sánh, tôi chỉ biết là lúc đọc truyện của ông tôi rất khoái và đọc không sót một chữ nào. Tôi thích nhất truyện «người giết người» cách đây rất lâu.

(5) Mười nhà văn tôi thích nhất là : Lý Hoàng Phong, Viên Linh, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Trần Dạ Từ, Dương Nghiễm Mậu, Tô Thùy Yên, Lê Huy Oanh, Thanh Tâm Tuyền, Đặng Lê Xuyên và Sao Trên Rừng.

Ý KIẾN BẠN NGUYỄN XUÂN HÙNG
Trường Phan Bội Châu, Phan Thiết

(1) Hình ảnh một Thanh Tâm Tuyền với nỗi quằn quại lột tả đời sống, Sơn Nam bóng dáng con người đang khai hoang miền Nam um tùm. Những bóng dáng đó ghi sâu làm tôi thường nhớ đến hết. Mặt khác, một Mai Thảo bóng bẩy uyển chuyển, một độc đáo trong sự diễn tả ngôn từ phong phú của văn Việt, Vũ Khắc Khoan như mũi dùi sâu bén nhọn đâm thủng vào tâm trạng, buồn tủi và đau thương. Ông đến tận nhẫn, đến thiết tha, đến như dây H Mã sùng sục chót vót của nỗi lòng con người với mình, với cuộc sống với thời cuộc. Những khuôn mặt rạng rỡ và chói sáng, rạng rỡ với vòm trời Việt Nam và với riêng tôi.

(2) Tác phẩm như cả tâm tình và cuộc sống của người viết. Một khi tác phẩm hẳn thay đổi như cuộc sống hẳn biến chuyển, tác phẩm hẳn láo, chính hẳn láo, tác phẩm thành thật biểu lộ con người thành thật. Người viết khó có thể chối mình cũng như khó lừa kẻ đọc.

(5) Thanh Tâm Tuyền, Sơn Nam, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Kim Minh, Nhã Ca.

Ý KIẾN BẠN TRẦN THANH THÚY
Học sinh Đệ nhị cấp, sinh năm 1950

(1) Khi nói đến truyện, đến tiểu thuyết Việt Nam, tôi nghĩ ngay đến Nguyễn Đình Toàn, Mai Thảo và Thanh Tâm Tuyền.

(2) Vấn đề đời sống riêng tư của tác giả, tôi không xem đó là một điều cần thiết phải tìm hiểu, tuy nhiên tôi cũng thích được biết qua thân thế và một vài điểm đặc biệt về cá tính của nhà văn ấy. Văn chương không thể dùng để giải trí suông thỏa theo thị hiếu của độc giả. Đối với tôi, văn chương là một món ăn thật cần thiết trong đời sống tinh thần. Như vậy văn chương cũng không thể chỉ có giá trị đối với chính nó. Văn chương là một chấp nhận, một xây dựng, cố bước tìm đến tiến đến tận cùng hoàn hảo, nó có giá trị trên mọi khía cạnh sáng tạo của nó. Văn chương là một tiến hóa song song với nhịp sống con người, văn chương phản ảnh thời cuộc, những lo âu thảm hình của thế hệ hôm nay. Và như thế chúng ta không thể tự mãn và không có quyền dừng lại bất cứ lúc nào.

(5) Mười tác giả tôi ưa thích :

Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sỹ, Thế Uyên, Viên Linh, Võ Hồng, Sơn Nam, Y Uyên.

Ý KIẾN BẠN TRUNG ĐƠN
Sinh năm 1936, Công chức Đàlạt

(1) Tôi nghĩ ngay đến Nhất Linh của tiền chiến và Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ bây giờ.

(2) Tôi thích giới một tác giả qua bút pháp và tư tưởng của họ. Chẳng hạn như Võ Phiến càng ngày càng sâu sắc và chi li hơn trong việc phân tách tâm lý nhân vật cũng như tả cảnh, tả việc.

Doãn Quốc Sỹ thì càng ngày càng tỏ ra thi sĩ ngay trong khi viết văn xuôi.

Tôi không cần lưu ý tới đời tư của tác giả.

(3-4) Văn chương để giải trí hay văn chương có một giá trị đối với mình hay đối với xã hội ? Theo tôi thì cả hai.

Trong cuộc sống loạn ly nhiều khi mình muốn quên cái cuộc sống thực tại nhầy nhụa trong một khoảng thời gian nào đó.

Khi đọc «Nhớ cảnh nhớ người» của Pearl S. Buck tôi muốn sống như P. S. Buck. Trong cuộc sống đó chẳng chứa đựng một bài học luân lý sao ?

(5) Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Dương Nghiễm Mậu, Y Uyên, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Hạnh, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, Sơn Nam, Lê Tất Điều.

Ý KIẾN BẠC TRỊNH UYỂN LINH
sinh năm 1917 — học trò

(1) Tạm cứ vào ba mục tiêu xem như cốt yếu mà độc giả mặc nhiên lấy làm đích nhắm. Đó là : lối viết để độc giả khi theo dõi các phẩm hòa nhập vào thế giới của tác giả cùng suy tư và nhìn ngắm cuộc đời. Lối viết thứ hai thì bày việc cuộc chiến, mô tả chiến tranh dưới những cốt chuyện. Lối viết thứ ba táo bạo... Sự phân chia tỏ tương đối và có sự hỗ trợ lẫn nhau. Như vậy bây giờ vấn đề sẽ được trả lời rành rẽ hơn. Lối thứ nhất : Dương nghiễm Mậu, Võ Phiến, Nguyễn đình Toàn. Lối thứ hai : Y Uyên, Doãn quốc Sỹ. Lối thứ ba : Thế Uyên, Lê Xuyên.

(2) Theo dõi một tác giả đều thích thú, và đáng say mê nhất là theo dõi đời tư của tác giả, nhìn để biết một nhà văn sống như thế nào cùng những sinh hoạt của ông ta ra sao. Tuy nhiên vấn đề chính vẫn là đọc tác phẩm của văn sĩ đó.

(4) Văn chương chắc chắn không dùng để giải trí. Với xã hội, văn chương có giá trị của một nhân chứng. Với cá nhân tôi dĩ nhiên văn chương có giá trị trong nhiều vấn đề liên quan tới đời sống của mình. Với những liên hệ dây chuyền từ nhà văn qua xã hội, từ xã hội với tác phẩm và con người, văn chương đã thỏa mãn những điều tôi kỳ vọng vào nó. Tuy nhiên sự quan trọng còn được quy định vào thái độ của văn sĩ giá trị của tác phẩm cũng như tác giả nó có lâu dài hay không là đường hướng mà tác giả đó chọn cho mình. Trường hợp nhà văn Thế Uyên có người đã phê bình rằng nếu đem rút ra những chi tiết của tác giả này về chuyện ăn ở thì truyện của ông ta hết hay và trở nên vô duyên và nhạt. Với văn chương giá trị của nó vào chính nó cũng có đấy chứ.

(5) Đó là các tác giả : Dương nghiễm Mậu, Võ Phiến, Nguyễn đình Toàn, Thanh tâm Tuyền, Võ Hồng, Túy Hồng, Y Uyên, Doãn quốc Sỹ, Duyên Anh, Mai Thảo.

Kiêm Minh bông hồng

LÝ HOÀNG PHONG

TÔI gặp Kiêm Minh vào khoảng 50, 51 vào một dịp về Huế thăm gia đình. Gặp trên con đường Trần hưng Đạo, con đường mà mọi người của thành phố này có thể gặp nhau trong mọi buổi chiều. Hình như Quách Thoại đã giới thiệu anh cho tôi. Có lẽ vào mùa thu, trời hơi lạnh, Kiêm Minh mặc một áo len màu nâu nhạt không gài nút giữa, tôi còn nhớ như thế. Cùng đi với anh có một vài thanh niên tôi đoán là những bạn hâm mộ anh.

Thoạt nhìn, Kiêm Minh có ngay cái vẻ con người nhà văn. Dáng gầy, hơi khẳng khiu, một mái tóc rậm và cứng nằm nghiêng trên một khoảng trán rộng rãi, đôi mày đen và dày, đôi mắt sâu, khóe mắt bên trái có một vết sẹo. Đôi mắt anh, với tròng đen ngả màu nâu, có một vẻ hiền lành, u ám và lặng lẽ. Khuôn mặt có những đường nét, góc cạnh rõ rệt với cái mũi cao thẳng, cặp môi dày và rộng, một khuôn mặt mà các họa sĩ thích vẽ.

Kiêm Minh nói nhỏ nhẹ và nói ít. Giọng anh thích hợp cho những câu chuyện tâm sự. Cười cũng ít và và chỉ hí hí trong miệng. Anh cũng ít ba hoa bông đùa. Nếu có thì lại thích nói những câu triết lý. Vào buổi gặp anh hôm ấy, Kiêm Minh nói : « Tôi là người độc nhất... » Hình như anh muốn nói anh là người độc nhất viết văn lúc đó.

Bấy giờ là thời kỳ kháng chiến. Văn chương ở thành hiếm hoi lạc lõng. Viết cái gì ? Quá khứ vừa bị đốt cháy. Hiện tại sôi bỏng. Tương lai là một ẩn dấu mù mịt. Chỉ có một văn chương có được chỗ đứng : văn chương kháng chiến, văn chương xã hội...

Saigon có Lý văn Sâm, Vũ anh Khanh... Và Huế, mỗi mình Kiêm Minh.

Hình như anh có mặt nhiều nhất trên tuần báo Đời Mới xuất bản ở Saigon với những truyện ngắn, tạp bút. Tôi đọc đây đó một vài sáng tác của anh, một người đàn bà điên, một đứa bé câm, những nạn nhân của chiến tranh. Và một vài tạp bút nữa tôi không còn nhớ rõ. Tưởng có thể nói Kiêm Minh là người viết tạp bút độc nhất từ đó đến nay, một thể văn thuận lợi cho những nhà văn chiến đấu. Bây giờ nhắc đến thời kỳ đó, Kiêm Minh nói : « Hồi ấy tôi viết say mê và dồi dào nhất. Một phần vì còn trẻ, còn hăng. Một phần vì tôi có một chỗ viết rất tốt. Nơi nhà tôi. Một cái nhà yên tĩnh, cây cối, bóng mát, chim hót ». Tôi cười hỏi : « Thế có bông hồng không ?». Đôi mắt u tối của Kiêm Minh chợt sáng, anh cũng cười : « Có chứ. Nhiều bông hồng lắm. Rất đẹp ».

Ít ngày sau hôm gặp anh ở Huế, tôi có đi ngang ngôi nhà anh. Nơi một con đường trong Thành Nội, men theo bờ thành, căn nhà khuất sau hàng dậu dày xanh um. Người bạn nói với tôi : « Nhà của Kiêm Minh đó ». Kiêm Minh ở đấy với một người em gái. Căn nhà với khu vườn đầy bông hồng đó của Kiêm Minh là cả một quá khứ anh sẽ không bao giờ quên.

Nơi để đô bé nhỏ chật hẹp mà Kiêm Minh đã sinh trưởng, thiên nhiên không cần cỗi để người ta muốn quật khởi, chinh phục, thiên nhiên cũng không giầu có, phì nhiêu để người ta có thể hả hê, phóng khoáng, thiên nhiên chỉ có vừa đủ nuôi sống con người, một cuộc sống nhỏ nhoi, quanh quẩn, nhưng thiên nhiên có đầy đủ nhan sắc yêu kiều cho con người mơ mộng. Nơi cái đế đô nghèo nàn đó không biết bằng cách nào, bà Cố của Kiêm Minh đã trở thành một nhà giàu lớn. Nhưng khi bà chết đi thì cái gia tài kếch xù của bà cũng tan biến theo không biết bằng cách nào. Người cha Kiêm Minh không hưởng được chút gì cái giàu có của ông bà. Ông chỉ làm một giáo viên ngày ngày đến trường gõ đầu trẻ. Nhưng chỉ được một thời gian, hình như có một giòng máu giang hồ nào đó sôi sục trong người, ông bỗng nhiên bỏ nghề, lên núi, khai khẩn một vùng đất 100 mẫu thành một đồn điền dương liễu. Vùng này giờ đây là một chiến khu nơi đã xảy ra những đụng độ lớn và được gọi « giấy phở buồn hiu ». 11, 12 tuổi theo cha đến đó trên chiếc xe tay gọng vàng, Kiêm Minh đã mang những ấn tượng đầu tiên của thực tế xã hội, ông chủ và người làm công. Vật lộn với núi rừng, với nước độc, mộng của người cha là tạo cho đứa con trai một địa vị vẻ vang hơn mình. Kiêm Minh phải là một bác sĩ. Định mệnh đã không muốn thế. Ông ngã xuống vĩnh biệt vợ con vì một ung thư bao tử. Cơn bệnh cũng đã nuốt hết

tiền nong ông đã bỏn ba khai được của núi rừng. Đứa con mới 13 tuổi. Cái tang người cha gây ảnh hưởng gần như quyết định với trẻ vẫn được nuông chiều. Trước Kiêm Minh là 1 học sinh giỏi chăm chỉ và đứng hàng đầu trong Người cha chết đi, Kiêm Minh không còn ham học, không còn làm toán nữa mà chỉ thấy thích văn chương có hôm bỏ học rong chơi. Người

văn của ngõ hẻm

thật sự thất bại, đứa con không thể thành 1 bác sĩ, hẳn chỉ có thể làm nhà văn. Nhưng đứa con đã thật nối chí người cha, hẳn cũng muốn i phá núi rừng và đây là núi rừng ệ thuật.

Người cha mất đem theo xuống mộ ng mộng tưởng kinh doanh giàu người mẹ rút về ẩn náu với 2 con ai một gái nơi ngôi nhà nhỏ đầy g hồng. Người mẹ hiền chắt chiu lo lắng nuôi con và người mẹ còn lại đó là tất cả hạnh phúc, tất cả hy vọng của đứa trẻ đã biết đau khổ và yêu thương. Năm năm sau, giữa cuộc kháng chiến kiệt lực vì lo âu, người mẹ đau tim và chết theo chồng. 18 tuổi, Kiêm Minh đã mất tất cả. Chỉ còn lại ngôi nhà và người em gái. Kiêm Minh ngồi xuống nơi bàn viết giữa căn nhà như quá rộng, anh nhìn ra khu vườn đầy bông hồng và cầm bút, viết văn.

Lớn lên giữa một xã hội rã rời ốm yếu vào những ngày tàn tạ của 1 triều đình và một chế độ thực dân, với một thảm trạng gia đình có thể coi như một vùng vẫy thất bại để cố vươn lên một đời sống mới, say mê tiểu thuyết của Tolstoi, của Gorki, Steinbeck, Lỗ Tấn, Kiêm Minh đã bước vào đời văn với những lý tưởng xã hội, cách mạng. Nhưng cuộc cách mạng bùng nổ giữa lúc Kiêm Minh lớn lên, Kiêm Minh lại không thể lao mình vào đó. Kiêm Minh không chấp nhận được tư tưởng cũng như phương pháp đấu tranh của người Cộng sản. Không đi theo xã hội mác-xít thì phải làm cuộc cách mạng xã hội nào đây, cho đến bây giờ Kiêm Minh vẫn chưa thể trả lời cho câu hỏi đó. Nhưng không hẳn phải giải đáp được câu hỏi ấy mới có thể viết văn. Nhà văn ở đâu, thời nào cũng sẵn có những của cải mà hẳn nhiệt thành đem ra phân phát cho mọi người. Đó là tình yêu, lòng nhân đạo, khát vọng công lý, hạnh phúc, là những tình cảm tốt đẹp luôn luôn còn tồn tại giữa xã hội và con người. đó là những bông hồng trong khu vườn của Kiêm Minh.

Kiêm Minh vẫn tin tưởng ở những tình cảm thắm đỏ trong lòng mình và anh đã say sưa viết.

Khoảng 5 năm sau, tôi gặp lại Kiêm Minh ở Saigon. Anh ghé ở với tôi một thời gian nơi căn gác trong một ngõ hẻm gần Cầu Bông. Anh vẫn nhỏ nhẹ, lặng lẽ. Anh đang viết cho tuần báo *Nhân Loại*. Trong những ngày ở với tôi, anh viết một hai tạp bút gì đó. Anh không thay đổi, tôi muốn nói văn anh. Vẫn những khổ đau, những buồn chán, những thất vọng và cuối cùng những hy vọng. Ít lâu sau, anh về Huế bán đi ngôi nhà và khu vườn bông hồng rồi trở lại Saigon ở luôn cho đến nay,

Khu vườn bông hồng không còn nữa, ở cái thủ đô thương mãi và kỹ nghệ này, Kiêm Minh chỉ còn có những ngõ hẻm. Cô độc, Kiêm Minh thay đổi chỗ ở hoài, đi từ ngõ hẻm này sang ngõ hẻm khác. Thật ra có một hồi anh ở bin-đinh, nhưng bin-đinh cũng chỉ là một thứ ngõ hẻm và những ngõ hẻm ở Saigon phần nhiều là những ngõ cụt. Lâu lâu tôi vẫn thường gặp Kiêm Minh. Anh ít già nhưng mỗi ngày mỗi thấy u uất thêm, cái vẻ u uất ít thấy ở những nhà văn ngày nay. cái vẻ u uất làm người ta nghĩ tới một quá khứ tối tăm chỉ muốn quên đi và một hiện tại làm choáng váng con người.

Kiêm Minh là một trong những cây bút hiếm có ngày nay muốn dùng văn chương để sửa đổi xã hội. Kiêm Minh tin rằng con người có thể tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn, tuy rằng anh vẫn chưa tìm thấy khuôn mặt xã hội tương lai đó. Kiêm Minh tin ở tình thương yêu và ở sự đau khổ. Không ai biết được thế giới đi về đâu. Nhưng tình yêu khổ đau vẫn luôn luôn là những động lực để làm lại con người và xã hội.

Giữa cuộc nội chiến tàn khốc và giữa những phân chia của thế giới, xã hội chúng ta đầy dẫy những hỗn loạn nghèo đói, bất công, luôn luôn đòi hỏi cách mạng và bao giờ chúng ta còn cần đến cách mạng, tiếng nói Kiêm Minh còn là một tiếng nói thực, tiếng nói cần thiết.

Trong hơn 13 năm cầm bút, Kiêm Minh đã viết hàng trăm truyện ngắn và tạp bút đăng rải rác khắp các báo. Trước 55 anh cũng có viết hai truyện dài đăng ở hai tuần báo « *Nhân loại* » và *Nguồn Sống Mới*. Nhưng mãi đến năm trước đây một người bạn trong nhà xuất bản *Hữu Nghị* mới cho ra đời một tập mỏng gồm vài truyện ngắn và tạp bút của anh mang tên *Mẹ Á Châu*. Kiêm Minh không có trong tay anh một cái gì anh đã viết ra. Anh nói : « Lúc nào tôi cũng có cảm tưởng như mới bắt đầu. Chưa khi nào tôi thật bằng lòng những gì đã viết ra ».

Tôi không nghĩ như thế. Theo tôi, Kiêm Minh có vẻ như lẻ loi, đơn độc giữa những người viết hiện nay, vì từ đầu anh đã lựa chọn một con đường khá vắng vẻ. con đường của một chiến sĩ cho một cuộc cách mạng không tên, mơ hồ và bít bùng như một ngõ hẻm. Con người chiến đấu hẳn nhiên đã phải lấn áp con người

■ *xem tiếp trang* 33

BÀI THỨ 7 TRONG LOẠT BÀI VIẾT VỀ 10 TÁC GIẢ VIỆT NAM

□ bài của **lý hoàng phong**

Sơn Nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

37

vạch một chân trời

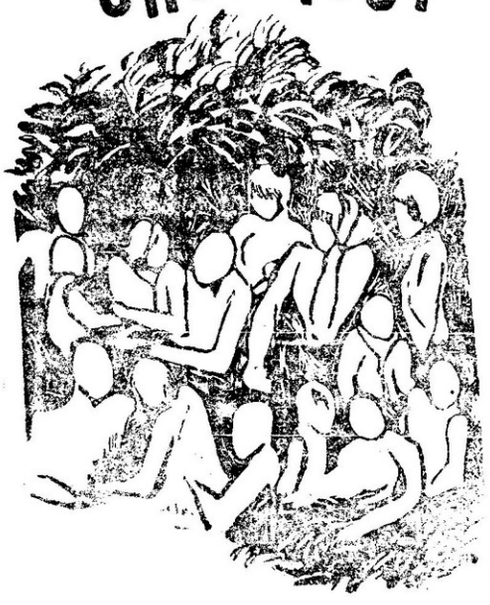

TIẾNG tù và thổi lên. Tiếng hồi, mỗi lúc một gần. Thằng bé đứng dựa gốc cây. Mới 15 tuổi đầu nó đã chứng kiến hai cái đám táng và đã tham gia công việc đào đất, lấp cát. Nó thấy con người chết sao dễ dàng quá. Xưa kia, nó tưởng rằng hễ già nua thì con người mang bịnh rồi chết lần hồi như gốc cây già. Hoặc chết vì gặp thú dữ, rắn độc. Thú dữ và rắn độc làm chúa tể rừng tràm, con người xâm lấn rừng tràm, giành giang sơn của thú dữ thì chúng nó tự vệ. Nhưng cái chết của lão Chòi Mui và Lục Cụ làm nó suy nghĩ mông lung. Con người giết con người, giết dễ dàng nhờ con rắn độc. Nó định một ngày nào đó giết con rắn trong hũ cốt nhưng làm sao giết được khi lão thầy rắn còn sống và kéo thêm bè cánh, thêm hai người nữa là Hai Tam và tên Mách.

Gọng tù và vang rền. Hai Tam lấp đất lên xác Lục Cụ, vừa lấp đất vừa trông ngóng phía gốc cây cao nhứt.

— Thằng bé đâu rồi ?

Tên Mách sửng sốt :

— Nó mới đứng đây mà. Nó đâu rồi ?

●

Chúa tàu Long Phi cho người chèo tam bản ra tận vàm Cái Lớn. Mấy cuộc thám hiểm vào rừng sâu do Tư Bá và A Lầu hướng dẫn chưa đem lại kết quả nào đáng kể. Tư Bá cho biết : xung quanh khu rừng này, có nhiều gốc cây bị đốn ngã, khắc chữ mộc, chữ thủy... Nhưng chữ kim thì chẳng bao giờ tìm ra. Bọn giặc Tàu Ô hơi nản chí, báo cáo riêng với chúa Tàu :

— Khó tìm thấy kho tàng. Mấy chữ mộc, chữ thủy đều khắc nguệch ngoạc trên da cây, nét dao còn rành rành. Tư Bá là đứa hèn nhát, cứ mặt trời xế bóng là bắn thối lui về mé sông mà ngủ.

Chúa Tàu lật quyển sổ tính nhẩm. Tàu đậu tại đây suốt nửa tháng trường, lương thực cạn dần. Nếu do dự, chưa giết Tư Bá hoặc con Nhung thì một ngày nào đó, gần lắm, thủy quân Triều đình sẽ kéo tới bao vây. Tàu đậu trong lòng sông, làm sao thoát ra biển khơi được.

Chúa tàu Long Phi lật quyển sổ, xem những trang chót rồi lật trở lại những trang đầu. Tuổi Hợi, sanh giờ Thìn, là ông ta, vào ngày Mẹo, thuộc về bà Mi Châu bảo vệ. Muốn cho bà Mi Châu hiện về báo mộng, ông ta gọi bọn hộ vệ :

— Đem Tư Bá với đứa con gái tới đây !

Quân hộ vệ vâng dạ, lát sau xuống khoang tàu cho biết :

— Tôi trói tụi nó rồi !

— Gọi A Lầu tới !

A Lầu xuống khoang bẩm, ra mắt chúa tàu :

— Xin chúa tàu chỉ dạy.

Chúa tàu Long Phi đến trước cái bàn thờ to lớn, cao ngay đầu :

— Mầy lạy Thiên Hậu Thánh Mẫu.

A Lầu rớn tóc gáy. Khi gặp việc khẩn cấp, vượt ra ngoài quyền lực của con người thì chúa tàu mới dùng đến nghi lễ nầy. Và khi bày ra nghi lễ là có đổ máu.

Lạy xong, A Lầu chắp tay thưa :

— Xin chúa tàu chỉ dạy thêm.

Chúa tàu ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, cầm cái quạt phe phẩy. Buổi trưa dưới khoang tàu hơi nóng xông lên khó chịu. Mùi nhang ban tỏa cuồn cuộn, không thoát ra ngoài được vì chúa tàu đóng các ngăn cửa, đuổi bọn hầu thiếp ra ngoài.

— Mầy với Tư Bá đều có tội. Đứa con gái kia thì cũng có tội nặng nhưng nó được tha cho. Mầy hiểu tại sao không ?

Nói xong, chúa tàu Long Phi mò mẫm trên vách, lấy một thanh gươm, đặt kính cẩn trên bàn thờ.

A Lầu thất sắc, ngỡ mình là người bị hy sinh trước nhứt nên nói bập bẹ :

— Thưa chúa tàu, tôi chưa làm được phận sự..,

— Nín đi ! Trước khi nói mầy chờ tao làm lễ

Trước bàn thờ bà Mi Châu, tấm màn nhiễu đỏ buông xuống, im lìm. Chúa tàu khăn vái lâm râm rồi dùng thanh gươm nhỏ khoát mạnh. Thanh gươm ấy quá cũ, lưỡi nằm gọn trong cái bao bằng cây xù xì, bị mọt ăn. Theo tục lệ bọn Tàu Ô, khi tàu hạ thủy lần đầu tiên, họ sắm một thanh gươm gọi là « lệnh đao ». Cây lệnh đao của tàu Long Phi đã cũ và xét, điều ấy chứng tỏ rằng tàu đã sống nhiều năm trên mặt biển mà chưa bao giờ chìm.

Thanh gươm được dựng nghiêng nghiêng trong góc bàn thờ. Đã từng theo tàu Long Phi hơn hai năm rồi, A Lầu chưa bao giờ thấy rõ bàn thờ bà Mi Châu. Lần nầy, khi tấm màn nhiễu đỏ được khoát lên, anh ta lại càng mù mịt. Sau tấm màn nhiễu còn tấm mành thứ nhì, lấp lánh xanh đỏ. Những xâu chuỗi ngọc buông thõng xuống, rung rinh, phản chiếu mấy đốm nhang cháy chập chờn.

— Đêm nay ta cầu mộng — Chúa Tàu nói — Nếu thấy điều may mắn, ta tha tội cho chú mầy. Bọn người gồm hai đứa. Đứa con gái kia, tao tha tội chết vì nó là... con gái đang mang thai. Bà Thiên Hậu luôn luôn bênh vực đàn bà con gái. Vậy thì chú may đang chọn lựa. Mầy hay là Tư Ba ?

A Lầu cái đầu chưa dám trả lời. Chúa Tàu Long Phi gọi hộ vệ quân :

— Đứa nó lên sàn tàu ! Dẫn đứa kia xuống đây !

May thay cho Tư Bá. Chú không nghe được tiếng Hẹ và cũng không thấy thanh gươm lệnh để khuất sau hai lớp màn. Chúa Tàu ra lệnh cho chú quỳ xuống. Chú cứ quỳ. Rồi chúa Tàu cho hộ vệ quân đưa chú lên sàn tàu.

Tư Bá và A Lầu bị trói vào cây cột

buồm lớn nhứt. Con Nhung được dẫn ra sau lái tàu. No ngồi cú rũ, thỉnh thoảng đưa tay lau nước mắt. Bọn Tàu Ô đến gần cột buồm nói lìu lo. Đứa lớn tuổi nhứt mang một cái vịm khá to. Tư Bá thất sắc hỏi :

— A Lầu ! Nó chém bọn mình.

A Lầu cười gượng :

— Chưa dám đâu.

— Vậy chớ cái vịm đó để làm gì ?

— Đừng nói chuyện. Lát nữa anh em mình mặc sức mà nói. Anh em mình trở thành thần thánh.

Cái vịm nằm im trên sàn tàu. Tên giặc Tàu Ô khoát tay. Cả bọn chúng chắp tay xá, bước lui về phía mũi tàu.

Tư Bá nhủ thầm :

— Chết thì chết. Mình coi thử cho biết. Nếu liệu bề không xong A Lầu nói cho tôi hay. Anh em mình nhảy đại xuống sông Cái Lớn. Tôi đủ sức ôm A Lầu vào lòng, lặn qua bên kia bờ hay là thả trôi ra biển.

A Lầu nháy mắt, sợ sệt. Tên giặc nhảy tới, tát tai Tư Bá. Tư Bá nói :

— Đừng bỏn.

A Lầu nói :

— Tức chết đi. Đừng gây sự với nó.

Tên giặc bước qua bên này, đạp mạnh lên đầu A Lầu. Hai người ngồi im. Tư Bá thử cựa quậy hai tay. Bọn chúng buộc giây hơi lỏng. Thay vì ra sức bứt tung sợi giây, chú có thể rút đi từ từ một bàn tay ra khỏi vòng giây. Đột nhiên chú nín cười không được. Tên giặc Tàu Ô rảy nước trên sàn tàu, màu nước trắng đục, xông hơi nồng. Đúng là nước vôi. Và chung quanh cây cột buồm hắn vẽ một vòng tròn khá to, bao bọc Tư Bá và A Lầu.

Làm xong công chuyện ấy hắn cúi đầu lạy hai nạn nhơn. Tư Bá cười dòn, nói to :

— Chết cha mày !

Dường như tên giặc hiểu rằng chú muốn chửi hắn. Hắn lạy một lần thứ nhì rồi chạy nhanh về phía mũi tàu, chẳng dám ngoảnh cổ nhìn lại.

A Lầu cười :

— Anh gan thiệt. Tụi nó làm lễ tế sống bọn mình.

— Cái bàn thờ hồi nãy dưới khoang tàu...

A Lầu vội giải thích .

— Thờ bà Mi Châu, nữ thần phò hộ tàu biển của tụi nó. Tụi nó gặp cơn nguy rồi. Hồi nãy tôi xuống trước, thấy chúa tàu lật lịch xem tử vi. Chắc là nhằm ngày xấu. Mệt không ? Anh em mình cứ nằm dài trên sàn nói chuyện chơi. Bây giờ tụi nó sợ anh em mình như ôn dịch, chẳng đứa nào dám lại gần. Nếu không xong bọn mình chịu chết...

— Không xong nghĩa là sao ?

— Khi nào đêm nay chúa tàu Long Phi không thấy bà Mi Châu hiện về mách bảo trong giấc mộng. Bây giờ mình là người... của bà Mi Châu rồi. Tụi nó sợ. Còn cô nọ thì khỏe lắm. Bà Mi Châu là đàn bà nên ghét kẻ nào đem xác đàn bà tới làm lễ.

Nắng chiều xế dần. Tư Bá nằm dài bên cạnh A Lầu. Chú rút tay ra khỏi sợi giây cho khỏe trong khi A Lầu cằn nhằn :

— Để một tay trong vòng giây. Nếu rút hai tay tụi nó nổi giận.

Thấy A Lầu là kẻ nhát gan, Tư Bá nghĩ đến bài toán thoát thân và cứu con Nhung. Hồm rày, Hai Tam đến đâu rồi. Chú nhớ rõ trong đêm đó chú nghe tiếng nói chuyện thì thào, ở xa bên đống lửa. Lát sau đống lửa tắt hẳn. Một buổi khác, chú trèo lên ngọn cây, giả vờ trông ngóng về phía ruột rừng để tìm kho tàng. Bọn giặc Tàu Ô chỉ cho chú hai bóng người lom khom đang khiêng vật gì nặng lắm, nằm ngay. Thoạt trông qua, chú nhận đó là một cái xác. Dường như bọn người nọ bước hối hả và biết có kẻ rình mò nên chạy thật nhanh.

Ai đã chết ? Lục Cụ hay Hai Tam ?

Dầu sao đi nữa Tư Bá cũng vững lòng. Hai Tam đã gặp Lục Cụ và tên Mách. Với chút ít khôn ngoan họ sống dễ dàng trong rừng đầy cá tôm và đọt rau non.

— Mặt trời ẩn lặn rồi. Anh Tư ơi !

Giọng A Lầu mếu máo, hai hàng nước mắt trào ra. Anh ta chùi nước mắt, ngửa mặt, nấc lên :

— Chắc chết quá ! Anh Tư biết lội không ? Mà lội làm sao được ? Tụi nó lội nước giỏi bằng mười anh em mình. Ngoài biển tụi nó không sợ, huống gì trong sông rạch.

Tư Bá đáp :

— Trời tối thì ngủ mát. Làm sao có cơm ăn ?

A Lầu nói :

— Anh Tư đói hả ? Gần chết rồi, ăn cao lương mỹ vị cũng... chết,

— Đói chớ. Tới sáng tụi nó mới làm thịt anh em mình. Mình còn sống lâu mà.

A Lầu ngồi dậy, nói với bọn Tàu Ô. Lát sau chúng bưng ra một nắm cơm gồm thịt nướng, trứng vịt muối, củ cải muối. Dọn xong, chúng thắp nhang vào một quả trứng rồi đốt giấy vàng bạc. Tên giặc lớn tuổi nhứt lại xuất hiện. Hắn dùng hai cây sào thật dài, đẩy nhè nhẹ cái mâm cơm tới sát gốc cột buồm.

Tư Bá ăn ngon lành. A Lầu cười gượng :

— Anh em mình trở thành.., cô hồn.

— Cô hồn phải uống trà, uống rượu chớ. Biểu tụi nó đem nước tới.

Đêm xuống dần. Rặng cây bần đung đưa, gió thổi mạnh đến mức nhiều cây trốc gốc, nằm dài trên bãi bùn. Tư Bá hơi buồn lòng. Phải chi không có con Nhung thì chú đã trốn thoát dễ dàng, sau khi giết chúa tàu. Sóng vỗ lạt chát vào mạn tàu. Chú nghĩ đến kế hoạch đục thủng tàu cho tàu chìm, với một tấc thép trong tay. Bọn giặc xúm xít ngồi bên nhau trước mũi tàu. Đêm nay cột buồm thiếu đèn. Chiếc tàu tuy lớn, tuy dài nhưng vẫn yếu và mỏng manh. Giữa mấy tấm ván be là khoảng trống trét chai. Nếu cạo tróc lớp chai ấy nước chảy vào và phá ra một lỗ lớn.

A Lầu khấn vái lầm thầm :

— Bà Mi Châu nếu linh thiêng thì cho chúa tàu nằm mộng... đừng giết tụi tôi.

Tư Bá không chịu nổi thái độ hèn nhát ấy :

— Khấn vái rồi cũng chết.

A Lầu đáp :

— Anh Tư chưa đi biển nên chưa hiểu bà Mi Châu. Bà linh lắm. Đang lúc sóng gió nhiều khi nhờ khấn vái mà tàu lướt qua khỏi chìm. Gặp cơn nguy, chúa tàu để trên bàn thờ bà một cái lệnh đao. Hễ lệnh đao tự nhiên lúc lắc hoặc rớt xuống là điều may mắn sắp xảy ra. Vái cho cây lệnh đao rớt xuống làm cho chúa tàu thức giấc mộng là anh em mình được sống !

— Bà Mi Châu là ai ?

A Lầu nói :

— Chuyện dài lắm. Hồi xưa bà học được phép thần thông trong cuốn sách bí truyền gặp dưới đáy giếng— thứ giếng lạn bên Tàu. Bà ngồi ở nhà lo dệt vải. Cha ruột của bà đi thuyền ngoại biển khơi gặp giông tố. Bà thấy rõ ràng trước mắt. Bà đưa tay ra cứu vớt mặc dầu đang ngồi bên khung cửi...

A Lầu bỗng ngưng câu chuyện. Bọn giặc nói chuyện to tiếng, bàn cãi. Cả bọn đứng dậy hướng về mé sông. Tư Bá ngồi dậy hỏi A Lầu :

— Cái gì kìa ?

■ còn nữa

đã phát hành

☐ THẰNG THUỘC CON NHÀ NÔNG

của Hồ Hữu Tường

☐ HOÀNG TỬ BÉ

(Le Petit Prince)

của Saint-Exupéry

(in toàn trên giấy đẹp)

☐ NHÂN SẮC

của Dương Nghiễm Mậu

do nhà **An Tiêm** xuất bản

NÓI THÊM VỀ BÀI CAO BÁ QUÁT

□ bài của PHẠM VĂN SƠN

CAO BÁ QUÁT LÀ CON CHÁU NHÀ LÊ ?

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên trước sự khẳng định này vì chưa thấy sử sách nào, hay các nhà trí thức nào trong nước nhất là các vị trí thức miền Bắc quê hương của Cao Chu Thần nói rằng ông Quát là họ Lê chứ không thuộc họ Cao.

Riêng tôi thuở còn học ở Hà nội từng sống với Cao bá Thao tức Thi sĩ Thao Thao, tương tâm sự nhiều với kẻ hậu duệ nay của ông Quát cũng chẳng bao giờ được Thao Thao cho biết ông ta thuộc họ Lê.

Còn bảo vì ông Quát họ Lê (Lê bá Quát) nên ông tiếp tay cho Lê Duy Cự chống lại nhà Nguyễn thì chưa có một bằng cớ nào xác đáng mặc dầu giáo sư nói rằng : « tại Bình Định, những nhà sử học đã tìm được đôi câu đối của Cao bá Quát khắc trên tấm bia, nhìn nhận mình là con cháu nhà Lê. Câu đối như sau :

Bình định tỉnh duy quân sở mạng, tam thập niên chúng tốt vu Nam.

Thăng long thành tiên tổ thị hoàng, ngũ bách tải cơ đồ tại Bắc.

(Theo mạng lệnh của Vua mà vào đất Bình định, ba mươi năm rồi chết ở đây. Tiên tổ làm vua ở Thăng long, năm trăm năm dựng xây cơ nghiệp ở đất Bắc).

Thật lạ lùng làm sao ! Theo chỗ tôi biết, ông Cao chỉ có đi từ Thăng long vào đến Huế để làm chức Hành tẩu tại bộ Lễ rồi sau này ông có một dịp đi công cán vơi phái đoàn của triều đình cử qua Tân gia Ba. Ông không hề có mạng lệnh nào của vua vào đất Bình định và ở đó 30 năm cùng chết ở tỉnh này. Ông Cao bị tử hình ở Bắc Ha sau vụ loạn « *châu chấu* ». Điều này rõ rệt như ban ngày.

Nhà sử học nào đã cho rằng câu đối trên đây là của ông Cao ? Sách nào dẫn đôi câu đối này ? Bia khắc câu đối này hiện ở chốn nào tại Bình định, tới coi được không ? Đã vậy trên lịch sử Việt Nam có dòng họ nào làm vua ở đất Thăng long đến 500 năm ! Nhà Lê ra đời năm 1428 cho chung vào 1788 tức là đến Lê chiêu Thống là 360 năm (chưa kể bị đứt đoạn với nhà Mạc từ 1527 đến 1592.

Giáo sư còn nói : Ông (ông Cao bá Quát) kể rõ tỉ mỉ dòng dõi khoa bảng, quyền quý cao sang : « *Cao tằng tổ khảo nhi lại, thập bát quận công, tam lễ phụ.*

Đinh, Lê, Trần, Lý chi hậu, bách dũ tấn sĩ nhị Đình Nguyên» (Từ đời ông Cao, cố, nội cha đến đời ông (Cao bá Quát) có đến 18 vị quận công và 3 vị Tể tướng. Sau Đinh, Lê, Trần, Lý có hơn 100 tấn sĩ, 2 vị Trạng nguyên). (1)

Tài liệu này cũng sai quá. Xin giáo sư kiểm đọc báo Tri Tân đã có bài khảo rất dài về các ông nghè triều Lê, để hiểu rằng trước đời Lê và sau cùng là đời Nguyễn có họ nào ở nước ta được trên 100 tiến sĩ, 18 quận công và hai Đình Nguyên.

Miền Bắc có làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định là một làng nhiều quan nhất. Tại đây họ Đặng Vũ nổi tiếng nhất nước là có nhiều người đỗ đạt và phát quý, vậy mà cũng không có đến ngoài 100 tiến sĩ. 2 Đình nguyên, ba Tể Tướng. Họ Lê đâu có tiếng bằng họ Đặng Vũ,

Miền Trung cũng có vài dòng họ thịnh về khoa cử (tại Nam Ngãi, Nghệ Tĩnh) chắc chắn cũng không có họ nào chiếm được cái vinh dự trên đây hay bằng họ Đặng Vũ. Còn miền Nam thuộc dân tộc ta quá mới cang không có nhiều người đỗ đạt nhất là một dòng họ. Tom lại họ Lê (con cháu vua Lê thái Tổ) có làm vua nước ta trên 309 năm nhưng không có trên 100 tiến sĩ, 2 Đình Nguyên, 3 Tể phụ, ngành họ Lê khác nào chăng nữa cũng vậy.

Trước đây 30 năm tôi vẫn ra vào nhà Văn Miếu tại Giám (sau phố Sinh từ, bên đường Sơn tây Hà nội) đã đếm chỉ có 82 cái bia tiến sĩ của nhiều họ khác nhau. Dĩ nhiên số người đậu tiến sĩ của các triều đại có thể nhiều hơn nhưng vì loạn ly, thời thế đổi thay, nhà Lê chỉ có dựng được 82 tấm bia tiến sĩ mà thôi. Tôi được đọc 1 tấm bia tiến sĩ đầu tiên được dựng ngay một lúc vào ngày 15 tháng 8 năm Hồng đức thứ 15 (1484) của những ông nghè đậu khoa Nhâm-tuất (1442) là khoa thi Hội thứ nhất của nhà Hậu Lê. Nếu họ Lê có nhiều Tiến sĩ như vậy, hẳn ai vào thăm Văn miếu riêng với 82 tấm bia này cũng phải nhận ra và nhân dân Bắc hà đều người tầm thường nhất cũng phải biết. Cho tới ngày nay cả nước đều chỉ thấy họ Đặng Vũ ở làng Hành thiện, tỉnh Nam định có nhiều người đỗ đạt hơn cả vào các triều triều mà thôi. Ngược lại họ Lê ở miền Bắc chưa hề có gì để làm trấn động dư luận về vấn đề này, tôi có thể nói chắc như vậy. Tôi ngờ rằng đôi câu đối kia thuộc một kiểu đất nào mà tới nay không một họ nào giành được. Ngay với họ Đặng Vũ mà gốc là Vũ-Hồn tỉnh Hải dương, Bắc Việt), theo thuyết phong thủy cũng được mả và được tiên báo trong 2 câu đối như sau :

« *Vị tử tôn lập vạn đại cơ, khanh tướng công hầu vô trị loạn.*

« *Giữ thiên địa đồng nhất nguyên khí, hoàng vương, tể, bá hữu long ô.*

Sự thật ngôi đất này có lập được vạn đại cơ và giữ thiên địa đồng nhất nguyên khí chăng ? Ngoa ngôn !

Họ Vũ-Hồn thịnh phát được nhiều lắm là mười lăm đời, một vài trăm năm, đến nay mười phần không còn 1 thì đôi câu đối kể trên chỉ nói cho đẹp mà không có hẳn sự thật hay đây chỉ là một cách nói cho sướng miệng mà thôi. Cũng như cụ Nguyễn bỉnh Khiêm trả lời phái viên của Nguyễn Hoàng đến xin hỏi ý kiến của cụ về việc cho họ Nguyễn muốn chạy vào Thuận hóa để mưu đại sự :

«*Hoành sơn nhất đới, vạn đại dung thân*».

thì hai chữ vạn đại ở 2 đôi câu đối trên chỉ có nghĩa là được lâu bền tương đối mà thôi, chớ vạn đại chẳng phải nhất định là vạn đời. Nhà Nguyễn từ Gia Long đến Bảo Đại được 13 ông vua kể từ 1802 đến 1945 nếu kể cả từ đời Nguyễn Kim (đến Bảo Đại (vua lẫn chúa) là thượng bán thế kỷ 16 đến bây giờ được trên 400 năm, có triệu chứng gì họ Nguyễn làm vua chúa hay bền bỉ vạn đại nhất là lúc này nên quân chủ đã đổ ?

Trong Nghệ Thuật số 28, 29, chúng tôi đã đăng tải một bài của ông Phạm văn Sơn về Cao Bá Quát. Sau đó một độc giả, ông Lương Trọng Minh, có viết thư về tòa soạn góp ý kiến. Và hôm nay, tác giả bài báo nói thêm về những điều mà ông Minh đã đề cập. Bài viết, như một phụ đính cần thiết cho bài đã đăng trong các số 28, 29.

ÔNG CAO BÁ QUÁT LÀ MỘT NHÀ CÁCH MẠNG, LÀ MỘT LOẠN THẦN ?

Về vấn đề này riêng tôi, tôi rất hoài nghi, nghĩa là không thể biểu đồng tình với sử thần đời Nguyễn, mặc dầu những con người sinh bất phùng thời, những con người tài học trội hơn thiên hạ, những con người bất mãn đối với thời cuộc như Cao vì không được trọng dụng, trọng đãi rất có thể phất cờ nổi loạn nếu có cơ hội.

Nhưng đây không phải là những động cơ có giá trị tuyệt đối nó thúc đẩy ông Cao đứng ra chống nhau với nhà Nguyễn.

Ngược lại qua thi văn ta thấy Cao không phải lúc nào cũng là con người mang nặng sự hằn học, sự oán thù mà ông còn nhiều khi rất tích cực nhìn đời, có tính phiếm dật và cũng rất ham vui Vụ loạn châu chấu lại xảy ra vào buổi ông đã già và chán chường nhân sự.

Quả vậy, bản chất con người của Cao rất phức tạp, không thể nhìn một vài khía cạnh mà phê bình, mà khẳng định một cách quá đơn giản.

Người ta còn nêu ra 2 câu hỏi của Cao để quyết định rằng Cao có làm cố vấn tối cao cho Lê duy Cự :

«Bình dương, Bồ bản vô Nghiêu, Thuấn,
«Mục dã, Minh điều hữu Võ, Thang.

– Có đúng của Cao chăng ? Cao làm lúc nào ?

– Ai kể ra hai câu thơ này ?

Người ta đưa ra những giấy tờ của bộ Hình đời Tự Đức nói rằng Cao là mưu chủ của giặc châu chấu ?

Thưa các bạn, án ngục đời phong kiến có đủ cho ta tin chăng ? Trường hợp của Cao lại là trường hợp hết sức đặc biệt bởi ông bị vua quan ghét bỏ do tính kiêu ngông. Mà con người đã bị cả đức *« chí tôn »* ghét thì dễ chết lắm rồi, chỉ một sa sẩy nhỏ như cát bụi cũng đủ mất đầu, còn muốn chứng minh Cao có tội thì khó gì ! Một bài thơ vào loại kiêu ngông của Cử nhân Nguyễn Thuyên con trai của Tiền-quân Nguyễn văn Thành vị khai quốc công thần đời Gia Long còn đem lại cái chết bất đắc kỳ tử cho hai cha con ông dễ như trở bàn tay, đọc kinh sử Nguyễn Triều mấy ai quên ?

Tôi đã rất băn khoăn với những nghi vấn kể trên là bởi được các vị tiền bối kể cho nghe rằng thuở xưa người ta thường mất đầu hay bị tù đầy với những phong văn nghĩa là những bức thư nặc danh như ngày nay. Rồi hàng mâm vàng vi thiềng cho các ông lớn là xong hết, thần công lý đời phong kiến bao giờ

■ *xem tiếp trang 32*

CÁCH MẠNG HỘI HỌA sau thế chiến

● bài của NGUYỄN TRUNG

III.— NHỮNG KHUYNH HƯỚNG HIỆN NAY

SAU đây là sự xác định về hai khuynh hướng lớn về hội họa hiện nay : một bên là khẳng định cái quyền lực tuyệt đối của nghệ sĩ trong việc tổ chức hoặc tái tổ chức sự vật theo cách của hắn, tránh không biến hóa hoàn toàn hình ảnh của sự vật; một bên thì trái lại, ý muốn của nghệ sĩ là tự đặt mình vào cái bí mật của sự vật mà không còn muốn chọc thủng cái màn bí mật nữa, nhưng làm cho hiện ra trong bóng tối cái bí mật đó.

□

Nhưng có một số tranh vẽ hiện đại đã đứng trong một thế vừa phải, làm cái khớp giữa hai khuynh hướng trên. Tầm quan trọng của nó rộng lớn không phải chỉ do giá trị của một số tác phẩm, mà cũng chính là do giới hạn mà nó hằng góp phần vào việc tạo ra một tình trạng tâm lý thuận lợi cho phong trào cách mạng hội họa. Chúng ta có thể phân biệt ở đây 3 hình thức rất khác biệt nhau. Trước hết hãy kể những tìm tòi *«mê hoặc bằng màu sắc»*. Hình thức này gồm những tranh to của Rothko (1903) với những vân biến đổi được lập lại như những điệp khúc và những tác phẩm của Poliakoff (1906) thoát từ những thánh tượng của giáo đường Nga, nhưng trong cách xây dựng tác phẩm vẫn nổi bật đặc tính của trường phái Paris.

Hình thức thứ hai thấy ở những tác phẩm diễn tả những *cơ cấu của sự căng thẳng và xung đột*. Nó ở quãng giữa của tình cảm và ý niệm căn bản có vương nỗi lo âu. Tác phẩm của Franz Kline (1910) người Mỹ, cho thấy rõ ràng nhất về hình thức này. Những ký hiệu màu đen như những lời đe dọa vẽ lên những phông trắng, có một cường độ thường thấy thiếu ở những nét sậm và ít thay đổi của Soulages (1919) của Pháp. Hans Hartung (1904) là người tiền phong trong những họa sĩ theo lối này. Vào những năm đầu từ 1930, ông đã đơn phương vẽ những đường nét xây dựng phóng khoáng, và những yếu tố được liên kết với nhau bằng những cách vẽ và cách chơi màu đặc biệt. Vì thế, thí nghiệm của ông, vẫn được khai thác thêm sau 1945, chắc chắn là không phải do ảnh hưởng của những họa sĩ như Mathieu. Tiếc là trong những năm sau cùng, chúng ta thấy rằng Hartung đã tự giam mình vào những hình thể đã được đúc khuôn, quá làm dáng dù cái hình thức bề ngoài có vẻ hồn nhiên, và cuối cùng chỉ còn có tính cách trang trí.

Hình thức thứ ba là những *công việc làm sửng sốt*, không theo lối xây dựng tác phẩm như xưa nay. Lối «vẽ» này được ghi nhận theo dòng hội họa Dada. Các họa sĩ vẽ lối này mong muốn và tìm cách đạt được một kỹ thuật tạo bằng những phương tiện khác biệt. Yves Klin (1928), họa sĩ chuyên vẽ một màu : Hans ráp những bích chương rách

■ *xem tiếp trang 30*

CHẮC thế nào cũng vui lắm. Mấy lần trước thiệt vui. Lần nào cũng vậy, họ dừng lại ở đâu là cũng có người đem nếp cá mắm trái cây tới cho. Tôi lấy cọng lạc dừa xỏ mấy củ khoai lang lại với nhau, loại khoai lang tím này rất ngọt chắc họ khoái lắm, những củ này là những củ bự nhứt. Mấy bữa nay cứ chèo ghe liên miên mệt quá, đã ba bốn tháng nay như vậy, mà không biết có phải đã ba bốn tháng không nữa, nhưng dù sao cũng lâu rồi, thét cũng quen. Người ta làm gì chạy từng bầy, họ chạy lăng xăng, họ chen nhau qua cầu tế xuống sông, có cả con nít, chắc có cái gì làm cho họ hoảng sợ dữ lắm nên mới chạy như vậy. Trời mưa đường trơn nhớt, mấy ngón cẳng tôi phải bám chặt xuống đất và phải đi chậm chậm, nước mưa trên cây rơi từng lượt trúng đầu và vai tôi. Lần rồi có đứa nhỏ mang râu giả bộ làm ông già lùn tức cười hết sức, rồi nó leo lên ghế ngồi, có mấy người lớn quỳ ở dưới, tụi nó hát tuồng gì đó không biết, tôi thấy người coi cười dữ, tôi thấy họ vỗ tay và tôi cũng vỗ tay theo. Tôi rất ngán loại cầu dừa không có cây vịn, sơ sẩy một chút là tế xuống sình liền, mấy củ khoai này bị trôi mất thì uổng lắm. Tôi đoán chừng là họ cũng có hát vì có một đứa đứng giữa miệng nhóp nhép và tay nó đưa lên đưa xuống. Tôi không khoái thứ đó, tôi khoái nhứt các màn múa, họ nhảy nhảy tay họ lộn lộn coi vui ghê.

Chỗ này cây cối thiệt nhiều, đường đi quanh quanh, tôi bị trợt mấy lần rất hên là không té, tôi thấy thấp thoáng hình như cột cờ ở đằng xa. Lần này tôi muốn là có múa vì có múa mới vui. Bụi rậm bên đường bỗng động đậy, tôi thấy hai đứa đứng lên, tôi giật mình khựng lại, miệng tụi nó hả lớn, một đứa cầm cây có đầu nhọn, đứa này đi vòng ra sau lưng tôi. Tôi đem khoai tới cho họ mà, tôi đâu có sợ, tôi cười cười chỉ chỉ mấy củ khoai rồi đưa cho đứa trước mặt, nó nhẩy lùi về phía sau, miệng hả lớn, liền lúc đó lưng tôi bị nện một cú tê rần làm tôi nhào tới trước, hai tay tôi chụp xuống vũng nước, đầu gối đập xuống đất trơn, xâu khoai văng ra xa. Tôi lóp ngóp bò dậy, đứa trước mặt tôi miệng vẫn hả lớn nhóp nhép, tôi tiếc mấy củ khoai quá, tôi lấy tay chỉ, tôi mở miệng, tôi muốn nói tôi muốn đem mấy củ khoai nầy cho họ và tôi muốn được coi múa, nhưng tôi không nghe được tôi nói gì, có lẽ tôi cũng chỉ làm ra được những tiếng. *ậm à chui bầy à ụp dễu dễu ni a*, như ông câm trong xóm tôi hồi tôi còn nhỏ. Tôi cảm thấy mũi nhọn xỉa vô lưng tôi, tôi bắt đầu hơi sợ, tôi lại mở miệng, khổ quá, làm sao đây. Mũi ngọn nhẩn nhẩn vào lưng tôi, đứa trước mặt hất súng ra hiệu cho tôi đi tới, tôi bước vài bước, tới chỗ xâu khoai tôi đứng lại tính cúi xuống nhặt, mũi nhọn liền thúc tôi một cái mạnh làm tôi ễn người ra trước, đứa cầm súng bước lại đá xâu khoai vào bụi rậm, tôi ngó theo tiếc hùi hụi. Mũi nhọn lại đẩy tôi, tôi bước đi. Dọc đường tôi càng lúc càng lo thêm, nhưng tôi nghĩ bụng chắc thế nào họ cũng biết tôi mang tật tôi đem cho họ khoai tội muốn được coi múa họ sẽ biết tôi có cảm tình với họ và họ sẽ không làm gì tôi.

Tụi tôi bắt đầu vô sân có cột cờ, phía trước là dãy nhà lá, hai bên cũng có nhà lá. Trong nhà bên mặt tôi thấy có mấy người nằm trên bộ vạc buộc vải ở đầu ở tay ở chân, có chỗ dính đỏ chắc là máu, tôi áy náy và coi họ tội nghiệp hết sức. Đứa cầm súng nói nói gì đó rồi đi trở lại. Có hai đứa ở nhà giữa chạy tới, tụi nó đều cầm cây nhọn và đeo dao găm. Tụi nó dòm tôi lom lom, tụi nó bàn tán gì với đứa dắt tôi đó rồi một đứa gật gật chạy đi, một hồi nó trở lại, tay cầm sợi dây luộc. Một đứa chĩa mũi nhọn vô bụng tôi, một đứa kéo dật hai tay tôi ra sau, một đứa trói ké tôi lại, tôi lo quá, họ định làm gì đây, tôi muốn nói cho họ biết, khổ quá, tôi không dám nhúc nhích, mũi nhọn đang xỉa vô bụng tôi.

Họ dẫn tôi vô căn nhà bên trái và họ để cho tôi đứng giữa nhà, sau lưng tôi có hai đứa canh chừng. Gần vách là một cái bàn cũ, trên mặt bàn có giấy mực viết và một khúc cây sù sì. Tôi bồn chồn. Cửa bên chợt mở, một đứa khác bước vô rồi đóng cửa lại. Đứa mới vô liếc dòm tôi một cái, nói nói gì với hai đứa kia rồi nó tới bàn ngồi, nó viết viết gì đó, rồi nó đứng dậy ngồi lên cạnh bàn, một cẳng chấm đất. Nó ngó tôi miệng nhóp nhép nhóp nhép. Tôi mở miệng — *uìà chui bầy à ụp* ? — tôi muốn nói là tôi... Nó liền dọng một thoi thiệt lẹ vô bụng tôi muốn mất thở, tôi xụm xuống, hai đứa đứng sau kéo tôi lên, tôi lãnh liền năm sáu cái bạt tai đổ đom đóm, một hồi lâu mới tỉnh tỉnh lại. Nó ngồi khoanh tay, miệng nó lại nhóp nhép, tôi cũng mở miệng — *dễu dễu ni à ậm ừ* ? — tôi muốn nói cho họ biết họ lộn tôi với ai rồi, tôi chỉ muốn đem khoai tới cho họ thôi chớ tôi không muốn làm hại gì họ hết — *chui bầy à ụp ậm ừ ni a* ? — tôi lãnh thêm ba bốn thoi vào bụng nữa, miệng tôi chảy nước chua lòm. Sao, họ nói tôi giả bộ sao? tôi thiệt tình mà... phải rồi tôi phải ra dấu, tôi sẽ chỉ vào tai vào miệng tôi rồi khoát khoát tay may ra họ hiểu, nhưng hai tay tôi đã bị trói ké sau lưng không biết làm sao bây giờ.

truyện ngắn

kiệt trần

CỦ KHOAI

Thằng đánh tôi nói nói gì với hai đứa kia vừa ra dấu, một thằng mở cửa đi ra, tôi lo quá, tụi nó định làm gì tôi đây, tôi định mở miệng lại sợ tụi nó nói tôi giả bộ tụi nó càng đánh thêm nữa, thằng đánh tôi vẫn ngó tôi lườm lườm. Thằng nọ trở lại cầm một mớ dây luộc. Tụi nó luồn một sợi thật lớn xung quanh nách vòng ra sau cổ tôi, tụi nó bắc ghế để giữa nhà rồi bắt tôi leo lên, tụi nó buộc hai chân tôi lại, tụi nó luồn sợi dây lớn qua sàn nhà rồi buộc vô một gốc cột, tụi nó rút ghế, hai vai tôi bị giựt mạnh muốn trẹo gân, tôi bị treo tòn ten giữa nhà. Thằng đánh tôi lúc nãy cầm khúc cây sù sì trên bàn gõ gõ lên ngực tôi, nó nhóp nhép nhóp nhép, nhưng tôi biết làm sao bây giờ, không lẽ tôi cứ tiếp tục *chui bậy à ụp dễu dễu ậm à*. Nó khoát tay, lưng tôi liền bị nện mấy cái đau ghê gớm, tôi ẻn người, hai chân tôi cong lên, sợi dây luộc càng cứa riết vào nách tôi rát rạt. Nó lại nhóp nhép khoát tay, chỗ xương sống tôi bị nện liên tu bất tận, tụi nó đánh tôi bằng cây gì không biết đau chịu không nổi, chắc là roi da bò, chân tôi bật bật, vai tôi như muốn sứt ra, có lẽ tôi kêu la dữ lắm, như tiếng *ui à*. Thằng nọ đập cây sù sì lên ba sườn non tôi đau muốn đứt ruột, tôi quặn người miệng hả lớn — *ui à*?, nó lại qua bên trái đập lên ba sườn non tôi — *ui à*? *ui à*? tôi chỉ còn lo đau thôi chớ không còn hơi sức đâu để ý nó có nhóp nhép không nữa, mà có để ý cũng vô ích. Xương sống tôi cứ tiếp tục bị nện mạnh thêm *ui à ui à*? mình mẩy tôi tê dần, chân tôi xụi xuống, tôi thấy màu vàng màn đen rồi tôi không biết gì nữa.

Tôi vừa hí hí mắt thì bị một chậu nước tạt vào mặt, tôi nằm im và dần dần tỉnh lại. Tay chân tôi đã được cởi trói. Họ đã hiểu rồi phải không? Họ sẽ thả tôi? Tôi có làm gì họ đâu. Tôi được xốc nách dậy và đặt ngồi trước bàn, ngang mặt với thằng cầm khúc cây sù sì. Nó nhịp nhịp cây trên bàn, miệng nó nhóp nhép. Bây giờ tôi đã có thể ra dấu được. Tôi chỉ vào miệng tôi rồi khoát khoát tay, tôi cũng mở miệng kèm theo — *dễu dễu ậm à*? nó ngó tôi lom lom, tôi muốn cho họ biết tôi đem khoai lang tới cho họ, mấy ngón tay tôi cong cong lại, mấy củ khoai bự như vầy nè — *chui bậy à ụp*? khổ quá, tôi đã làm rớt dọc đường rồi. Nó nhịp nhịp cây trên tờ giấy trắng để trước mặt tôi với cây viết. Tôi ngó nó. Nó muốn tôi viết? nhưng tôi có biết chữ nghĩa mẹ gì đâu. Hồi nhỏ tôi chăn trâu chăn bò, tới lúc tôi có dịp để đi học thì bị bệnh gần nửa năm liền, khi hết bịnh tôi không còn nghe không còn nói được nữa, cho tới bây giờ, tôi bao nhiêu tuổi rồi tôi cũng không biết. Nãy giờ họ có hiểu gì không? Tôi muốn cho họ biết rằng tôi đem khoai cho họ và tôi muốn được coi múa, tôi đưa hai tay bên trái, rồi đưa qua bên mặt — *ậm ờ dễu dễu*? Nó lại gõ gõ cây lên tờ giấy trắng, mắt nó dữ tợn. Tôi đành cầm cây viết lên, để nhớ coi, à à, tôi chuyển cây viết qua tay mặt tôi chấm mực, tôi rải rải, tôi để ngòi viết lên tờ giấy rồi tôi vẽ những vòng tròn tròn, tôi ngửng lên ngó nó, nó ngó tôi miệng nó nhóp nhép. Chắc nó đã hiểu tôi muốn nhắc tới mấy củ khoai. Tôi lại chấm mực và lại tiếp tục vẽ những vòng tròn, khúc cây sù sì liền đập xuống bàn tay tôi một cái đau tê điếng — *Ui à*? — tôi buông viết, đầu tôi liền bị đập một cái thứ nhì tá hỏa — *Ui à*? — tôi đưa tay lên ôm đầu, máu chảy xuống mặt, bàn tay che đầu bị đập một cái nữa — Ui à? tôi bủn rủn bật ngửa ra sau té xuống đất.

Tôi bò trói kéo trở lại, tụi nó lại luồn sợi dây luộc quanh nách tôi. Tụi nó sắp treo tôi lên và đánh nữa? Máu vẫn rỉ rỉ xuống mắt tôi. Tụi nó mở cửa phía sau nhà và đạt tôi đi. Đi đâu ra sau vậy? Không bao lâu tụi nó dừng lại bên một ao nước nhỏ, có sàn cây bắc ra ngoài. Tụi nó dẫn tôi lên sàn cây. Thằng đánh tôi nhóp nhép miệng. Tôi không biết phải làm gì. Nó ra hiệu, hai thằng kia đẩy tôi tới trước, hai chân tôi chống trên sàn gượng lại — *ui à ui à*? — tụi nó đẩy mạnh và tôi nhào xuống ao. Hai tay tôi bật bật sau lưng, chân tôi vừa chạm đáy tôi liền đạp mạnh vọt lên, tôi vừa trồi khỏi mặt nước thì một bàn tay nhận đầu tôi xuống, tôi dẫy dụa, tôi ngộp thở, tôi hả miệng uống luôn ba bốn ngụm nước bùn, ngực tôi càng lúc càng nặng, sợi dây ở nách kéo tôi lên. Xung quanh tôi mờ mờ, tôi hả miệng lớn để thở, tôi ới nước bùn tanh nhớt và chua. Tụi nó kéo tôi sát vào sàn, một thằng lấy khăn chùi mặt tôi, một thằng cúi xuống nhóp nhép nhóp nhép. Tôi nở miệng — *ậm ờ dễu dễu à ụp*? — Một bàn tay lại nhận đầu tôi xuống nước, tôi dẫy dụa, tôi nốc nước, tôi sặc nước, nước muốn bể óc, tôi gần chết ngộp, tôi dẫy dụa yếu ớt, tôi uống thêm nước bùn, tôi sắp chết, tôi chết đây...sợi dây luộc lôi lần tôi lên, một thằng chùi mặt tôi, tôi không ngó tụi nó nữa, tôi cúi gằm xuống, tôi lắc đầu, máu tôi chảy rỉ rỉ lên trán. Một bàn tay lại nhận đầu tôi xuống...

Bây giờ thì tôi lại được cởi trói ngồi ở bàn trên có miếng giấy trắng và cây viết chì. Nó cầm khúc cây sù sì gõ gõ trên tờ giấy, nó muốn tôi viết gì lên bả? tôi không biết, tôi không biết gì hết, tôi chỉ muốn cho khoai, mấy củ khoai tôi lỡ làm rớt dọc đường, nếu tôi lại vẽ vòng tròn thì chết với nó, muốn tôi nói gì đây, tôi không nghe lược gì hết. Khúc cây lại nhịp nhịp xuống tờ giấy làm dọa. Tôi cầm cây viết

xem tiếp trang 30

mùa xuân mặc áo vàng

■ tiếp theo trang 13

Ông hỏi.

— Nhiều tin lắm. Tin nọ xuôi, tin kia ngược biết đâu mà rờ. Cháu không tin chị hai dám trở về làng.

Ông Ba cười, móc túi lấy gói lucky châm một điếu.

—Cháu không tin nhưng những người khác tin. Lên đây tị nạn rồi lại trở về chết ở làng là điều thường mà. Việc làm không có, ngồi mà chờ đủ người trốn lên để có danh sách trợ cấp biết bao giờ mới đủ ?

Chiếc xe lại nhấp nhổm vượt lên mặt đường, tiếp tục chạy. Bình nghĩ dù sao cũng may cho anh hai. Anh vẫn có tiền để đánh bạc. Xe dừng lại dưới bóng một bụi tre của một chòm nhà ở bên đường.

— Đến rồi sao bác ?

— Đến rồi

Từ trong một ngõ hẹp, có bóng người thấp thoáng nhìn ra. Ông Ba tắt máy, xuống xe giơ cao tay vẫy và cười với họ.

— Vô đi cháu.

Ông Ba vừa nói vừa ra dấu cho Bình đi theo. Ông luôn luôn cười và nói giỡn với những gã đàn ông đứng ngồi rải rác trong ngõ. Đi một hồi lâu hai người băng qua một khu vườn rộng, vào một ngôi nhà ngói cổ kính. Trên mảnh sân xi măng rộng, bên những thúng thóc chất cao, những chiếc xe gắn máy, xe đạp có người coi, xếp thành một hàng dài. Ông Ba lại hỏi một người hút thuốc thơm ngồi duỗi cẳng trên mấy bậc thềm rồi ra dấu cho Bình bước vào nhà. Người ta ngồi quanh bên mấy chiếc chiếu sắp dài trên nền gạch. Không khí nồng nực oi bức. Những người địa chủ già, quần áo lụa mềm mại xen lẫn những gã đàn ông đầu tóc rũ rượi, những mụ đàn bà chân nứt nẻ ngồi xổm. Bình lủng túng một lát rồi xáp vào đám người đứng bao quanh, tìm kiếm. Anh hai vận quần gai ống chật, áo nịt có cổ tay màu mê một xấp tiền ngồi xát bên một gã hồ ly chăm chăm nhìn nhà cái. Người ta đang «bán chẵn». Không khí thiệt yên lặng. Bình muốn kêu anh hai mà không dám. Những lưng người ngả vào chiếu bạc, những lòng người những bàn chân đè lên từng xấp tiền từng sợi giây vàng, từng đống biên lai đồng hồ, xe gắn máy. Một lão già lòng trống trơn, móc trong hộp thuốc một chuỗi dây vàng quăng ra giữa chiếu và mở buuy bát. Một loạt « ô » trong cổ. Tiếng xôn xao nổi lên. Tiền chồng, chỉ nom được có ba đồng xu. Một gã đàn ông cầm dao chìa ra chiếu bạc :

— Không ai được mó vào dĩa, nhà cái phải lo vụ nầy.

Một gã hồ lỳ vứt cho nhà cái một cái móc tai bằng đồng. Đồng tiền được kéo lần ra. Những tiếng chửi tục nổi ồn ồn. Một mụ đàn bà đứng dậy kêu lớn :

— Đù má bọn bay, xấp ba : ngửa một hoài, sức nào mà về làng lấy lúa.

Ông Ba đã lẻn tới sau lưng anh hai. Anh đột ngột ngửng lên, ngó sang phía Bình, nhét tiền vào túi, anh vẹt đám người, bước ra.

— Về đây làm gì kìa ?

Anh hỏi lúc ba người ra ngoài hiên

— Nghe nói anh bị kẹt ở làng, em về tới đây thì nghe anh đã lên.

Anh hai lấy một gói salem, lấy một điếu châm hút rồi đưa cho ông Ba. Bình yên lặng nhìn anh.

— Về đây ở đâu ?

— Nơi vợ chồng anh Nghĩa.

Ông Ba nói :

— Ra ngoài xe nói chuyện. Bữa nay phải đi với tao, bọn nó lộn xộn quá mình tao chịu không nổi.

Anh hai nhổ nước miếng quây quả bước sang căn phòng đầu nhà. Một lát, anh trở ra, mình vận áo da, mắt mang kính lớn. Bình đi bên anh không biết phải nói những gì. «Vợ chồng anh Nghĩa tốt bụng, anh đừng hiểu lầm tội anh chị ấy» Bình nghe mình nhiều lần lập lại. Ba tới đầu ngõ nhìn chiếc xe bên đường, Bình mới chợt thấy làng thôn vắng vẻ. Anh hai bảo cho xe chạy trở về tỉnh để Bình xuống rồi đi bán đồ cũng không muộn. Hai anh em ngồi trên tấm bảng sau xe phải ép lưng thẳng vào thành để khỏi đụng những «kết» la-de. Anh hai mặt nom tối, ngồi như ngửa ngực mặt hất. Xe chạy, Bình lấy giọng bình thường bảo anh :

— Anh giận hoài chị hai, tội quá. Chị có chịu khổ như vậy cũng vì phải về lấy lúa lên sống.

— Không nói nữa, mệt quá. Nó nhỏ nhuốc, độc ác như con cú mèo.

Bình phủi lớp bụi bám trên vai áo da, kiên nhẫn :

— Anh chị dù sao cũng sống với nhau bảy tám năm rồi..

Nhà trang trí và đồ gỗ

BEAUBOIS

Sẵn lòng góp ý kiến về trưng bầy căn phòng quý bạn tới một đẹp mắt và một vừa ý lý tưởng

truyện ngắn

y uyên

— Nó đi Nha Trang rồi,

— Anh gặp chị hồi nào hay chỉ nghe nói ?

— Cả Xã Đại Tùng người ta biết nó. Nó bắt một đứa nhỏ mồ côi đi theo để ăn mày cho dễ.

Bình kêu lớn :

— Người ta bầy đặt anh chớ có tin.

Cặp môi dầy của anh hai khô nẻ bĩu ra. Anh im lặng rồi gằng lại giận dữ :

— Đầu nó bào nhẵn như đầu thầy chùa Nó băng qua bãi cát mà ra biển. Tới gốc cây Đại Thọ nó mang thằng nhỏ vào cái hang rễ cây, cầm xương rồng khô đốt cháy mà trui mặt mũi, chân tay thằng nhỏ. Muôn đời nó cũng không dám về cái xứ này nữa.

— Người ta bầy đặt anh chớ có tin.

Những « két » la de nghiêng ngửa theo nhịp xe nhấp nhầu. Anh hai lầm bầm đứng dậy, nghiến răng đẩy cả khối hàng nhích về phía bên kia.

— Anh gắng để ý kiếm chị một chút.

— Kiếm để ăn đạn, ăn min sao ? Không nói nữa, mệt quá.

Anh hai ngồi xuống cúi đầu xuống trước mặt Bình châm một điếu thuốc. Xe vào tới đầu dốc trong tỉnh, anh hai kêu ngừng lại để Bình xuống Bình trân trối nhìn anh, bậm môi rồi leo xuống.

— Lúc nào thì anh vô kiếm em ?

— Năm giờ chiều. Tao tới mà, ngán gì vợ chồng nó.

Chiếc xe quay xuống đường cũ. Bình nhìn theo. Tới một con đường trắng bụi xẻ đôi cánh đồng, chiếc xe lại rẽ xuống Anh hai vận áo da, mang kiếng đen lớn ngồi gác chân lên đống hàng hút thuốc, lắc lư.

□

Bình ngồi bên tấm bàn đá, nhìn ra phía bờ sông. Chị Nghĩa tưới nước cho những chậu cây bên mặt tường, Bình nghĩ tới căn nhà đợi ở sân bay và những người địa chủ già đánh bạc. Chiều qua chỉ có ông Ba tới, nói anh hai hẹn lại chiều nay sẽ vô. Cây Đại Thọ bên kia vẫn có những đứa trẻ chăn bò tụ họp. Những nhánh xương rồng khô vẫn bốc khói cuộn cuộn. Chiều vẫn lạnh. vùng cây như quá quen thuộc với bọn trẻ, không như với Bình ngày đầu tiên được trông thấy. Hồi đó Bình đã nghe lời cha, lùi lại sau hai chục bước để nhìn một cành cây khô trên ngọn, nom như một bàn tay xương xẩu mở rộng trỏ lên trời.

— Giờ này mà không tới, chưa chắc anh hai em đã vô.

Bình đứng dậy lại bức tường đá. Chị Nghĩa trở về phía cửa biển :

— Vẫn tế thần hàng năm. Còn nhớ đôi hài của Tiết Nhơn Quý lút xuống cát không?

— Nhớ.

Bên dòng nước nhỏ ngoằn ngoèo ở cửa sông, một cái giàn như lợp lá dừa tươi được dựng lên bãi cá cao chênh vênh. Những lá cờ đuôi nheo vàng đỏ bay phần phật trên đầu một đám đông lố nhố. Từ bên này nhìn xuống, dưới đó thiệt thấp, thiệt sặc sỡ. Ở bên ngôi nhà lá, người phế binh so vai thễnh thọt bước ra ngó xuống rồi lại trở vào.

— Em vẫn không tin chuyện đó đâu chị.

— Chị cũng vậy. Chờ anh hai vô hỏi kỹ lại ảnh mới rõ thực hư.

Có tiếng trống thì thùng đều đều bật từ cửa biển về. Hai người nhìn xuống. Trên trời, những chiếc trực thăng động cơ đập nặng nề, xuôi ngược, đeo tòn ten những thùng lớn bay về một mặt trận khởi chiến từ bốn ngày nay. Anh hai dường như muốn nói nhiều về chuyện của anh Trước mắt anh, Bình vẫn là một đứa em ở một thành phố xa đây. Bình không thể nào hiểu được. Dù Bình có mặc áo da, đeo gương lớn ngồi trong chiếc xe nhấp nhổm chạy trên những cánh đồng bụi bậm cũng vậy thôi. Đã có một điều gì đó kẹt giữa hai người Như lớp học khuya và ngọn đèn vàng nhấp nháy của Bình, như người đàn bà trọc đầu cầm khúc xương rồng khô dưới đám rễ cây của anh chẳng hạn.

Ở phía cửa biển lễ thần đã mãn. Người ta đã rạch một đường nước nhỏ ăn thông giữa dòng nước sông và dòng nước biển. Thần linh sẽ làm nốt công việc khơi thông. Gánh hát bỏ khởi sự diễn tuồng. Mặt cát vọng lại những tiếng ngân ầm ơi hụt hơi.

— Sáu giờ chưa chị? Bình hỏi.

Bên nhà láng giềng một tiếng rú hoảng hốt bỗng nổi lên. Có tiếng người chạy rầm rập ngoài đường. Những tiếng la ồn ào, hỗn loạn. « Bắt lấy nó, bắt lấy nó » « Bắt lấy con quỷ cái » « Nó dụ người ta vào nhà rồi dựt giây chuyền ». Ở sau nhà người đàn ông so vai hớt hải chạy ra. Anh ta lội qua bức tường, chui qua hàng kẽm gai chạy xuống con đường mòn. vấn quần tới đầu gối, anh ta lội qua sông phân vân nhìn về cây Đại Thọ rồi thễnh thọt chạy rẽ ra phía cửa biển. Ở phía đó. những người mũ cánh chuồn, áo bào rực rỡ, đao kiếm sáng loáng vẫn khoan thai lúc tiến, lúc lùi. Anh ta có đứa em gái nào ngồi ở dưới gốc cây Đại Thọ không ?

nam nữ nghệ sĩ chú ý

ĐÃ PHÁT HÀNH CUỐN

Tự Học Độc Tấu Tây Ban Cầm

của LÊ THU

Chắc chắn các bạn sẽ thành công và thích thú với những đặc điểm sau đây mà tác giả đã thâu lượm trong 20 năm dạy môn Tây Ban Cầm.

Phương pháp biên soạn cho những người mới học đờn, hay học ca sĩ mà không cần phải đến trường.

Khi các bạn mua về hãy so sánh những điểm sau đây chưa có cuốn sách nào có :

1) tự luyện trở thành ca sĩ.

2) cách phát âm của các điệu nhạc.

Mới phát hành trong mấy ngày sắp hết đợt đầu. Giá bán rất bình dân.

Mua sỉ huê hồng hậu tại Quán sách Thành Lợi

Đại-lộ Lê-Lợi

PHẠM MỸ KHÁNH
nhật ký cho chàng ở quân trường

Ngày... tháng... năm 1966.

NGÀY tháng trôi qua lặng lờ và buồn bã. Thật vậy, đó anh Một ngày đi qua chở theo một ít buồn phiền của con gái. Ai bảo con gái bây giờ không buồn là nói hổ đồ !

Lúc anh đi đến giờ, em ngơ ngơ ngẩn ngẩn như một kẻ mất hồn vậy đó. Em biếng nhác, cau có kỳ lạ. Em hay nổi quạu với thằng Tấn, cả con mèo Mên. Me vẫn mắng « Con Vân dạo này làm sao ấy! »

Đi học về, em nằm hoài trong phòng, đọc sách. Đôi khi giả vờ ốm để trốn tránh công việc. Nhác cả việc ăn, việc uống. Buổi sáng nghỉ học, 9 giờ xách dỏ lên chợ, 11 giờ về nhà Em không thèm mặc áo dài nữa; anh vẫn bảo ngó vận « chẳng ra gì » khi mặc đồ cụt đi chợ. Mặc ! em chẳng cần, huống gì bây giờ không có anh ở đây). 11g15 làm bếp. Nghĩ phát chán ! Khói lếp làm hư hại da mặt không ít.

Ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư v..v... 7 giờ sáng ngủ dậy, anh coi con gái mà ngủ trưa chưa ? 7g5 đánh răng, súc miệng 7g15 chải đầu. 7g30 đến trường. Hồi xưa con có anh ở nhà em mới chải tóc kỹ lưỡng. Ngắm nghiêng, ngắm thẳng, đằng trước sau lưng hàng giờ, Em phải sửa soạn cẩn thận không đi ngang qua nhà bị anh chọc ghẹo. Em không chịu nổi đâu ?... Anh bảo em là « cô bé lọ lem » hả ? Tốt ! Em đẹp có hạng ở trường em đó chứ bộ? Con trai chạy theo em nhiều vô kể,

Chỉ có anh không chạy theo mà em cũng thương, được vậy rồi anh làm bộ hoài ?..!

Anh thương,

Tại sao lúc nào em cũng lùa, cũng nghịch, mà anh biết không ? em là đứa chóng chảy nước mắt nhất. Em là người « buồn nhứt trần gian » đó anh. Nhiều đêm em vào phòng đóng kín cửa lại rồi nằm khóc hoài, khóc hoài đến sưng cả mắt (Có ai dỗ đâu, mà em cũng khóc ! ?) Tại sao em đâu có biết và em nghĩ « Dieu seul le sait »

Thôi, em buồn ngủ quá. Mắt cứ nhắm cứng lại đây nè ! Em bỏ học buổi tối để viết thư cho anh đó... Hôn hôn anh...

Chúa nhựt, ngày... tháng... năm...

Buồn hoài, buồn hoài vậy đó. Bonjour tristesse nhé !

Thứ sáu tuần qua, ngồi chờ bài triết mà « tịt » ngòi. Phải viết bậy cho đầy trang giấy, xong ngồi viết tên anh và những giòng Bonjour tristesse — Françoise Sagan. Vô duyên tệ ?

Hôm nay chủ nhật trời đẹp vô cùng... Mấy đứa bạn em như con Hồng, con Vy, con Yến đến rủ đi xi nê với mấy « thằng » của chúng. Em từ chối vì em nghĩ đến anh. Đợi lúc chúng đi rồi, em khóc xong lại cười khi thoáng nghĩ lúc anh bị phạt chạy quanh thao trường.

Bạn bè em sao chúng nhỏ nhen và vô tư quá. Nè anh, con Ly mà bây giờ bắt bồ với một Thiếu Tá Mỹ đó anh tề ghê chưa ? ! Thôi anh để em đi lấy Mỹ nghe. Lấy Mỹ có tiền nhiều em gởi vào nuôi anh nghe !

Hùa một tí nghe anh. Em chỉ muốn làm cô giáo để dạy con nít vui hơn. Em sẽ kể nhiều chuyện cổ tích cho chúng nghe. Nhưng sợ chúng không thích. Chúng chỉ thích xem phim « cow-boy » và đánh nhau. Hèn chi, xem phim đánh nhau giữa V.C. và quốc gia chúng thường reo hò ầm ỹ là gì ? !..

DUÂNG LINH
chỗ hẹn

TÔI vẫn thường ngồi ở đây, kể như thường xuyên trên cái ghế, cái bàn nằm góc một tiệm cafê của ông Tàu già mập ú trắng bệch chỉ vắn một chiếc khăn trắng bằng vải sô đã đen đúa, tôi thấy đã rất lâu mà vẫn chưa thay. Căn phòng phủ một lớp vôi màu trắng. Cái bàn có màu đen hơn màu của đất đen sau cơn nước rút trên đường ở làng. Cái ghế nhớp nhúa, tôi vẫn ngồi. Tôi nghĩ mặt bàn được sơn phết bằng màu cafê, bằng những thức ăn rơi rãi đã trở thành bóng nhẵn. Tôi nghĩ một cách dơ bẩn : chủ hiệu đã cạo chất đen đó pha vào ly cho tôi với giá 4 đồng. Tôi đang ngồi ở đây để làm gì. Ý nghĩ tôi thu gọn ở đây như muốn hẹn hò với tất cả mọi người quen thân, ở tại chỗ này, quán cafê bên cạnh cái chợ ồn ào Thị N. hè nay. Ngà có thể đến cười với tôi một cách thật tươi rồi bỏ đi. Tuyết có thể đến sừng sộ với tôi rồi bỏ đi. Hai có thể đến bên tôi cho một điếu Lucky, dạy tôi một điệu rồi bỏ đi. Phin có thể đến mời thuốc lá và cười với tôi rồi bỏ đi. By có thể đến hăm tôi một tiếng rồi bỏ đi. Rồi còn ai nữa, đang chờ những người xa lạ đến. Thế mà bà già thường xuyên vẫn đến trong bộ đồ nhớp nhúa, miệng nhèm nhẹp cổ trầu đỏ, tay cầm chiếc lon sữa bò còn dơ có lẽ vừa lượm được ở dưới rãnh, có đất và ruồi bâu. Nói lí nhí. Tôi biết bà xin tôi. Bà đã quen với tôi, tôi hình dung như là người nhà, tôi nhận quen thuộc như là người thân. Và nằn nì. Tôi nằn nì một người ăn mày : Ngoại cho con xin. Bà quay mặt bỏ đi, chiếc lon sữa bò có ruồi bám bay theo. Sự thật tôi chỉ còn 4 đồng lẻ đổi lấy ly cafê ở cái quán này. Cái bàn, cái ghế đen đúa đến ly cafê rất ngon với tôi có mau loang loáng mà có thể nhìn xuyên qua mau nước với vành ly thủy tinh. Thế mà vẫn ngon. Tôi thích ngồi hàng giờ hàng ngày và nếu không có thời gian tôi thích ngồi cố định ở đây cho đến suốt một đời. Tôi thích hít những hơi khói nặc nồng của mồi tàn thuốc ân ỉ trên nền gạch. Tôi thích vò tàn thuốc nóng bỏng trên tay và hôi hắc để ngửi, tôi thích cái gì cũng kỳ quặc cả, như Phin đã uống say sưa những giọt cafê cuối cùng trong cốc, có một lần nó cãi lộn với một thằng bạn vì đổ ly cafê nó quá sớm. Tôi thích như thế, như thế.

Bên kia đối diện một tên phải nói là ăn chơi nếu không buộc tội là cao bồi đội sụp mũ ni nhìn chòng chọc vào tôi. Thấy người tôi lại cất mũ xuống ngồi khoanh tay hút thuốc khi mồi thuốc đã đốt nóng ở ngón tay. Tôi thích ngồi đây hàng giờ, hàng ngày để gặp những người quen. Ngà Tuyết, Hai, Phin. By. nhìn bà già lem luốc, nghe nhạc vọng rồ. thô lỗ, cải lương : « Mày cứ ăn gạo khăn lông rồi nói. Ông chọc tôi coi chừng tôi chưởi đó ». Tôi cười. Cải lương thật. Tách cafê đã nguội rồi, nhạt nhẽo làm sao. Thế mà vẫn ngon. Lại một ông già nữa đến bên tôi, ông ta đi xin. Thế mà tôi vẫn cho ông một đồng. Một đồng bây giờ đối với tôi thì lớn thật. Tôi cho ông tại sao lúc nãy tôi không cho bà già kia ? Phải định hạng nữa ư ? Hay là ông ta đồng phái với tôi ? Ông cúi đầu và đi về phía bàn bên kia, tên cao bồi không cho ông tiền mà lấy thuốc lá ra hút. Nó điếc vì tiếng nói của ông già.

Chính chỗ này. Chính cái bàn cái ghế này tôi đã nghĩ về Tuyết. Nghĩ thật rùng rợn là xiết chặt vào cổ nàng cho sặc sụa rồi thấy nàng khóc, thấy nàng lè lưỡi và thấy nàng dãy chết. Tôi có ý nghĩ như thế trước kia vì tôi yêu nàng. Bây giờ thì hết.

Thằng bé đem đến cho tôi bình trà. Có lẽ nó đuổi tôi có bốn đồng ngồi cả hàng giờ rồi. Tôi bỏ ra khỏi quán lúc chuông đồng hồ chậm rãi buông 11 giờ. Nắng Saigon đã làm rộn người qua lại, tôi lên lỏi đẹp, cho chiếc xích sụp quá đầu. Nhìn vào bánh xe trước thấy nó chạy thật đẹp, tôi nghĩ dại là tông người tông xe thì sao. Tôi nghĩ là phải chạy thật nhanh để về nhà viết, tôi thích viết những ý tưởng này. Thế mà cứ mỗi một ngã tư có đèn đỏ. Ông cảnh sát vô tình quá có cho tôi đi nhanh được không ? Thế mà vẫn qua đường cuối cùng vì tôi đang nghĩ thật lung.

Con đường vào làng nước đã rút từ sáng, đất khô sẻn sột. Ngồi vào bàn viết mồ hôi ra nhễ nhại. Tôi không muốn gặp những người quen nữa. Ngày mai cho tôi gặp ở quán cafê có bàn có ghế đen đúa. Có tường vôi trắng. Có ông Tàu vắn chiếc khăn trắng ngà màu đen, bên chợ Thị Nghè. Nơi hẹn hò của tôi.

Con mèo Miêu ở đâu chạy lại nằm gác đầu lên đùi em. Nếu có anh ở đây, anh đã hôn em và sau đó vuốt ve con Mèo.

Ngày.. tháng.. năm...

Chiều nay đi học về gặp một thằng Mỹ thật « beau » trai tán. Em làm nghiêm đi thẳng một mạch về nhà. Tưởng đã yên, nào ngờ về nhà gặp ngay anh chàng đó giả vờ đứng mua hàng tại nhà. Anh chàng làm quen và xin phép lại nhà chơi...Không biết nghĩ sao ?..

Em cũng có dịp nói bập bẹ vài câu Anh ngữ với những người Mỹ. Nhiều người cũng thật «galant». Có nhiều chàng hỏi em «Cô nghĩ gì về người Mỹ ở Việt Nam ?». Em thấy câu hỏi đó thật khó trả lời cho em, khó trả lời cho mọi người Việt Nam mang mối đau sót khôn nguôi hai mươi mấy năm..

Anh, nếu em mà làm nhà văn, (nói thế chứ em dốt Quốc văn nhất !) em sẽ viết về những đề mục như : đàn ông thời chiến, đàn bà thời chiến và ông già và con nít thời chiến...

Em thấy nhà văn bây giờ có đủ những yếu tố để viết, chẳng hạn cuộcchiếnhômnay, em thấy thích viết thích làm những Simone de Beauvoir, Françoise Sagan,Simone Well ghê lắm; nhưng em biết em là đứa con gái tồi.

..Nè anh, con Tần Vi bé nhất nhà cũng biết nói «Hello, OK,Number One với Number ten đó anh tề.

Ngày... tháng... năm...

Buổi sáng, «trời trong như thủy tinh».Một ngày lý tưởng. Em đang nằm đọc cuốn truyện khó nuốt «La vingt cinquième heure» của Gheorghiu.

(Cuốn này, em thương nhất là hai nhân vật Moritz với Suzana). Đang mải mê đọc thì thằng Tấn chạy vào phòng hốt hoảng : « Chị Vân ơi, ông thiếu úy T. chết rồi ! » Tự nhiên tim em đập dồn dập. Em muốn khóc mà không một giọt nước mắt nào lăn ra khỏi khóe mắt... Anh biết tại sao không ? .. Đây không phải lần đầu em nghe tin người chết, phải nói em nghe hoài, nghe hoài, nhưng tin ông thiếu úy T. chết quá đột ngột làm em sững sờ.

Thiếu úy T. một người lạ, đối với gia đình mình. Một hôm ông đến xin địa chỉ của nhà mình để nhận thư của gia đình, bạn bè ông ấy bởi lẽ ông đi chuyển liên miên. Ông ấy trẻ lắm, hình như đang theo học tại Đại học Saigon, bị động viên. Ra trường Chuẩn úy, rồi Thiếu úy, được đổi ra miền Trung heo hút này. Mới hôm qua đây ông ấy còn lại nhà mình để nhận số tiền 1 000đ và thư từ của gia đình gởi ra, thế mà bữa nay đã chết. Mấy hôm sau, một người lính lại nhà cho biết cái chết của Thiếu Úy T : ông ấy bị mìn ở một quả đồi trọc lúc sắp sửa dừng quân. 1 người bạ sĩ già vỡ cằm. 1 người lính trẻ tan xác.

..,Buồi tối, vừa sợ vừa buồn vừa lo. Cứ nghĩ đến cái chết của ông Thiếu Úy nọ, em thấy xót xa. Em lại chảy nước mắt khi nghĩ đến anh.

Ngày... tháng... năm...

Đi dự đám cưới của 1 người bạn Trung hoa. Đám cưới thật buồn. Tiệc đang lỡ dở thì có tiếng đại bác nổ ì ầm. Pháo cưới đó, phải không ?...

Ngày.., tháng... năm.

Em kể cho anh nghe một « truyện bí mật » nhé ! Con Tâm kể cho em trong giờ ra chơi, là anh nó trông thấy những người lính ngoại quốc đứng tắm trần trường ở 1 giòng sông. Anh nó là một giáo viên, tức quá tới nói với họ làm như vậy là phạm thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, làm nhục nhã cho chính họ. Những người ngoại quốc trả lời «Mất nước mới nhục»...

Anh nghĩ sao ?... Trong khi những người ngoại quốc đứng tắm thì có biết bao nhiêu đàn bà, con gái, bà già Việt Nam đi qua. Tởm quá !

Ngày... tháng... năm...

Chúa nhật đi nhà thờ. Các con chiên của Chúa đang quỳ trước mặt Ngài, một quả Canon nổ lớn làm họ giật mình. Em nhìn lên bàn thờ Chúa. Cây nến rung rinh, ánh đèn cũng lung linh. Chiến tranh không sợ cả Chúa nữa đó anh tề...

Ngày .. tháng... năm...

Anh P. một thiếu úy kể một chuyện thương tâm như sau : «Cả nhà nọ phải ngồi quây quần chung quanh (giống như những bữa cơm gia đình) để người cha rút chốt lựu đạn tung vào để cùng tan xác. Hai bên đánh nhau: V.C. chiếm quận, quốc gia bắn canon. Cùng đường phải tìm đến cái chết. Mẹ khóc, Ba tư lự. Dì nuôi giúp việc cũng khóc vì dì có đứa con trai đi lính không quân.

Anh đi nhiều thấy mấy cảnh đó chắc cũng thường anh nhỉ. Còn em,em chỉ biết khóc. Chiến tranh tàn nhẫn, khốn nạn như vậy sao anh ?...

Biết bao bà mẹ, người vợ, con cái đau đớn vì những cái chết bởi chính chiến... Cuộc chiến thật bi thảm và xót xa ! Ôi thân phận Việt Nam nhọc nhằn, nhược tiểu!

Ngày.., tháng... năm...

Mấy câu thơ đọc trong một tạp chí :

À douze mille kilomètres
de distance.
À douze mille kilomètre,
d'où tu danses
À douze mille kilomètres
d'ignoranecs
À douze mille kilomètres
de navrance.
D'indifference,d'insouciance et de silence:
À la minute même où personne n'y pense:
Un Française meurt pour la France.
Et la fête continue (Tauriac)-

Anh đừng lo, em không như cô tình nhân ấy đâu ? chỉ biết có khiêu vũ. Em sẽ nhớ hoài đến anh. Lạy trời cho chiến chinh chấm dứt, anh sẽ trở về. Và cưới em, em đã già rồi !

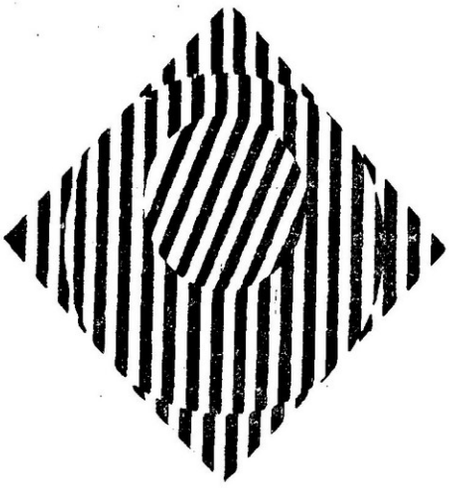

những người viết mới

CỦ KHOAI

★ *tiếp theo trang 25*

chì lên, nhưng biết viết gì đây ? Tôi ngó nó, nó ngó tôi, hai bên bàm nó nổi gân. Tôi để đầu viết chì lên mặt giấy... không thể được, không thể được. Tôi bỏ viết chì xuống bàn, hai tay tôi chắp lại trước mặt, tôi lạy các ông, tôi không biết gì hết — *chui bây à ụp ?* tôi chỉ muốn cho khoai, tôi chỉ muốn coi múa, tôi lạy các ông — *ậm à dễu dễu ?* hai tay tôi xá lên xá xuống, tôi không muốn hại gì các ông hết, tôi lạy các ông các ông hãy tha cho tôi — *ậm à chui bây à ụp?* Nó đập khúc cây sù sì xuống đầu tôi lẹ như chớp — *ui à?* tôi choáng váng, tôi đưa hai tay lên ôm đầu, máu chảy xuống mặt tôi nóng hổi. khúc cây sù sì đập loạn đả trên hai bàn tay tôi — *ui à ui à?* tôi đau đớn té ngửa ra sau

Tụi nó lại lôi tôi dậy trói ké hai tay tôi ra sau lưng. tụi nó lại luồn sợi dây lược lớn quanh nách tôi, rồi tôi lại bị treo tòn ten giữa nhà. Tôi không còn đủ sức để biết tụi nó làm gì nữa, tôi không hiểu không biết gì hết. máu chảy hoài xuống mặt tôi. Lưng tôi lại bị nện, vai tôi bị giật ngược, chân tôi xụi lơ tôi thấy màu đen màu vàng màu đen màu vàng rồi tối sầm lại...

Tôi chập chờn mở mắt, mình mẩy ê ẩm nhức nhối, khát nước rát cuống họng, không còn một chút nước miếng để nuốt đỡ. Hai tay tôi vẫn bị trói ké, lưng được dựa phía sau, hai chân bị cột chặt tê rần. Xung quanh tối om, mấy con muỗi bay đụng vào mặt tôi. Tụi nó đâu hết rồi ? đây là đâu ? tụi nó định làm gì tôi nữa ? tôi sẽ ra sao ? Tôi thở nặng nề, mặt tôi ngứa ngáy, tôi mắc đái và đái trong quần, tôi thấy lờ mờ trong bóng tối, tôi mệt mỏi nhắm mắt lại, đây là đâu ? Lưng tôi bị vật gì nhọn nhói vào rất khó chịu. Tôi vừa dợm mình ra trước thì một sự đau đớn vô kể chạy rần khắp xương sống tôi, như có lửa đốt kim châm — *Ui à?* Tôi dựa lưng lại như cũ và thở dốc. Mấy con muỗi bu lên mặt tôi, mùi nước đái phảng phất. Vật nhọn sau lưng càng lúc càng làm tôi khó chịu thêm, tôi không thể dựa như vậy được nữa, tôi phải làm sao dời lưng chỗ khác. Tôi vừa dợm mình thì sự đau đớn lại nổi lên và lần này gấp trăm ngàn lần trước —*Ui à?* — Mọi cố sức đều vô ích và chỉ làm tôi chảy nước mắt : xương sống tôi như đã bị rút đi và thay vào đó bằng một khúc cây gai xát đầy ớt đóng chặt xuống mặt đất chỗ tôi ngồi.

Quý độc giả tìm đọc

Tuần San Đuốc Tuệ

Cơ quan phát huy tinh thần Phật giáo khai triển văn hóa dân tộc

Phát hành ngày Thứ bảy — *Đ.T. : 25.558*

CÁCH MẠNG HỘI HỌA sau thế chiến

■ *tiếp theo trang 13*

với nhau ; Fontana (1894) đã thủng bố thành những lỗ nhỏ lộn xộn hoặc những lỗ to v.v... Trong khi những họa sĩ này đặt căn bản cho lối vẽ trên sự phi lý của động tác và cái vô nghĩa về thẩm mỹ của nó thì một số khác thực hiện thành tác phẩm một hình thức vô lý tinh vi hơn, vừa dùng những chất liệu kỳ lạ vừa làm quá đi cái tính chất của hội họa *khác* (đã đề cập ở số trước), Họa sĩ Ý Burri (1915) làm tranh bằng bao bố với những mảnh vá, những chỗ rách và những đường may, có khi lại dùng những dụng cụ đi cháy mà người ta vẫn còn nhận ra những chỗ khét. Một vài tranh của Barri, màu nhạt, đôi khi cũng cho thấy cái không khí của tranh Wols. Ngoài ra chúng ta thường thấy nhất cái ý muốn cổ điển cực đoan và khe khắt về bố cục đã làm Burri có một cá tính rõ rệt về *nghệ thuật làm sống sót* này. Bên cạnh đó, phải kể Millarès (1924), với những mảnh bao bố nhuộm màu đen và trắng trông có vẻ bi thảm chứ không để làm ngạc nhiên. Đối lại với hai trường hợp trên là những bức tranh với chất liệu kỳ dị của một vài họa sĩ Đức : Schulze (1915) đã dùng một cách tài tình, những giẻ và sắt vụn để làm tranh, đôi khi có tính cách siêu thực.

□

Về môn phái siêu thực, chắc chắn là nó đã giữ vai trò quan trọng đối với hội họa nói, vì hội họa này một phần lớn đã bắt nguồn từ đó : Pollock, Wols, Hantai đều ít hay nhiều khởi điểu bằng siêu thực; cũng như Tapiès. Nhưng siêu thực từ nay đã thuộc về dĩ vãng thời kỳ của nó rất quan trọng, nhưng đã chấm dứt, giống hệt như lập thể. Những người chót thuộc phái siêu thực có lẽ là Wilfredo Lam và nhất là Matta (1912), đã tìm cách đi quá siêu thực bằng *sự trung gian điều giải của óc tưởng tượng khoa học*

□

Bên cạnh những khuynh hướng đã được ghi rõ trong lịch sử, phải kể thêm vài trường hợp ngoài lề, không dự vào tiến trình của cuộc biến đổi hình thể. Người ta có thể gọi những trường hợp ấy là *chủ quan cuồng nhiệt*, cũng khởi từ biên giới siêu thực, một phần nhỏ nguyên nhân của sự khám phá ra nghệ thuật tâm lý bệnh học. Chúng ta có thể kể ra đây hai trường hợp : một, Bettencourt (1917), sáng tạo ra thế giới của những vỉ mua khát máu, những nô lệ trần truồng và tiền sử, bằng những phương tiện lạ lùng như hạt cà phê hay hạt bắp, bằng đá hay vỏ trứng dán lên, trường hợp hai là lối vẽ mô hình dung của Hundert Wasser (1918) tạo ra những nê cung với những màu sắc kỳ diệu.

□

Xin nhắc lại là bài phân tích ở trên rất sơ lược. Thường những phân chia trên hơi lộn xộn và hạn chế. Một phần chúng ta không thể nắm hết sự biến đổi của một số họa sĩ, chắc chắn là chúng ta sẽ thấy trái ngược khi so sánh những khuynh hướng đầu tiên của Tobey, Hartung và của Pollock không bao giờ ngưng tìm tòi về cách xây dựng, ước lượng, và ảnh hưởng bởi trạng thái biểu tượng. Phần khác, sự tham dự vào một không khí chung và một lịch sử chung, đôi khi làm những tác phẩm mà chúng ta coi trái ngược lại rất gần nhau : những nhân vật đàn bà

■ *xem tiếp trang 34*

phận người

nguyên tác ANDRÉ MALRAUX ☐ Tân dịch TO THUY YÊN

— 7 —

KYO, đã trả tiền xong, bước theo gã trong hành lang trống :

— Ta cùng đi ra, ông muốn không ?

Clappique nhìn chàng, nhận ra chàng :

— Anh ở đây ? Hồng thể ngờ ! Nhưng.

Điệu nói be be đó chấm dứt bằng sự giơ ngón trỏ của gã lên :

— Cậu trác táng mất, cậu bé !

— Được rồi !

Họ đã bước ra đến ngoài. Mặc dù cơn mưa đã tạnh, nước cũng tràn đầy như không khí. Họ bước đi vài bước trên cát của khu vườn.

— Trong thương cảng, Kyo nói, hiện có một chiếc tàu chở vũ khí...

Clappique đã dừng lại. Kyo, đã bước quá một bước, phải quay đầu lại : khuôn mặt của bá tước chỉ trông thấy lờ mờ, nhưng con mèo to lớn sáng chói, bảng hiệu của tiệm *Black Cat* bao bọc khuôn mặt gã như một vòng hào quang :

— Chiếc *Shan Tung*, gã nói.

Bóng tối và vị thế của gã — đứng ngược lại chỗ sáng — cho phép gã chẳng biểu lộ gì; và gã cũng chẳng nói thêm điều gì nữa.

— Có một đề nghị, Kyo nói tiếp với giá 30 đô la một khẩu súng lục, về phía chính phủ. Hiện chưa được trả lời. Tôi, tôi có người chịu mua với giá 35 đô la, thêm 3 đồng huê hồng nữa cho ông. Giao hàng tức khắc, trong thương cảng. Ở nơi nào mà viên thuyền trưởng muốn, nhưng trong thương cảng. Hắn phải lập tức rời khỏi chỗ bỏ neo. Người ta sẽ lấy hàng đêm nay, với tiền. Đã đồng ý với người ủy nhiệm của hắn : hợp đồng đây.

Chàng trao cho gã tờ giấy, bật đốt quẹt máy, che ngọn lửa bằng bàn tay.

— Nó muốn hớt bơ người mua kia, Clappique nghĩ khi nhìn hợp đồng... *bộ phận rời*... và lãnh 5 đô la mỗi vũ khí. Rõ. Tôi cóc cần : có 3 đồng cho tôi.

— Được rồi, gã nói lớn giọng. Anh để cho tôi tờ hợp đồng, chịu chứ ?

— Vâng. Ông biết viên thuyền trưởng ?

— Cậu bạn thân của tôi, có những người mà tôi quen lớn hơn, nhưng dù sao tôi cũng quen với hắn.

— Hắn có thể ngờ vực (nhất là tại hạ lưu sông hiện hắn ở). Chính phủ có thể cho tịch thu những vũ khí thay vì trả tiền, phải không ?

— Không nào !

Lại hề nữa. Nhưng Kyo chờ đợi đoạn tiếp : viên thuyền trưởng có thể nào cho ngăn cản bọn chàng (chớ không phải bọn của chính phủ) chiếm đoạt những vũ khí chăng ? Clappique tiếp tục bằng một giọng ồn ào hơn:

— Những vật đó do một tên cung cấp chính thức gởi đến. Tôi biết nó.

Mỉa mai :

— Đó-là-một-tên-phản-trắc...

Giọng nói lạ lùng trong bóng tối, khi chẳng còn sự biểu lộ nào của khuôn mặt tiếp trợ nó. Nó tăng cao, tưởng chừng gã gọi một cốc-tai vậy :

«Một-tên-phản-trắc chính hiệu, rrrất đậm ! vì tất cả thứ này đi qua một ủy ban .. Xin đừng nói một tiếng nào ! Tôi sẽ lo liệu vụ này. Nhưng vụ này trước tiên sẽ làm tôi tốn một cuộc tắc xi quan trọng : chiếc tàu ở ngay đây...tôi chỉ còn...

Gã lục túi, rút ra một tờ bạc duy nhất, quay mặt lại để cho bảng hiệu chiếu sáng tờ bạc.

«...Mười đô la, cậu bạn thân của tôi. Không xong rồi. Có lẽ tôi sẽ mua nay mai những họa phẩm của bác Kama của bạn cho Ferral, nhưng trong khi chờ đợi...

— Năm chục, được không ?

— Nhiều hơn số tôi cần rồi !

Kyo đưa cho gã số bạc.

— Ông đến nhà tôi báo cho tôi hay khi mọi việc xong xuôi.

— Được.

— Trong một tiếng nữa ?

— Sau đó, tôi nghĩ vậy. Nhưng khi nào tôi có thể.

Và với cái giọng mà nàng người Nga đã nói : « Nếu như rượu sâm banh chẳng làm cho tôi bệnh... », gần như với cùng giọng nói đó, tưởng chừng tất cả mọi con người ở nơi đây đều tìm gặp lại chính mình nơi đáy của cùng một nỗi thất vọng :

« Tất cả vụ này chẳng có gì kỳ cục »

Gã bước đi, mũi thấp xuống, lưng gù, đầu trần, hai bàn tay trong túi bộ lễ phục, uống ý hình ảnh hí họa của chính gã.

Kyo gọi một chiếc tắc xi và bảo chở đến biên giới của những nhượng địa, ở con đường hẻm đầu tiên của thành phố Trung Hoa, nơi chàng đã hẹn cùng Katow.

☐

■ còn nữa

nói thêm về cao bá quát

■ tiếp theo trang 23

cũng nhắm mắt. Nguyễn Du tiên sinh đã chẳng từng thốt ra sự bất bình về chế độ mục nát xưa kia khi viết đến đoạn gia đình họ Vương bị nạn tiêu xương dưới đời Gia tĩnh, trong lúc :

Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng »

« Lạ gì cái thói sai nha
« Lời cho khốc hại chẳng qua vì tiền !

Một nhà thơ tiền bối về cận kim của chúng ta nếu tôi không nhầm là cụ Yên Đổ đã nói tiếp theo ý kiến của cụ Tiên Đàm :

«Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
«Đời trước làm quan cũng thế a ?

Tóm lại cái trò vu oan giá họa, ập nhân chi tội ở những nơi có quyền thế không khó gì hết, cởi cũng ở họ, buộc cũng ở họ, xưa cũng thế, nay cũng thế... Nhà văn Nguyễn triệu Luật khi còn sống năm 1946 đã gặp tôi ở Hà Nội trong giai đoạn đen tối nhất của ông cũng như của tôi là bị «Vẹm» cầm tù một hôm đã bàn với tôi về Cao bá Quat. Tôi thì hoài nghi, nhưng ông thì quả quyết rằng ông Cao không dự vào vụ loạn Châu chấu. Ông nói :

— Xưa các cụ nhà tôi cũng làm quan trong triều đã biết nhiều việc xảy ra về ông Quát. Tính ông Quát kiêu ngông, làm thi văn nếu có dịp châm biếm thì vua cũng chẳng tha. Người ta ghét ông thật cũng chẳng oan; nhưng có nhiều kẻ ghét thì cũng một số xét ông rất rộng về chỗ sở đoản và quý ông nhiều ở chỗ sở trường. Một vị trong những người ấy là cụ thượng thư Bộ Lại bấy giờ. Tôi quên mất tên. Cụ này vẫn tiếp đãi ông Quát vào hàng thượng khách mặc dầu vị thượng thư Bộ Lại với viên Hanh tầu cách nhau một vực một trời. Một hôm có Nguyễn bá Nghi không rõ là Tổng đốc thành Hà nội hay là Sơn-Hưng-Tuyên Tổng đốc (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang) Khi ấy có vụ gì lôi thôi bị triệu vào kinh, Ông Nguyễn xong việc có đến chào cụ Thượng và cảm ơn để trở ra Bắc Hà.

Lúc này cụ Thượng rảnh đang ngồi trên sập giữa nhà đàm đạo với Cao bá Quát trước một khay chè. Ông Nguyễn đã lò đầu vào thì không còn đường lùi tuy có trông thấy ông Quát. Vào đời bấy giờ một Tổng đốc đối với cụ Thượng Lại là một kẻ dưới, tôn ti trật tự phong kiến rất xa nên ông Nguyễn phải sụp lậy cụ Thượng, nhất là cần tỏ lòng tri ơn. Đáng lẽ ông Quát nên tránh né ra một bên thì hợp lý hơn, trái lại ông cứ ngồi nghiễm nhiên nguyên vị. Nếu xét về địa vị, ông Quát là một chức nhỏ quê ở Bắc hà lại càng phải lịch sự với vị Thủ hiến xứ mình. Oán thù nảy nở từ đó vì thế khi xảy ra vụ loạn của Lê duy Cự ở Sơn Tây, một số môn đệ và bà con xa gần của ông Quát có tham gia thì quan lại Bắc Hà dính luôn cả ông giáo thụ họ Cao vào đó. Và...ai minh oan được cho Cao bấy giờ ? Cao chỉ còn cười chua chát cho số phận mình mà thôi, huống hồ với luật pháp đời xưa một kẻ làm loạn cả họ bị tội thì cứ gì ông Quát làm loạn mới bị chết !...»

Câu chuyện này là của Nguyễn Triệu Luật càng làm cho tôi nghi về cái án Cáo bá Quát trên lịch sử nhất là trước đó nhiều năm cụ Cử làng Bông (thuộc tỉnh Hưng Yên) cũng đã nói cho tôi nghe về cụ Quát, bởi ngay từ lúc thiếu thời tôi đã ham đọc lịch sử và có nhiều thắc mắc. (Cụ là thân phụ ông Đốc học Phạm xuân Độ hiện đang hưu trí tại đường Trần bình Trọng Saigon. Cụ cử mất đã mấy chục năm rồi).

Theo Cụ đã từng được hầu trà nước, cụ được nghe cụ Cố cùng ông Quát đi lại, truyện trò với nhau rất nhiều. Cụ chỉ thấy hai cụ ngâm thơ, xướng họa với nhau. Trong lời nói thì hai cụ chẳng hề bao giờ nêu ra những tư tưởng gì chống đối triều đình cả. Rồi cụ kết luận rằng người ta đã lợi dụng một cơ hội thuận tiện để giết ông Quát cho bõ ghét...

Ngoài ra còn một áng thi văn gián tiếp minh chứng cho sự oan uổng của Cao Chu thần là bài « *Tự tình khúc* » của Cao bá Nhạ, con ông Cao bá Đạt, cháu gọi ông Quát bằng chú. Với bài văn rất điêu luyện, rất chải chuốt, đặc biệt là nó được sáng tác trong cái cũi của kẻ tử tội, ông Nhạ đã phân trần trong nước mắt cái cảnh ngộ thương tâm của mình, của cha chú và của cả tôn tộc. Đây là một bài thơ, bài văn vẫn trường thiên khiếu oan với công luận, với triều đình, với hậu thế rằng từ nhiều đời dòng họ Cao được thấm nhuần đạo lý thánh hiền không hề có loạn thần, tặc tử mà chỉ biết thờ vua kính chúa, mến dân. Tác giả thiết tha xin ân xá để dòng họ còn người nối dõi và ta thả những kẻ gắp lửa bỏ bàn tay, ngậm máu phun người.

Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng,
Đặt tên điều vẽ bóng ngoài môi.
Ngựa hươu thay đổi như chơi
Giấu gươm đầu lưỡi, thọc dài trong tay.
Gây nên sự chia cây rụng lá.
Để cho ai chim cá, giật bèo...

Phải chi gia đình họ Cao thực sự kết bè lập đảng chống triều đình thuở đó, chúng tôi nghĩ một con người có thiên tài văn chương, có học vấn, có liêm sỉ như tác giả Tự tình khúc còn lên tiếng bào chữa cho cha chú làm chi. Nhà nho xưa nay vốn thận trọng lời ăn tiếng nói huống hồ lại hạ bút tích trên giấy trắng mực đen để lại muôn đời. Với bài biên khảo để trả lời giáo sư, tôi lợi dụng cơ hội để lên tiếng chất chính bạn đọc bốn phương về vụ án Cao bá Quát một lần nữa, xin tha thứ.

Rất mong mỏi nhận được lời chỉ bảo để tìm ra những ẩn khúc của một vụ án lịch sử còn đang chìm đắm trong bóng tối, đó là điều bất lợi cho sự học nước nhà.

Riêng về điểm nếu thật họ Cao không chống Nguyễn triều tôi nghĩ cũng đáng tiếc vì khuynh đảo một chính quyền bất lực phi dân, có đâu không phải là nhiệm vụ của kẻ sĩ !

Giờ đây dưới thời dân chủ, đầu óc con người được khai thông đó là lúc cần xét lại những cái án gọi là loạn thần tặc tử.

Tề Tuyên vương hỏi Mạnh Tử về việc Thành Thang đuổi Kiệt, Vũ vương đánh TRỤ. Mạnh Tử thưa Kẻ làm hại điều NHÂN là tàn bạo ; Kẻ làm hại điều NGHĨA là giặc. Tôi chỉ thấy trong kinh thư chép : Vũ Vương giết kẻ thất phu, là TRỤ, tôi chưa học đến chỗ nào chép Vũ vương giết vua bao giờ...»

Sử học ngày nay có bổn phận thúc đẩy cuộc tiến hóa của xã hội, nâng cao địa vị của con người chớ không phải là mớ giấy để tâu xằng hót bậy.

PHẠM VĂN SƠN

---

(1) Đình nguyên không phải là Trạng nguyên mà là vị tiến sĩ đứng đầu vào thi Tam Khôi.

Phụ chú 1 : Theo câu đối về ngôi đất nhà Vũ Hồn đã dẫn trên đây ta được hiểu rằng : ngôi đất này dựng sự nghiệp muôn đời cho con cháu, thời bình cũng như thời loạn bao giờ cũng dự ngôi khanh tướng. Họ này cùng chung nguyên khí với trời đất sẽ bền vững mãi mãi mặc dầu hoàng, vương, đế, bá có lúc thịnh suy.

Phụ chú 2 : Vấn đề trên đây tác giả đã tham khảo ý kiến của cụ Cử Tạo (người miền Trung) và cụ Tô Nam (người miền Bắc) là các vị đã am hiểu rất nhiều về tình hình khoa cử của các triều đại và quen biết rộng các vọng tộc thế gia ở nước nhà. Nếu giáo sư Lương trọng Minh muốn biết kỹ hơn xin giao thiệp thẳng với hai cụ hiện đang phục vụ tại Nha Văn hóa (Bộ Quốc gia giáo dục, đường Lê văn Duyệt, Saigon.)

Kiêm Minh

■ *tiếp theo trang 19*

nghệ thuật nơi anh. Vả lại có cuộc chiến đấu nào lại không bắt buộc những hy sinh. Cuộc chiến đấu của Kiêm Minh nhiều khi là cả một cuộc vật vã dai dẳng với chính nội tâm anh trước một thực tế ác độc, phủ nhận mọi ước mơ, mọi hy sinh cách mạng và tự do. Cho nên có lúc văn chương anh chỉ còn là những lời kể lể. Dù vậy giữa vùng lầy của u uất và tuyệt vọng đó, tiếng nói Kiêm Minh vẫn còn giữ được một giọng tha thiết làm cho người ta tin cậy. Sau khi đọc một tạp bút của anh như « Thành phố, con ngựa » và một truyện ngắn, « Tháng năm và người mẹ » chẳng hạn trong tập *Mẹ Á Châu* thật khó quên được anh.

Kiêm Minh vẫn viết, anh còn mãi mãi bắt đầu, như anh nói. Từ ngõ hẻm của anh, Kiêm Minh vẫn đưa ra cho chúng ta một đóa hoa hồng. Biết đâu con đường anh đi lại không đòng đảo hơn.

---

sắc đẹp bảo vệ

HẠNH PHÚC TƯƠNG LAI

Ngay tân hôn, chàng là một thanh niên tuấn-tú, nàng là một thiếu nữ diễm kiều.

Họ sánh vai nhau như đôi Loan, Phượng.

Thế mà sau 5 năm hương lửa, trải qua vài lần sanh nở, xuân sắc của nàng đã đứng chựng để bắt đầu đi lùi vào sự tàn phai.

Bây giờ, khi vai sánh vai, người ta không còn thấy ở chàng và nàng sự xứng đôi vừa lứa nữa.

Sự già nua này đe dọa hạnh-phúc tương lai của nàng 1 cách khủng khiếp.,.

Thế nên, người phụ nữ muốn nắm giữ hạnh-phúc tương lai của mình, ngoài yếu tố hạnh kiểm thì sự bảo vệ sắc đẹp vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng.

Muốn bảo vệ sắc đẹp lâu dài thì ngay từ thanh xuân đến khi nên chồng vợ, lúc nào : về sức khoẻ thì năng tập thể dục, về sắc đẹp thì nuôi dưỡng làn da luôn luôn tươi mịn, không tàn nhang, vết nám ; không mụn sần, quầng đỏ, không khô khan, nhăn. nhờn v.v... với GRÈM THORAKAO

GRÈM THORAKAO lại có sẵn phấn để thường ngày trang điểm đẹp đẽ dản-dị, đồng thời cũng chống được nắng

HỒ HỮU TƯỜNG

✱ *tiếp theo trang 11*

Giữa năm 1939, rời hàng ngũ Đệ tứ và đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác Lê. Sau đó, bị nhà cầm quyền Pháp bắt, đày đi Côn Đảo với một số chánh trị gia chống lại thực dân như Nguyễn An Ninh, Phan văn Hùm và Tạ thu Thâu. Trong thời gian ở Côn Đảo, trao đổi suy nghiệm về việc đi tìm một « đường lối mới » với Nguyễn An Ninh và Phan văn Hùm ; học thêm chữ Hán.

Cuối năm 1944, được trả tự do.

1945, sau khi Nhật đảo chánh, ông ra Bắc để sang Tàu để thuyết Quốc dân Đảng Tàu theo đường lối trung lập, gặp Tạ thu Thâu ở Huế, cả hai cùng ra Hà nội trên một chiếc xe cam nhông tải đồ lậu.

1946, giúp bộ giáo dục lập chương trình, soạn và in sách giáo khoa tiếng Việt cho bậc trung học. Có đề nghị với Hồ Chí Minh nên để Việt Nam trung lập, nhưng thất bại. Cũng trong thời gian này, được mời vào phái đoàn dự Hội nghị tù bị Đà lạt, do Nguyễn trường Tam làm trưởng đoàn, song chẳng góp ý kiến gì. Tuyên bố nghỉ làm chánh trị từ 5 đến 10 năm để viết sách.

1949, sang Pháp lần thứ bảy, phụ trách phần sách Việt trong Thư viện Quốc gia Pháp.

1951, chủ trương tạp chí Pacific, tiên đoán Nga Mỹ sẽ đi vào con đường sống chung, đề nghị « đường lối thứ ba » cho các nước Á Phi chối dậy về hướng sống. 1953 về nước, chủ trương nhật báo Phương Đông. Trước khi Hội nghị Genève họp, đề nghị giải pháp « Trung lập chế » để tránh họa chia đôi đất nước.

1954, sang Genève vận động « Trung lập chế », chống việc chia cắt lãnh thổ, thất bại.

1955, ở trong *mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia* (Cao đài, Hòa hảo, Bình Xuyên) chống lại Ngô Đình Diệm, bị bắt ở rừng Sát, bị kết án tử hình. Và dư luận trong và ngoài nước sôi nổi, nên không bị hành quyết mà bị lưu đày Côn đảo (lần thứ hai),

1965, cộng tác với tuần báo *Hòa đồng* để phát huy nền văn minh tổng hợp (văn minh kỹ sư, văn minh chính trị, văn minh tu sĩ), làm phó viện trưởng viện Đại học Vạn Hạnh, dạy khoa EOMIR.

Tương lai Văn hóa Việt Nam tái bản lần nhì năm 65 thì 1966, Nguyễn văn Xuân, người từng sống trong lò mác xít, lên tiếng cho rằng đó là cuồng mộng của một kẻ có nhiều ẩn ức.

Kẻ viết bài này đưa bài « phán xét » trên Tin văn số 1 cho tác giả, hỏi nghĩ gì về lời « buộc tội » trên kia, thì được một nụ cười đáp lại :

— Anh Nguyễn văn Xuân thuộc nhóm anh Vũ Hạnh cũng đã không tiếc lời với *Thuốc trường sanh*, Hai anh ấy có một hậu ý không tốt, tôi đành đánh chữ làm thinh. Nhóm « Tin văn » các anh ấy làm tôi nhớ đến một số người đến bây giờ mà còn cho việc lên cung trăng là một chuyện điên rồ...

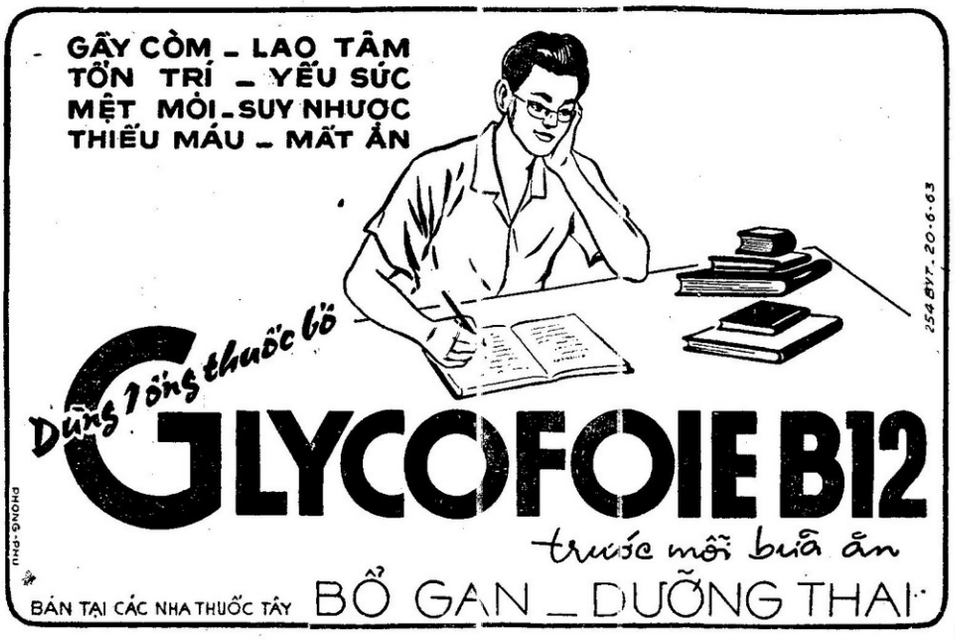

CÁCH MẠNG HỘI HỌA sau thế chiến

■ tiếp theo trang 30

của Kooning hay những nhân vật của Jorn thường gần gũi với nhân vật của Dubuffet. những hình thể đầy màu sắc của Estève đôi khi được kết cấu bằng những đường nét mạnh làm ta hơi đến Hartung, trong khi ở những tác phẩm khác lại được dùng màu gần giống như của Poliakoff ; trong một vài trường hợp, Barri mạo hiểm xa hơn là Kémény trong *sự thám hiểm sinh hoạt con người*.

Ngoài ra, chúng ta không thể bỏ sót những người hãy còn ở mọi nơi khác. Ngay nay người ta có thể viết về một lịch sử nghệ thuật xoay quanh trục của một số trung tâm địa lý hay văn hóa nào đó. Cho nên đã thấy xuất hiện tính cách sôi nổi của những họa sĩ miền Bắc Mỹ, phái duy phi lý của miền Bắc Âu, phái trực nghiệm Ý bên cạnh của Tây Ban Nha. Cần phải ghi thêm những tìm tòi của Á Châu và trình bày các họa sĩ Nhật như Do Moto (1928), Trung hoa như Zao-Wou-Ki (1920) tìm cách lồng ghép những truyền thống của họ vào kinh nghiệm của Tây phương như thế nào.

□

Tóm lại, như Alain Jouffrey viết, khám phá lớn lao của những họa sĩ thế kỷ 20, nhất là sau thời hậu chiến, là có thể làm nghệ thuật bằng bất cứ cái gì và vì thế những hành động mạo nhận chống nghệ thuật của những họa sĩ phái « dada ». Rồi trước đại chiến chỉ làm giàu có hơn một chút trong lĩnh vực nghệ thuật : không có gì là lẩn trốn nghệ thuật, không có gì có thể lẩn trốn con mắt và tinh thần thi ca của một nghệ sĩ. Tất cả là nghệ thuật. Ngay cả đời sống của con người — dù hắn có làm thơ hay không, dù hắn có vẽ hay không — cũng xây đắp nhiều hay ít từ cách thức sáng tạo, mà người ta gọi là sự tưởng tượng. Những luật lệ, những công thức, những lĩnh tuyệt đối (impératif catégorique) những định nghĩa, tất cả những cái đó là đẹp và quá mục nát, nứt rạn, và không một thẩm mỹ học nào xây dựng trên những phế tích giáodiều đó mà khỏi bị chế nhạo : dù là vẽ theo lối từng vết (tachisme) hay theo hiện thực xã hội, không có gì có thể giữ mãi được (nếu không nhờ sự nâng đỡ của các bộ hay của mật vụ), trong luồng gió trí thức vĩ đại này đã thổi mạnh trên trái đất từ đầu thế kỷ hai mươi. Nghệ thuật không còn biên giới bởi vì người ta biết, ngày nay, nó có thể nhập vào hoàn toàn với đời sống, những thổ dân ở Bắc Mỹ Châu, cũng như những con người ở Lascaux, biết điều đó trước chúng ta. Phải hàng ngàn năm Âu Châu mới lại khám phá sự trùng hợp hiển nhiên này.

CÁC BÀI THAM KHẢO :

- Les théories inventéespar les peintres du XXèsiècle ont libéré l'art de toute limitation của Alain Jouffroy (Jardin des Arts.)
- Evolution et tendances de la peinture de puis 1944 của Françoise Choay (Jardin des Arts).
- Biogarphie des peintres của Françoise Choay (Jardin des Arts).

HẾT

triển lãm Vị ý

Tại Phòng Thông Tin Đô Thành
từ ngày Chú Nhật 17-7 đến 26-7-66.

trả lời thư hỏi sắc đẹp

KIM LIÊN 103 Ngô tùng Châu, Sg.

1) Phượng Nhatrang, Hôm nay em 18 tuổi rưỡi rồi ới nghĩ đến trang điểm là quá muộn, làm c làn da phải chống với thiên nhiên, thì em i thiệt mất nhiều thẩm mỹ sự bồi dưỡng của da. Đến tuổi dậy thì trang điểm chông th n nhiên, giúp này nở làn da bắp thịt, lúc tối em dùng thêm Tonique Facial Protene và dùng gòn nhúm thuốc lau sạch bụi mỏ hồ đóng lỗ chơn lông, trị mụn tầm khí lỗ chơn lông, ban ngày em trang điểm thêm crè ne Thorakao loại kem thuốc bồi bổ da được mịn màng, mát da không sanh mụn.

2) Em Vân Chợlớn. Em nên rửa chỗ da nhơn với savon acide (mua ở nhà thuốc tây) lau mặt với một miếng bông sạch có thấm alcool Camphré Em dùng lait Total để rửa lan da mặt, ker em dùng Acnéol hay Pond-d'crème uống thêm Vitamine B Complexe. Em giữ da má luôn tránh nóng nực đổ mồ hôi. Việc dùng phấn em rửa mặt thật sạch, em lau mặt với một lớp nước hoa hường. Đợi cho khô rồi em bôi lên lớp kem Acnéol để thật khô Xong đánh phấn lên khắp mặt em d ng phấn hiệu Coty, Tokalon, son Elizabeth Arden là tốt. Nếu làn da đen em không lót kem trông thấy nốc. Chú ý kem và hấn quá dầy sẽ bị chảy lúc tổ mo nổi, thử iem bông tẩm phấn để chậm lúc dự tiệc hay dạ hội

3) Em Kiều Nga Biên hòa. Tuổi em như vậy là thường, uy nhiên em muốn này nở nau có thể en dùng Hormosein hoặc là dealsein giúp sự này nở bộ ngực đồng lều nhau le, xoa nắn thường đêm thời gian kết quả, tầm bổ them Vitamine.

4) Dung Saigon. Chân bị nứt em rửa sạch với nước tím rồ mua Phénergan Cream thoa. Ý quê dùng mỡ trăn thoa cũng hết, em cũng mập đấy, tr nh ăn mỡ dầu, ăn nhiều rau ngọc, cần vận độ ng thể dục thoa nắn Cellu-nol Parapack ay Gelée iodée Gelam để an lớp mỡ Cell lite cho tay chơn thon lại ẹp như xưa, em thấy da bụng dày thêm heo em dùng đ Glycérine thoa cho da mềm ùng đừng nhuộ thấy chính lắm, em dùng ay Vergénol oặc Tonilik Vergéta vừa iện tiện sạch sẽ khoa học và trị làn da em ăn nứt.

5) Em Hoàng Dakao. Em được hàng tốt à hỏi ở đâu may vừa ý ? Chị chỉ em đến 8 Pasteur, nhà may thiết Lập ngang cửa ệnh viện Pasteur, rất nhiều người đều biết, toàn là quí bà c sang trọng đến may với chiếc áo dài đẹp anh nhã vừa ý trong lúc dự tiệc và dạ hội. (Chị em 4 phương, thư về cho Liên vắn tắt 1 trang pelure thôi, nhiều quá làm chị trả lời không đầy đủ và mất ý nghĩa, các em thông cảm)

nghệ thuật

Tuần Báo Văn Học Nghệ Thuật
ra ngày thứ bảy
giấy phép xuất bản số 4260/BTT/PLC/BC cấp ngày 29-7-1965. In tại Thư Lâm Ấn Thư Quán
283, Phạm Ngũ Lão, Saigon
Chủ nhiệm — Chủ bút
MAI THẢO
Thư Ký Tòa Soạn
VIỄN LINH

□

Mỗi số	10 đồng
Sáu tháng	230 —
Một năm	450 —

Công sở giá gấp đôi
Tiền bạc, ngân phiếu giao dịch với :
Quản Lý
Cô NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU
Kiểm duyệt số 1800 ngày 15-7-66

CORNELL UNIVERSITY
FEB 24 1967
LIBRARY

lait

Total®

A BASE DE CALENFIL

nuôi dưỡng và làm tươi da mặt

- MỊN-MÀNG
- XINH TƯƠI
- TRẺ ĐẸP
- KHỘNG BỊ NẮNG ĂN
- KHỎI DÙNG PHẤN

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VÀ HIỆU MỸ-PHẨM

MỸ-PHẨM CỦA ISAPJ 22, KỸ-ĐỒNG, SAIGON

GIÁ BÁN 8